

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
NĂM HỌC 2023 – 2024

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Thuộc nhóm ngành khoa học
Kinh tế - Xã hội

Trần Thị Mai Huyền
Nguyễn Thị Phương Nhi

Kon Tum, tháng 05 năm 2024

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM

BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN
NĂM HỌC 2023 – 2024

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT
TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Thuộc nhóm ngành khoa học: Kinh tế - Xã hội

Sinh viên thực hiện:

Trần Thị Mai Huyền (K21KT) – Nữ

Nguyễn Thị Phương Nhi (K21KT) – Nữ

Khoa: Kinh tế

Ngành học: Kế toán

Người hướng dẫn: T.S Phan Thị Thanh Quyên

Kon Tum, tháng 05 năm 2024

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1 Lý do chọn đề tài	1
2 Mục tiêu đề tài	2
3 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
3.1 Đối tượng nghiên cứu	2
3.2 Phạm vi nghiên cứu	2
4 Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.....	3
4.1 Cách tiếp cận	3
4.2 Phương pháp nghiên cứu	3
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	4
1.1 Những vấn đề cơ bản về báo cáo phát triển bền vững	4
1.1.1 Khái niệm báo cáo phát triển bền vững.....	4
1.1.2 Vai trò quan trọng của báo cáo phát triển bền vững	6
1.1.3 Các khuôn mẫu về lập và trình bày báo cáo phát triển bền vững.....	7
1.2 Chất lượng báo cáo phát triển bền vững.....	13
1.2.1 Khái niệm chất lượng báo cáo phát triển bền vững.....	13
1.2.2 Các mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững	15
1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	33
2.1 Mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam	33
2.2 Thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam.....	38
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM	53
3.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp	

Việt Nam.....	53
3.2 Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam	64
KẾT LUẬN	71
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	74

DANH MỤC BẢNG BIỂU

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG	
Bảng 1.1: Mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới	16
Bảng 1.2: Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững theo kết quả nghiên cứu của cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới	26
Bảng 2.1: Tiêu chí đánh giá chất lượng Báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp và quy luật quy đổi điểm	33
Bảng 2.2: Thống kê mô tả các tiêu chí đánh giá chất lượng Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report	45
Bảng 2.3: Thống kê mô tả chỉ tiêu “Chất lượng Báo cáo phát triển bền vững năm 2022” của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report	47
Bảng 3.1: Biến quan sát phục vụ nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng chất lượng báo cáo phát triển bền vững	53
Bảng 3.2: KMO and Bartlett's Test	56
Bảng 3.3: Total Variance Explained	57
Bảng 3.4: Rotated Component Matrixa – Lần thứ nhất	57
Bảng 3.5: Rotated Component Matrixb – Lần thứ hai (lần cuối cùng)	58
Bảng 3.6: Correlations	59
Bảng 3.7: ANOVA ^c	60
Bảng 3.8: Model Summary ^e	61
Bảng 3.9: Coefficients ^g	61
Bảng 3.10: Mối quan hệ giữa đặc trưng của doanh nghiệp và chất lượng báo cáo phát triển bền vững	64
HÌNH	
Hình 0.1: Quy trình thực hiện nghiên cứu nhằm đề xuất giải pháp cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững	3

Hình 1.1: Định hướng xây dựng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của các nhà khoa học trên thế giới	24
Hình 2.1: Thống kê top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report theo lĩnh vực hoạt động	38
Hình 2.2: Thống kê top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report theo loại hình doanh nghiệp	39
Hình 2.3: Thống kê top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report theo tỷ lệ vốn sở hữu Nhà nước	39
Hình 2.4: Mức độ và cách thức công bố thông tin về phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report giai đoạn 2020-2022, %	40
Hình 2.5: Mức độ công khai thông tin phát triển bền vững thông qua website của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	41
Hình 2.6: Thống kê số lượng trang báo cáo phát triển bền vững được công bố của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	41
Hình 2.7: Mức độ tích hợp 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc vào báo cáo của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report	42
Hình 2.8: Mức độ áp dụng chuẩn mực GRI khi lập Báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	43
Hình 2.9: Mức độ công bố Danh mục GRI trong Báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report	43
Hình 2.10: Mức độ tin cậy của Báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	44

Hình 2.11: Mức độ công bố kịp thời Báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	45
Hình 2.12: Mức độ đạt được các tiêu chí đánh giá chất lượng Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	46
Hình 2.13: Mức độ đạt được các chỉ tiêu thuộc tiêu chí “Đầy đủ”, %	47
Hình 2.14: Mức độ đạt được các chỉ tiêu thuộc tiêu chí “Có thể so sánh được”, %	47
Hình 2.15: Xếp loại chất lượng Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %	48
Hình 2.16: Top 11 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report có điểm quy đổi về chất lượng Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 cao nhất	49
Hình 2.17: Top 5 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report có điểm quy đổi về chất lượng Báo cáo phát triển bền vững năm 2022 thấp nhất	50
Hình 2.18: Mức độ công bố chỉ số kinh tế, môi trường và xã hội theo chuẩn mực GRI của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) xếp hạng bởi Vietnam Report, %	50
Hình 2.19: Mức độ công bố chỉ số theo chuẩn mực GRI của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) xếp hạng bởi Vietnam Report	51
Hình 3.1: Tỷ lệ nữ giới tham gia bộ máy quản trị công ty của Top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report	61
Hình 3.2: Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report	63

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung

- Tên đề tài: Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam
- Sinh viên thực hiện:
 - + Trần Thị Mai Huyền – K21KT
 - + Nguyễn Thị Phương Nhi – K21KT
- Khoa: Kinh tế Năm thứ: 3 Số năm đào tạo: 4
- Người hướng dẫn: T.S Phan Thị Thanh Quyên

2. Mục tiêu đề tài

- Hệ thống cơ sở lý luận về chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Đánh giá thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam thông qua ứng dụng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững;
- Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

3. Tính mới và sáng tạo

Bên cạnh việc giúp các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức nghề nghiệp và bản thân cộng đồng doanh nghiệp có cái nhìn đúng đắn về chất lượng báo cáo phát triển bền vững, cũng như xây dựng các cơ chế, chính sách hợp lý để cải thiện chất lượng thông tin phi tài chính được công bố bởi doanh nghiệp Việt Nam, nghiên cứu “Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam” xác định các nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Đồng thời, trên cơ sở kết quả thu được, một số giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững được đề xuất. Nghiên cứu này đóng góp vào việc thúc đẩy công tác lập và công khai thông tin về phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam và tạo ra một môi trường kinh doanh có trách nhiệm và minh bạch.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu dữ liệu được thu thập và tổng hợp từ công thông tin chính thức của mẫu nghiên cứu, gồm 100 doanh nghiệp đầu tiên thuộc top 500 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo bảng xếp hạng của Vietnam Report thông qua mô hình đo lường đề xuất với 4 tiêu chí đầy đủ, tin cậy, có thể so sánh được và kịp thời cho thấy, không chỉ có mức độ công bố Báo cáo phát triển bền vững thấp, mà chất lượng Báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam chưa đáp ứng được các yêu cầu chất lượng. Do đó, Nhà nước và các cơ quan chức năng cần có cơ chế và chính sách phù hợp nhằm cải thiện tính đáng tin cậy và tính có thể so sánh được của thông tin phi tài chính được công bố bởi cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Để xác định các nhân tố tiềm năng có thể tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, bảy biến quan sát liên quan đến các đặc trưng về hoạt động kinh doanh, cơ cấu nhân sự của bộ máy quản trị công ty, tổ chức của bộ máy quản trị công ty, cơ cấu vốn chủ sở hữu được xem xét và đánh giá. Căn cứ kết quả phân tích nhân tố khám phá, tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính có thể kết luận, nhân tố “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” – được tạo thành từ 04 biến quan sát “Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài”, “Ủy ban về Phát triển bền vững”, “Tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị” và “Loại hình doanh nghiệp” ảnh hưởng tích cực đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, trong khi đó nhân tố “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” – được tạo thành từ 02 biến quan sát “Tỷ lệ nữ giới trong Ban điều hành” và “Tỷ lệ nữ giới trong Hội đồng quản trị” lại không có ý nghĩa thống kê. Để cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp cần phải thực hiện cải cách đồng bộ, không chỉ bộ máy quản trị, mà còn tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp, trong đó quan điểm của đội ngũ quản trị về các vấn đề môi trường và xã hội đóng vai trò chủ chốt.

5. Đóng góp về mặt kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng và khả năng áp dụng của đề tài

Giúp các nhà hoạch định chính sách, các tổ chức nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan có cái nhìn tổng quan và đúng đắn về thực trạng công bố thông tin phi tài chính về phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam. Từ đó, nâng cao nhận thức của bản thân doanh nghiệp về việc cần phải đầu tư cả nguồn vật lực và nhân lực nhằm cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững, góp phần tăng cường

tính công khai, minh bạch và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng sẽ hình thành cơ sở nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ quan lập pháp, cũng như Nhà nước xây dựng các cơ chế, chính sách hợp lý để cải thiện chất lượng thông tin phi tài chính được công bố bởi các doanh nghiệp.

6. Công bố khoa học của sinh viên từ kết quả nghiên cứu của đề tài

TT	Công bố khoa học	Hiện trạng	Ghi chú
1	Bài báo khoa học “Chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam” – Tạp chí khoa học Đại học Đông Á	Đồng ý đăng nhưng cần chỉnh sửa	Đã gửi bài chỉnh sửa 13/6/2024
2	Bài báo khoa học “Nhân tố ảnh hưởng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam” – Tạp chí khoa học Đại học Đông Á	Đang chờ phản biện	Gửi bài 09/05/2024
3	Báo cáo tổng kết của đề tài “Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam”	Hoàn thành	

Ngày 25 tháng 6 năm 2024

**Sinh viên chịu trách nhiệm chính
thực hiện đề tài**

Trần Thị Mai Huyền

Nhận xét của người hướng dẫn về những đóng góp khoa học của sinh viên thực hiện đề tài: Nhóm nghiên cứu đã khắc họa rõ nét thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, đồng thời chỉ ra được sự khó khăn thực sự trong việc cải thiện chất lượng báo cáo, bởi nhân tố ảnh hưởng được đề xuất là một tập hợp rất nhiều yếu tố cấu thành và bao quát rất nhiều khía cạnh hoạt động của doanh nghiệp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024

Xác nhận của Phân hiệu ĐHQĐN tại Kon Tum
(ký tên và đóng dấu)

Người hướng dẫn

Phan Thị Thanh Quyên

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trải qua hơn 35 năm kể từ khi Báo cáo Brundtland được công bố bởi Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới năm 1987, phát triển bền vững luôn là chủ đề nghiên cứu nhận được sự quan tâm của đông đảo cộng đồng các nhà khoa học trong và ngoài nước. Nhất là khi Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu phát triển bền vững được Liên hợp quốc phê duyệt năm 2015 đã đề cao vai trò và sự đóng góp của các thành phần khác nhau trong xã hội vào sự bền vững của một quốc gia nói riêng, cũng như sự bền vững chung của nhân loại. Là một trụ cột của nền kinh tế quốc dân, cộng đồng doanh nghiệp được xem như một tác nhân then chốt trong quá trình chuyển đổi hoạt động sang mô hình phát triển bền vững. Do đó, việc đo lường và đánh giá sự đóng góp của doanh nghiệp vào việc thực hiện các mục tiêu bền vững trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Đồng thời, cộng đồng doanh nghiệp phải đối mặt với nhu cầu ngày càng tăng về trách nhiệm giải trình. Với tư cách là những chủ thể có trách nhiệm đối với cộng đồng, doanh nghiệp đang phải đối mặt với áp lực thể chế, cũng như yêu cầu về mức độ cam kết cao hơn trong việc công bố thông tin xã hội và môi trường từ các bên liên quan. Vậy nên, nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu áp dụng báo cáo phát triển bền vững và các công cụ công bố thông tin tự nguyện khác nhằm đáp ứng kỳ vọng về sự minh bạch thông tin của các bên liên quan.

Bên cạnh đó, báo cáo phát triển bền vững không chỉ là công cụ hỗ trợ đắc lực quá trình hoạch định chiến lược và ra quyết định của nhà quản trị, mà còn góp phần nâng cao tầm nhìn và danh tiếng, từ đó củng cố vị thế cạnh tranh và sức mạnh thương hiệu của doanh nghiệp. Mặc dù, mức độ quan tâm đến báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp đã tăng những năm gần đây, công tác lập và công bố thông tin về phát triển bền vững vẫn còn ở giai đoạn sơ khai. Không chỉ hạn chế về số lượng báo cáo được phát hành, mà chất lượng báo cáo phát triển bền vững cũng chưa đáp ứng được nhu cầu, cũng như kỳ vọng của các bên liên quan.

Vậy nên, việc tìm kiếm và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của báo cáo phát triển bền vững là hết sức cần thiết. Nhất là khi các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với những thách thức liên quan đến việc công bố thông tin phi tài chính về phát triển bền vững, cũng như việc đảm bảo độ chính xác, tin cậy và sự tương

thích của những thông tin được công bố. Trên cơ sở phân tích thực trạng công bố báo cáo phát triển bền vững và những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam, một số giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam. Việc lựa chọn đề tài này cũng mang lại cơ hội nghiên cứu sâu hơn về công tác kế toán lập và công bố báo cáo phi tài chính hay báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp. Những kết quả nghiên cứu thu được là cơ sở nền tảng hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và các cơ quan Nhà nước xây dựng các cơ chế, chính sách hợp lý để cải thiện chất lượng thông tin được công bố.

Tóm lại, nghiên cứu “Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam” là một đề tài mang tính cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhất là trong việc góp phần nâng cao chất lượng thông tin về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội.

2. Mục tiêu đề tài

- Hệ thống cơ sở lý luận về chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Đánh giá thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam thông qua ứng dụng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững.
- Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững và giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam.

Phạm vi về không gian nghiên cứu: 100 doanh nghiệp đầu tiên thuộc top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) được xếp hạng bởi Vietnam Report.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1 Cách tiếp cận

Đề tài tiếp cận từ lý thuyết đến ứng dụng vào thực tiễn việc đánh giá thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam.

4.2 Phương pháp nghiên cứu

4.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Đề tài sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập và tổng hợp trong giai đoạn 2020-2023 từ các nguồn:

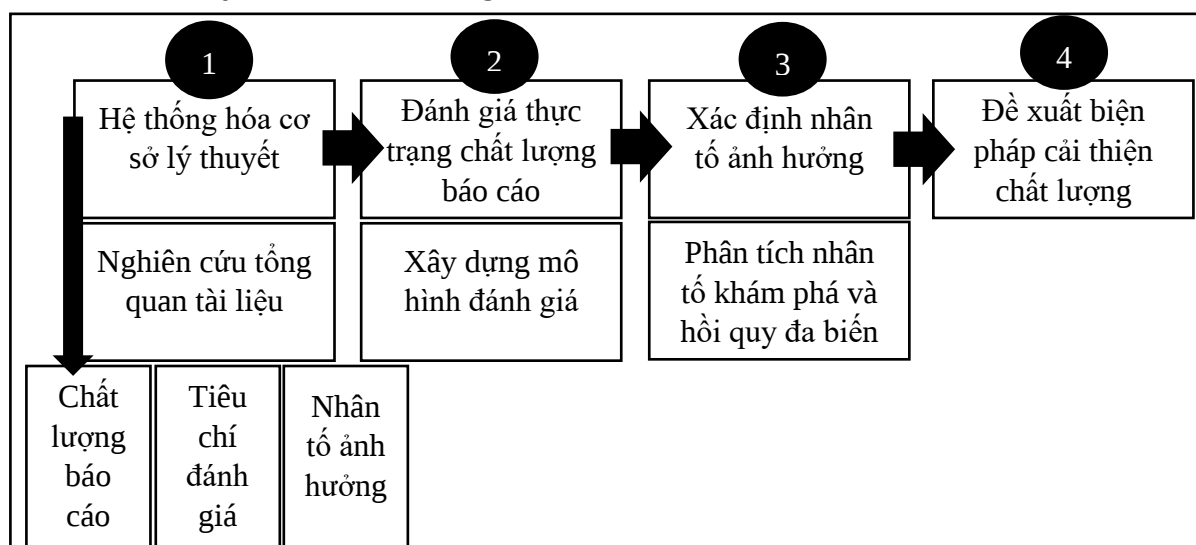
- + Báo cáo tài chính; Báo cáo thường niên; Báo cáo phát triển bền vững;
- + Thông tin được công bố chính thức trên website của doanh nghiệp;

4.2.2 Phương pháp xử lý dữ liệu

Dữ liệu thu thập được xử lý thông qua áp dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính nhằm đánh giá thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố khác nhau đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam.

Sử dụng phần mềm SPSS 20, Excel.

4.2.3 Quy trình thực hiện nghiên cứu



Hình 0.1: Quy trình thực hiện nghiên cứu nhằm đề xuất giải pháp cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề cơ bản về báo cáo phát triển bền vững

1.1.1 Khái niệm báo cáo phát triển bền vững

Thuật ngữ “phát triển bền vững” trở nên phổ biến và được sử dụng rộng rãi kể từ sau bài phát biểu của Thủ tướng Na Uy Gro Harlem Brundtland tại Liên hợp quốc và Ủy ban phát triển môi trường Liên hợp quốc (World Commission on Environment and Development – WCED) xuất bản báo cáo Brundtland với tiêu đề “Tương lai chung của chúng ta” năm 1987. Theo đó, phát triển bền vững được định nghĩa là “sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của thế hệ tương lai” (WCED, 1987). Bằng cách tập trung vào mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, con người có trách nhiệm cân bằng nhu cầu của hiện tại và tương lai khi hướng tới mục tiêu phát triển. Như vậy, phát triển bền vững nhấn mạnh đến việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên để thế hệ mai sau có thể sử dụng và phục vụ cho nhu cầu của họ. Theo Figge và cộng sự (2002) sự phát triển bền vững được mô tả thông qua ba trụ cột chính, bao gồm kinh tế, môi trường và xã hội.

Nhất là khi 17 mục tiêu phát triển bền vững với 169 mục tiêu cụ thể và 232 chỉ tiêu được Liên hợp quốc thông qua năm 2015 nhằm hướng tới xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo mọi người dân được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều thống nhất chung tay vì sự bền vững của nhân loại. Và là một trong ba thành phần đóng vai trò quan trọng của nền kinh tế quốc dân, cộng đồng doanh nghiệp đã và đang là cánh tay phải đắc lực của chính phủ thông qua sự đóng góp vào việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển và hướng đến sự bền vững trong dài hạn. “Doanh nghiệp bền vững” là một mô hình tổ chức vận hành dựa trên nguyên tắc tích hợp các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong tất cả các hoạt động kinh doanh thường ngày, trong đó tiền chỉ là công cụ, thay vì là mục tiêu cuối cùng (Keijzers, 2002). Rojek-Nowosielska (2015) đề xuất sử dụng lý thuyết bộ ba cốt lõi bền vững (Triple bottom line – 3BL) như một bộ khung chuẩn nhằm phân tích sự bền vững của một doanh nghiệp, bao gồm sự phát triển không chỉ về lợi nhuận mà còn là xã hội (con người) và môi trường (hành tinh).

Ngày nay, bên cạnh việc giải quyết các vấn đề liên quan đến làm thế nào đạt được

sự bền vững, đánh giá và đo lường sự bền vững, doanh nghiệp còn quan tâm đến việc làm thế nào có thể trình bày và công bố thông tin hữu ích về những hoạt động vì môi trường, xã hội hay những đóng góp của mình trong việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển của Liên hợp quốc đến các bên liên quan. Từ đó, báo cáo phát triển bền vững được xem như một công cụ hữu ích giúp cộng đồng doanh nghiệp truyền tải những thông điệp tích cực trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách của nhân loại đến những cá nhân quan tâm đến hoạt động của mình (Chen và cộng sự, 2016; Lucy và Taylor, 2018; Mahoney và cộng sự, 2013; Romero và cộng sự, 2019; Uyar và cộng sự, 2020).

Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững thế giới (World Business Council for Sustainable Development – WBCSD) định nghĩa “báo cáo phát triển bền vững là báo cáo được công khai bởi cộng đồng doanh nghiệp, nhằm mục đích cung cấp thông tin về vị thế của doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội đối với các bên liên quan, cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp”. Hay có thể mô tả một cách ngắn gọn, “báo cáo phát triển bền vững mô tả sự đóng góp của doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững” (WBCSD, 2003).

Mặt khác, Srivastava và cộng sự (2009) nhận định “báo cáo phát triển bền vững là một cách thức báo cáo về hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của thực thể báo cáo. Đồng thời, báo cáo phát triển bền vững là một phương tiện giúp thực thể báo cáo cung cấp các thông tin phi tài chính, ảnh hưởng nó đến các số liệu tài chính và các giá trị gia tăng có thể được hình thành trong quá trình phát triển của thực thể báo cáo”. Trong khi đó, theo quan điểm của Efimova và Batyrova (2013) “báo cáo phát triển bền vững là quá trình thông báo công khai về các hoạt động của một tổ chức liên quan đến các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị để đáp ứng các tiêu chí bền vững.”

Theo Sáng kiến báo cáo toàn cầu, báo cáo phát triển bền vững được định nghĩa là “việc đo lường, công bố, giải trình và cam kết trách nhiệm trước các bên liên quan bên trong và bên ngoài về kết quả hoạt động của tổ chức hướng tới mục tiêu phát triển bền vững” (GRI, 2016). Mặt khác, nhóm tác giả Chen và cộng sự (2016), Romero và cộng sự (2019) cho rằng “báo cáo phát triển bền vững là thông lệ đo đếm, công bố và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trước các bên liên quan về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững.” Thông qua báo cáo, doanh nghiệp đánh giá và công bố thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên các khía cạnh môi trường và xã hội, bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị vốn hay

những thông tin vẫn được công bố theo thông lệ. Việc công bố thông tin về tính bền vững cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính hữu ích cho cổ đông và các bên liên quan khác, giúp giảm thiểu chủ nghĩa cơ hội và thao túng thu nhập của công ty. Nhóm tác giả nhận định báo cáo phát triển bền vững là cách thức mới để xây dựng và định lượng giá trị của doanh nghiệp.

Mặc dù, có rất nhiều quan điểm khác nhau về báo cáo phát triển bền vững được đề xuất vào các thời điểm khác nhau, vẫn tồn tại những điểm chung nhất định giữa các nhà khoa học và tổ chức quốc tế khi định nghĩa về báo cáo phát triển bền vững và có thể được tóm gọn lại thành những hàm ý chính, bao gồm: báo cáo phát triển bền vững là công cụ hay phương tiện truyền tải thông tin của doanh nghiệp và thông tin được truyền tải chủ yếu là những thông tin phi tài chính về những đóng góp hữu ích của doanh nghiệp trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển bền vững nhằm hướng tới sự bền vững trong dài hạn.

1.1.2 Vai trò quan trọng của báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo phát triển bền vững là một công cụ quan trọng được sử dụng để đánh giá và thông báo về tác động của các hoạt động kinh doanh đến môi trường, xã hội và kinh tế. Nó cung cấp thông tin về cách mà doanh nghiệp hoạt động và đóng góp vào sự phát triển bền vững, từ đó tạo ra một cơ sở để đo lường, theo dõi và báo cáo về tiến bộ của các mục tiêu phát triển bền vững.

Đối với doanh nghiệp, báo cáo phát triển bền vững giúp doanh nghiệp nhìn nhận và định hình lại các hoạt động kinh doanh của mình theo hướng phát triển bền vững. Nó cung cấp một khung tham chiếu và tiêu chuẩn để đo lường và cải thiện hiệu quả hoạt động, từ đó tăng cường hình ảnh công ty, thu hút nhà đầu tư và khách hàng có ý thức về bền vững.

Đối với nhà đầu tư và chủ sở hữu, báo cáo phát triển bền vững cung cấp thông tin về hiệu suất tài chính và tác động xã hội, môi trường của doanh nghiệp. Điều này giúp nhà đầu tư và chủ sở hữu đánh giá rủi ro và cơ hội đầu tư, cũng như xây dựng các quyết định dựa trên các tiêu chí bền vững.

Đối với xã hội và cộng đồng, báo cáo phát triển bền vững là công cụ để doanh nghiệp giao tiếp với cộng đồng và các bên liên quan khác. Nó cho phép công bố các tác động xã hội và môi trường của doanh nghiệp, cung cấp thông tin về các hoạt động bền

vững và cam kết của doanh nghiệp đối với xã hội.

Đối với môi trường, báo cáo phát triển bền vững giúp doanh nghiệp nhìn nhận và quản lý tác động của hoạt động kinh doanh lên môi trường. Nó khuyến khích sử dụng tài nguyên tự nhiên một cách bền vững, giảm thiểu ô nhiễm và phát triển các giải pháp xanh hơn.

Tóm lại, báo cáo phát triển bền vững không chỉ là một công cụ để đo lường và báo cáo về hiệu quả kinh doanh, mà còn có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển bền vững, tăng cường trách nhiệm xã hội và môi trường của doanh nghiệp và xây dựng lòng tin và sự tương tác tích cực với các bên liên quan.

1.1.3 Các khuôn mẫu về lập và trình bày báo cáo phát triển bền vững

Chính phủ, công ty, nhà đầu tư và các tổ chức phi chính phủ thường sử dụng báo cáo bền vững để chia sẻ và hiểu rõ hiệu suất cũng như tác động của họ đối với nhiều chủ đề liên quan đến bền vững. Bao gồm:

- Phát thải khí nhà kính (GHG);
- Tác động đa dạng sinh học;
- Sử dụng vật liệu và tài nguyên;
- Tính bền vững của chuỗi cung ứng.

Báo cáo bền vững là công cụ hữu hiệu để các tổ chức truyền đạt thông tin về rủi ro, cơ hội và thực hành liên quan đến môi trường cho các nhóm liên quan như nhà đầu tư, cơ quan quản lý, đối tác, nhân viên và khách hàng. Từ đó, các đối tượng sử dụng thông tin có thể đưa ra quyết định sáng suốt khi xem xét trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc giải quyết các vấn đề cấp bách của xã hội.

Đối với bất kỳ chủ thể hoạt động theo định hướng phát triển bền vững hay ESG, việc lập và công bố thông tin phi tài chính về đóng góp của doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững hay báo cáo phát triển bền vững đã trở thành xu hướng phổ biến, đồng thời cũng là một phương thức truyền tải thông điệp tích cực được lựa chọn bởi cộng đồng doanh nghiệp.

Việc lựa chọn và áp dụng các chuẩn mực, khuôn mẫu hướng dẫn công tác lập và trình bày báo cáo phát triển bền vững là bước khởi đầu quan trọng trên con đường cải thiện hiệu chất lượng thông tin được công bố của doanh nghiệp. Mỗi một chuẩn mực hay khuôn mẫu đều được công nhận trên toàn cầu và được áp dụng rộng rãi. Các khuôn

mẫu đều tuân thủ một quy trình biên soạn nghiêm ngặt và được cập nhật thường xuyên nhằm thu hẹp khoảng cách hay xóa bỏ những khác biệt đáng kể giữa những khuôn mẫu hay chuẩn mực khác nhau. Hiện nay, có 7 chuẩn mực hướng dẫn về việc lập và công bố báo cáo bền vững hàng đầu được sử dụng phổ biến. Những chuẩn mực này bao gồm:

➤ **The European Sustainability Reporting Standards (ESRS):**

Đây là chuẩn mực hướng dẫn về báo cáo phát triển bền vững của Liên minh Châu Âu được ban hành thông qua Chỉ thị báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive – CSRD), nhằm đảm bảo sự thống nhất và độ minh bạch trong việc báo cáo thông tin về phát triển bền vững đối với các doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu.

Mục tiêu: Tạo ra khuôn khổ hướng dẫn chung nhất về báo cáo phát triển bền vững cho tất cả các doanh nghiệp tại Liên minh châu Âu để giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan khác hiểu rõ hơn về tiềm năng và rủi ro liên quan đến các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp.

Phạm vi áp dụng: Các doanh nghiệp hoạt động tại các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu và không quan trọng ngành nghề hoặc loại hình doanh nghiệp.

➤ **The IFRS Sustainability Disclosure Standards:**

Mô tả: Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board – ISSB) là một cơ quan độc lập, thuộc khu vực tư nhân được thành lập bởi Tổ chức Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (International Financial Reporting Standards Foundation – IFRS) đã tìm cách phát triển “các tiêu chuẩn chất lượng cao về báo cáo tài chính và phát triển bền vững, dễ hiểu, có thể thực thi và được chấp nhận trên toàn cầu”. Mục tiêu của ISSB là cung cấp cho các nhà đầu tư và những bên liên quan khác tham gia thị trường thông tin nhất quán về rủi ro và cơ hội liên quan đến tính bền vững của các công ty, để giúp họ đưa ra quyết định sáng suốt trong một loạt các ngành công nghiệp. Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB) đã phê duyệt vào tháng 02/2023, các tiêu chuẩn báo cáo bền vững toàn cầu mới đây đã được công bố vào tháng 06/2023.

Hai Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board) đầu tiên là: IFRS (Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế) S1: Yêu cầu chung đối với thuyết minh tài chính liên quan đến tính bền vững. Các tiết lộ liên quan

đến khí hậu IFRS S2, hiện đã được công bố vào cuối quý II/2023. Mục tiêu của tiêu chuẩn là giúp các nhà đầu tư toàn cầu đánh giá tốt hơn giá trị dài hạn của các công ty niêm yết, với các báo cáo bền vững được phát hành cùng với các báo cáo tiêu chuẩn tài chính. Chủ tịch ISSB Emmanuel Faber cho biết: “Các tiêu chuẩn sẽ giúp đạt được mục tiêu này với một ngôn ngữ báo cáo mới nhằm cải cách văn hóa, tổ chức và quy trình kinh doanh. Chống biến đổi khí hậu và thể hiện thực hành môi trường tốt chống lại các tuyên bố tẩy xanh tiềm năng.”

Dự thảo cuối cùng của S2 về công bố khí hậu có một phụ lục đặc biệt giải thích cách các thương hiệu và nhà sản xuất nên giải quyết cụ thể vấn đề này. Tiêu chuẩn hướng dẫn các thương hiệu và nhà sản xuất báo cáo “tỷ lệ phần trăm nguyên liệu thô được chứng nhận của bên thứ ba theo tiêu chuẩn bền vững về môi trường và / hoặc xã hội”, tuyên bố tỷ lệ phần trăm được bao phủ bởi mỗi tiêu chuẩn. Số lượng nhà cung cấp giao dịch trực tiếp với doanh nghiệp cũng phải được khai báo: “nhà cung cấp cấp một”, chẳng hạn với một công ty may mặc như nhà sản xuất thành phẩm, cơ sở cắt và may và “nhà cung cấp cấp hai”, chẳng hạn như “nhà sản xuất, cơ sở chế biến và nhà cung cấp khai thác nguyên liệu thô (ví dụ: nhà máy, nhà máy nhuộm và nhà máy giặt, các nhà sản xuất khác nhau, thuộc da, thợ thêu, màn hình máy in, trang trại và / hoặc lò mổ).”

Ngay khi các tiêu chuẩn này được thiết lập, các nhà đầu tư và các bên liên quan khác sẽ yêu cầu dữ liệu về phát triển bền vững có thể so sánh và minh bạch có thể yêu cầu các công ty cung cấp thông tin phù hợp với các tiêu chuẩn này.

Mục tiêu: Tạo ra các nguyên tắc và hướng dẫn cụ thể cho việc báo cáo về hoạt động bền vững của doanh nghiệp, bao gồm cả các chỉ số và phương pháp tính toán.

Phạm vi áp dụng: Dự kiến sẽ áp dụng cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới, với mục tiêu tạo ra một tiêu chuẩn báo cáo bền vững quốc tế.

➤ **Customer Data Platform (CDP):**

Mô tả: CDP (trước đây là “Dự án Công bố Carbon”) là một tổ chức phi lợi nhuận được thành lập năm 2000. CDP tổ chức các cuộc khảo sát hàng năm về phát thải khí nhà kính và thông tin môi trường từ các doanh nghiệp và tổ chức trên khắp thế giới. CDP vận hành hệ thống công bố lớn nhất trên toàn cầu cho các công ty và thành phố.

Mục tiêu: CDP thu thập và phân tích dữ liệu về hiệu suất môi trường và cung cấp thông tin chi tiết để cải thiện các hoạt động bền vững. Các công ty gửi thông tin cho

CDP bằng cách điền vào Bảng câu hỏi CDP – trên một hoặc nhiều nền tảng chủ đề; khí hậu, nước, chuỗi cung ứng và rừng. Điểm khí hậu do CDP tạo ra có thể được đưa vào EcoVadis, một nhà cung cấp xếp hạng bền vững, để phân loại các công ty thành nhiều cấp độ khác nhau: đồng, bạc, vàng hoặc bạch kim. Phối hợp với Trung tâm Khí hậu SME (SME Climate Hub), CDP đã đưa ra một khung khổ công bố khí hậu mới vào năm 2021. Khung khổ này giúp các doanh nghiệp theo dõi và báo cáo tiến độ của họ đối với các cam kết, cũng như thể hiện sự lãnh đạo về khí hậu trong các ngành tương ứng.

Trọng tâm: Cách tiếp cận chủ yếu tập trung vào chữ “E” trong ESG, với trọng tâm là giải quyết khía cạnh “G” liên quan đến các mối quan tâm về môi trường như biến đổi khí hậu, nước và rừng.

Phạm vi áp dụng: Các doanh nghiệp và tổ chức trên toàn thế giới có thể tham gia.

➤ **Global Reporting Initiative Standards (GRI standards):**

Mô tả: Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) là một tổ chức độc lập có trụ sở tại Amsterdam với các văn phòng khu vực trên khắp thế giới. GRI được thành lập nhằm giúp các doanh nghiệp, chính phủ và các tổ chức khác hiểu và truyền tải thông tin về các hoạt động phát triển bền vững. Chuẩn mực GRI được công nhận rộng rãi như một tiêu chuẩn toàn cầu cho báo cáo phát triển bền vững và được sử dụng bởi hàng ngàn công ty, chính phủ và tổ chức trên toàn thế giới. Các chuẩn mực cung cấp một khung khổ toàn diện để báo cáo về phát triển bền vững của một tổ chức và bao gồm một loạt các chủ đề, như phát thải khí nhà kính, sử dụng nước, thực hành lao động công bằng, nhân quyền, chống tham nhũng và sự tham gia của cộng đồng.

Chuẩn mực GRI đề xuất dựa trên ba khía cạnh của phát triển bền vững: môi trường, kinh tế và xã hội. Mặc dù, một số chỉ số đã được đưa vào khuôn khổ, nhưng không phải tất cả các chỉ số đó đều phù hợp với tất cả các công ty và loại hình phân tích. Những chỉ số nào được chọn sẽ phụ thuộc vào một số yếu tố, trong đó có hai yếu tố là tính sẵn có của dữ liệu và tính đơn giản của phân tích. Với mục đích đó, cách tiếp cận này được thiết kế theo chủ đề để cho phép triển khai dần dần khuôn khổ. Ví dụ: một công ty có thể bắt đầu với các chỉ báo về môi trường và dần dần tiếp cận hai chủ đề còn lại, tức là kinh tế và xã hội. Cùng với việc có thể so sánh mức độ bền vững của các hệ thống khác nhau, các chỉ số được đề xuất ở đây cũng có thể đo lường tiến bộ tương đối hướng tới (hoặc thoát khỏi) phát triển bền vững. Do đó, các chỉ số tương đối đo lường

tiền độ thường xuyên, chẳng hạn như trong khoảng thời gian một năm, sẽ hữu ích hơn nhiều ở giai đoạn này. Chúng cho phép các công ty và người tiêu dùng theo dõi các cải tiến (hoặc những bước khởi đầu từ lộ trình bền vững) từ năm này sang năm khác và xác định các lựa chọn và thực tiễn bền vững hơn.

Trọng tâm: GRI có cách tiếp cận toàn diện đối với các vấn đề phát triển bền vững với tầm quan trọng ngang nhau về các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị. Đặt nặng về sự tham gia của các bên liên quan để xác định tính trọng yếu.

Mục tiêu: Các tiêu chuẩn này cung cấp hướng dẫn cụ thể về cách công bố thông tin cho từng chủ đề, bao gồm thông tin nào cần đưa vào, cách đo lường và báo cáo về hiệu suất, cũng như cách đảm bảo tính minh bạch và chính xác. Dữ liệu được báo cáo theo GRI cung cấp cho Sustainalytics, cung cấp nghiên cứu, xếp hạng và dữ liệu cho các nhà đầu tư và công ty.

Phạm vi áp dụng: Các doanh nghiệp trên toàn thế giới có thể áp dụng chuẩn mực GRI cho việc lập và trình bày báo cáo phát triển bền vững.

➤ **Sustainability Accounting Standards Board (SASB):**

Mô tả: Hội đồng chuẩn mực kế toán bền vững là một tổ chức phi lợi nhuận khác, các tiêu chuẩn SASB được thiết kế để giúp các công ty xác định và báo cáo về các vấn đề bền vững liên quan đến tài chính. Bằng cách sử dụng SASB, các công ty có thể cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin hữu ích hơn và có thể so sánh về hiệu suất bền vững của các công ty, điều này có thể giúp đưa ra quyết định đầu tư sáng suốt hơn. Nó kết nối hiệu quả các doanh nghiệp và nhà đầu tư về tác động tài chính của tính bền vững.

Cùng với Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI), SASB là một trong những khung khổ được sử dụng rộng rãi nhất để báo cáo phát triển bền vững. Vào tháng 1 năm 2021, Giám đốc điều hành BlackRock Larry Fink đã khuyến nghị các công ty tuân theo SASB để công khai các thông tin về phát triển bền vững cụ thể theo ngành. Vào cuối năm 2020, SASB và GRI đã công bố hợp tác, nhằm tạo ra sự minh bạch và tin tưởng tốt hơn giữa các báo cáo. Kể từ tháng 8/2022, Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board – ISSB) của Quỹ IFRS đã nhận trách nhiệm về các Tiêu chuẩn SASB. ISSB đã cam kết xây dựng dựa trên các Tiêu chuẩn SASB theo ngành nghề và tận dụng cách tiếp cận dựa trên ngành của SASB để phát triển bộ tiêu chuẩn.

Trọng tâm: SASB nhằm mục đích sắp xếp các tổ chức và nhà đầu tư về tác động

tài chính của phát triển bền vững. SASB mạnh các chủ đề chính về Môi trường (E) phù hợp với từng ngành nghề; các chủ đề Xã hội (S) chọn lọc; nó có thể hạn chế về Quản trị (G).

Mục tiêu: Xác định các chỉ tiêu và thông tin cần thiết để đo lường và báo cáo về hiệu suất bền vững của doanh nghiệp từ góc độ tài chính.

Phạm vi áp dụng: Các doanh nghiệp trên toàn thế giới có thể sử dụng các tiêu chuẩn của SASB để báo cáo về hiệu suất bền vững của họ.

➤ **Taskforce on Climate Related Financial Disclosures (TCFD):**

Mô tả: Lực lượng đặc nhiệm về công khai tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD) là một sáng kiến toàn cầu được thành lập bởi Ủy ban ổn định tài chính (Financial Stability Board - FSB) vào năm 2015 nhằm cải thiện và tăng cường báo cáo về rủi ro và cơ hội tài chính liên quan đến khí hậu của các công ty và tổ chức tài chính.

Trọng tâm: TCFD là một cấu trúc “từ trên xuống” với các công ty báo cáo về quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro, số liệu và mục tiêu.

Mục tiêu: TCFD đã phát triển một bộ khuyến nghị cho các công bố tài chính tự nguyện liên quan đến khí hậu, được phát hành vào năm 2017. Các khuyến nghị cung cấp một khung khổ cho các công ty công bố các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu trong báo cáo tài chính của họ, giúp các nhà đầu tư, bên cho vay và các bên liên quan khác đưa ra quyết định sáng suốt hơn. Các khuyến nghị của TCFD được công nhận và hỗ trợ rộng rãi bởi các doanh nghiệp, nhà đầu tư và cơ quan quản lý trên toàn thế giới như một phương tiện hiệu quả để tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình về các rủi ro và cơ hội tài chính liên quan đến khí hậu. Vào năm 2018, CDP đã thiết kế lại bảng câu hỏi về biến đổi khí hậu của mình để phù hợp với các khuyến nghị của TCFD và hiện bảng câu hỏi về biến đổi khí hậu của CDP chứa hơn 25 câu hỏi phù hợp với TCFD.

Phạm vi áp dụng: Các doanh nghiệp trên toàn thế giới, đặc biệt là những ngành nghề gặp phải các rủi ro lớn từ biến đổi khí hậu.

➤ **B Corporation (B-Corp):**

Mô tả: B-Corp được quản lý bởi B-Lab – một doanh nghiệp phi lợi nhuận toàn cầu, là chứng nhận cho các doanh nghiệp đạt được tiêu chuẩn cao nhất để cân bằng mục đích vì xã hội và vì lợi nhuận. Cụ thể hơn, các tiêu chuẩn bao gồm tác động lên môi

trường và xã hội, tính minh bạch công khai, và trách nhiệm pháp lý. Chứng nhận B-Corp tạo ra một cộng đồng nơi các doanh nghiệp lợi nhuận vì xã hội cùng hướng đến những vấn đề chưa được giải quyết triệt để bởi chính phủ hay các doanh nghiệp phi lợi nhuận, xoay quanh ba chủ yếu cơ bản: lợi nhuận, con người và hành tinh.

Mục tiêu: Thúc đẩy một loại hình kinh doanh có trách nhiệm xã hội và môi trường hơn bằng cách cung cấp các tiêu chuẩn và đánh giá doanh nghiệp để đảm bảo họ đáp ứng các tiêu chí của một B-Corp.

Phạm vi áp dụng: Các doanh nghiệp trên toàn thế giới có thể xin trở thành một B-Corp với các tiêu chí cụ thể và quy trình đánh giá.

Ngày nay, có rất nhiều khuôn mẫu hướng dẫn về báo cáo phát triển bền vững để lựa chọn. Mỗi loại đi kèm với bộ số liệu và yêu cầu báo cáo độc đáo của riêng mình, giúp tìm ra khung khổ nào (hoặc kết hợp với khung khổ nào) phù hợp nhất cho doanh nghiệp. Còn phức tạp hơn nữa, trong bối cảnh việc lập và công bố báo cáo phát triển bền vững hiện vẫn đang phát triển, do sự ra đời của các tiêu chuẩn như IFRS và các quy định mới như Chỉ thị báo cáo bền vững của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive - CSRD). Do đó, để lựa chọn khuôn mẫu báo cáo phù hợp nhất, doanh nghiệp cần xem xét là loại thông tin về phát triển bền vững mà mình có nguyện vọng báo cáo và khả năng thu thập và tính toán các chỉ số tương ứng.

1.2 Chất lượng báo cáo phát triển bền vững

1.2.1 Khái niệm chất lượng báo cáo phát triển bền vững

Chất lượng là một khái niệm tương đối và mang tính trừu tượng. Tùy từng đối tượng và hoàn cảnh mà chất lượng được định nghĩa khác nhau. Thông thường, chất lượng thường gắn liền với một sản phẩm, hàng hóa hay dịch vụ, cụ thể “chất lượng sản phẩm là một tập hợp các đặc tính của một sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu của khách hàng” (ISO 9000:2000). Nếu xem báo cáo phát triển bền vững là một loại sản phẩm đặc biệt thì một báo cáo phát triển bền vững chất lượng cũng cần phải có những “đặc trưng” nhất định nhằm thỏa mãn nhu cầu của đối tượng sử dụng thông tin. Trên cơ sở phân tích, Sáng kiến báo cáo toàn cầu – một tổ chức phi lợi nhuận quốc tế được thành lập với mục tiêu hỗ trợ và thúc đẩy việc lập và công bố báo cáo phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp, cũng đề xuất sáu nguyên tắc cần được áp dụng khi đưa ra một định nghĩa toàn diện về chất lượng báo cáo phát triển bền vững, bao gồm: rõ ràng, đầy

đủ, kịp thời, chính xác, đáng tin cậy và có thể so sánh được (GRI, 2013). Sáu nguyên tắc này được đánh giá như sáu đặc điểm chất lượng cần phải đáp ứng của một báo cáo phát triển bền vững.

Trước khi những nguyên tắc về chất lượng báo cáo được GRI công bố, với lập luận rằng chất lượng thông tin phụ thuộc vào cả số lượng và mức độ phong phú của thông tin được công bố, Beretta và Bozzolan (2004) xác định chất lượng báo cáo phát triển bền vững không chỉ thể hiện ở “bao nhiêu”, mà còn “cái gì” và “như thế nào”. Như vậy, một báo cáo phát triển bền vững chất lượng sẽ có khả năng khắc họa các hoạt động vì sự bền vững của doanh nghiệp là thực chất hay chỉ mang tính hình thức. Sau khi có cơ sở liên quan đến những đặc điểm về chất lượng báo cáo phát triển bền vững, hầu hết các nhà khoa học đều ứng dụng nguyên tắc này nhằm bày tỏ quan điểm cá nhân của mình. Ví dụ như, Amran và cộng sự (2013) cho rằng “chất lượng báo cáo phát triển bền vững được đảm bảo nếu thông tin liên quan đến các hoạt động vì sự bền vững được công bố một cách trung thực”. Khi thực hiện nghiên cứu sự tác động của các nhân tố thuộc cơ cấu nhân sự bộ máy quản trị công ty đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, Al-Shaer và Zaman (2016) nhận định “chất lượng thông tin được trình bày trong báo cáo phát triển bền vững hay chất lượng báo cáo phát triển bền vững được thể hiện ở tính trung thực và đáng tin cậy”. Quan điểm này tiếp tục được Al-Shaer (2020) sử dụng và mở rộng mô hình đo lường chất lượng báo cáo phát triển bền vững trong một nghiên cứu về mối quan hệ giữa chất lượng báo cáo phát triển bền vững và chất lượng báo cáo tài chính sau kiểm toán. Đồng quan điểm với các tác giả kể trên, Jadoon và cộng sự (2020) cũng cho rằng “chất lượng báo cáo phát triển bền vững biểu hiện ở mức độ tin cậy của thông tin được công bố”. Mặt khác, mức độ hữu ích của thông tin trong việc giúp đối tượng sử dụng thông tin có thể đánh giá những tác động từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đến môi trường và xã hội, đồng thời hình dung được phương thức quản trị các vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội, cũng được xem là một đặc điểm chất lượng của báo cáo phát triển bền vững (Michelon và cộng sự, 2015).

Như vậy, đến thời điểm hiện tại có thể thấy sáu nguyên tắc khi lập và công bố báo cáo phát triển bền vững hay cũng chính 6 đặc điểm chất lượng mà một báo cáo cần phải đảm để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan là cơ sở được chấp nhận và ứng dụng rộng rãi bởi cộng đồng các nhà khoa học khi định nghĩa về chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

1.2.2 Các mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững

Việc công bố báo cáo phi tài chính, bao gồm Báo cáo phát triển bền vững là một cách thức hiệu quả mà nhà quản trị sử dụng để truyền tải thông điệp tích cực về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội hay những đóng góp trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách của nhân loại đến các đối tượng quan tâm đến doanh nghiệp (Lucy và Taylor, 2018; Mahoney và cộng sự, 2013; Uyar và cộng sự, 2020). Tuy nhiên, cả thực tiễn công tác lập, công khai Báo cáo phát triển bền vững và sự quan tâm của giới học thuật về chất lượng báo cáo vẫn chưa tương xứng với vai trò quan trọng của doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như sự hữu ích của thông tin được công bố (Lambrechts và cộng sự, 2019). Bởi, việc doanh nghiệp công khai thông tin phi tài chính liên quan đến phát triển bền vững, nhưng không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, thì thông tin cũng trở nên không có ý nghĩa sử dụng. Do đó, để đo lường chất lượng báo cáo phát triển bền vững, Amran và cộng sự (2013) đề xuất sử dụng 10 chỉ số liên quan đến quá trình lập và công bố thông tin (áp dụng chuẩn mực, sự tham gia của các bên liên quan), sự đảm bảo của một bên độc lập thứ ba, chứng nhận về sản phẩm, hoạt động vì môi trường và sự tham gia vào các tổ chức hoạt động vì môi trường, xã hội hay thực hiện các sáng kiến vì sự bền vững. Mỗi chỉ số đạt được tương ứng với 1 điểm và tổng điểm về chất lượng báo cáo phát triển bền vững mà một doanh nghiệp có thể đạt được là 10. Kết quả phân tích nội dung báo cáo của 113 doanh nghiệp hoạt động tại 12 quốc gia khác nhau thuộc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương xác nhận chất lượng báo cáo phát triển bền vững phát hành trong giai đoạn 2009-2010 cần phải được cải thiện. Điểm trung bình quy đổi về chất lượng báo cáo chỉ đạt 5.77 – tương ứng với mức điểm trung bình.

Theo quan điểm của Al-Shaer và Zaman (2016) chất lượng báo cáo phát triển bền vững được thể hiện thông qua tiêu chí về tính trung thực và đáng tin cậy và tác giả đã đề xuất sử dụng chỉ số “Báo cáo phát triển bền vững được kiểm toán” để đánh giá chất lượng thông tin cùng thang điểm quy đổi giao động từ 0 đến 4. Kết quả ứng dụng mô hình đánh giá cho thấy chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2012 của các doanh nghiệp có niêm yết trên thị trường chứng khoán Anh chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng. Bởi vì, điểm trung bình (Mean) đạt được chỉ ở mức 1.114 và trung vị (Median) đạt giá trị 0. Không những thế, mô hình đo lường chất lượng báo cáo phát triển bền vững tiếp tục được Al-Shaer (2020) phát triển với thang điểm quy đổi tối đa là 5 điểm, thay

vì là 4 như nghiên cứu trước đó. Bên cạnh việc được kiểm toán là chỉ số chính dùng để đánh giá, tác giả cho rằng nếu tiền thù lao của Hội đồng quản trị được xác định dựa trên kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, chất lượng báo cáo cũng sẽ được cải thiện. Cũng áp dụng cách thức quy đổi điểm tương tự, tuy nhiên Jadoon và cộng sự (2020) lựa chọn thang điểm tối đa mà doanh nghiệp có thể đạt được là 3, tương ứng mức độ tin cậy mà báo cáo phát triển bền vững đạt được thông qua việc có được kiểm toán hay không.

Mặt khác, trong nghiên cứu của mình về báo cáo phát triển bền vững, Ningsih và cộng sự (2023) đã thực hiện đo lường chất lượng báo cáo phát triển bền vững dựa trên tiêu chí đầy đủ và sử dụng chuẩn mực GRI làm thước đo. Kết quả phân tích dữ liệu báo cáo của 408 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Indonesia giai đoạn 2010-2021 cho thấy tỷ lệ công ty công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững rất thấp (40,7%), mức độ đầy đủ của báo cáo có sự phân tán và không đồng đều giữa các công ty với nhau, cụ thể mức độ công bố các chỉ số theo hướng dẫn của GRI thấp nhất chỉ đạt 9,3%, trong khi đó mức độ công bố cao nhất đạt 100%.

Cũng thực hiện nghiên cứu trong bối cảnh các doanh nghiệp ở Indonesia, Hardi và cộng sự (2023) cũng tập trung xem xét mức độ công bố đầy đủ thông tin của báo cáo phát triển bền vững, tuy nhiên đề xuất sử dụng ba chỉ số “số lượng chỉ số được công bố”, “số lượng chỉ số theo hướng dẫn của chuẩn mực GRI được sử dụng làm cơ sở công bố” và “tỷ số giữa số lượng chỉ số được công bố và số lượng chỉ số theo hướng dẫn của chuẩn mực GRI được sử dụng làm cơ sở công bố trên báo cáo phát triển bền vững”. Điểm số đánh giá thu được phục vụ cho việc kiểm tra mối quan hệ giữa báo cáo phát triển bền và giá trị doanh nghiệp.

Bảng 1.1: Mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới

TT	Nhóm tác giả	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mô hình đánh giá
1	Amran và cộng sự (2013)	Tính trung thực	- Áp dụng chuẩn mực; - Kiểm toán độc lập; - Kiểm toán độc lập định kỳ;	01 điểm tương ứng với 01 chỉ số; Điểm tối đa: 10 điểm

TT	Nhóm tác giả	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mô hình đánh giá
			- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn về môi trường, xã hội; - Chứng nhận sản phẩm an toàn/sản phẩm thân thiện với môi trường; - Giải thưởng về môi trường; - Sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình lập báo cáo; - Tham gia các sáng kiến về môi trường, năng lượng; - Tham gia các tổ chức hoạt động vì môi trường, xã hội; - Tham gia tổ chức khác liên quan đến phát triển bền vững.	
2	Al-Shaer và Zaman (2016)	Tính trung thực và đáng tin cậy	Báo cáo được kiểm toán	Quy đổi điểm theo quy luật (max. – 4 điểm): 0 – Không phát hành báo cáo phát triển bền vững; 1 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững; 2 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững và tồn tại Ủy ban phát triển bền vững trực thuộc Hội đồng quản trị; 3 – Phát hành báo cáo phát triển

TT	Nhóm tác giả	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mô hình đánh giá
				bền vững và được kiểm toán bởi đơn vị không phải công ty kiểm toán; 4 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững và được kiểm toán bởi Big4 hoặc công ty kiểm toán khác.
3	Al-Shaer (2020)	Tính đáng tin cậy	Báo cáo được kiểm toán	Quy đổi điểm theo quy luật (max. – 5 điểm): 0 – Không phát hành báo cáo phát triển bền vững; 1 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững; 2 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững và tồn tại Ủy ban phát triển bền vững trực thuộc Hội đồng quản trị; 3 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững và được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập; 4 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững và được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập có danh tiếng; 5 – Tiền thù lao của Hội đồng quản trị được xác định dựa trên kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.
4	Chang và cộng sự (2019)	- Đầy đủ - Rõ ràng	- Trình bày cả thông tin tích cực và tiêu cực - Trình bày dễ hiểu, dễ	Mức độ tuân thủ 06 nguyên tắc: 0 – Không áp dụng nguyên tắc; 1 – Không tuân

TT	Nhóm tác giả	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mô hình đánh giá
		- Chính xác - Kịp thời - Đáng tin cậy - Có thể so sánh được	tiếp cận - Trình bày trung thực và chi tiết - Công bố định kỳ, đúng thời gian quy định - Thông tin đã được kiểm tra hay xác minh - Trình bày nhất quán và áp dụng hướng dẫn chung	thủ 06 nguyên tắc; 2 - Không tuân thủ từ 03 đến 05 nguyên tắc; 3 – Không tuân thủ 02 nguyên tắc; 4 – Không tuân thủ 01 nguyên tắc; 5 – Tuân thủ tất cả các nguyên tắc
5	Jadoon và cộng sự (2020)	Tính đáng tin cậy	Báo cáo được kiểm toán	Quy đổi điểm theo quy luật (max. – 3 điểm): 0 – Phát hành báo cáo phát triển bền vững; 1 – Báo cáo phát triển bền vững được kiểm toán bởi đơn vị không phải kiểm toán; 2 – Báo cáo phát triển bền vững được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập; 3 – Báo cáo phát triển bền vững được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập thuộc Big4
6	Slacik và Greiling (2020)	Đầy đủ	Độ bao phủ các chỉ số – Tỷ lệ số lượng chỉ số về trách nhiệm xã hội được công bố so với hướng dẫn của chuẩn mực GRI	Sử dụng giá trị thực tế – Không quy đổi điểm
7	Nguyễn Hồng	Đáng tin cậy	Báo cáo được kiểm toán	Xác định số lượng báo cáo không được kiểm toán;

TT	Nhóm tác giả	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mô hình đánh giá
	Nga (2022)			được kiểm toán bởi Kiểm toán nội bộ; được kiểm toán bởi Kiểm toán độc lập; được đảm bảo bởi các dịch vụ khác
8	Ningsih và cộng sự (2023)	Đầy đủ	Tỷ lệ số lượng chỉ số về trách nhiệm xã hội được công bố so với hướng dẫn của chuẩn mực GRI	Sử dụng giá trị thực tế – Không quy đổi điểm
9	Hardi và cộng sự (2023)	Đầy đủ	- Số lượng chỉ số được công bố - Số lượng chỉ số theo hướng dẫn của chuẩn mực GRI được sử dụng làm cơ sở công bố - Tỷ số giữa số lượng chỉ số được công bố và số lượng chỉ số theo hướng dẫn của chuẩn mực GRI được sử dụng làm cơ sở công bố trên báo cáo.	Sử dụng giá trị thực tế – Không quy đổi điểm
10	Sebrina và cộng sự (2023)	- Rõ ràng và chính xác - Kịp thời và sự tham gia của các bên liên quan	- Cung cấp thông tin trọng yếu, bố cục báo cáo logic, áp dụng bộ khung TBL - Các bên tham gia vào quy trình xác định các vấn đề trọng yếu, lập và công bố thông tin	Áp dụng thang đo Likert với 5 mức điểm tương ứng với mức độ đạt được từng chỉ số: 1 – Không đáp ứng; 2 – Đáp ứng một phần; 3 – Đáp ứng khá; 4 – Đáp ứng tốt; 5 – Hoàn toàn đáp ứng

TT	Nhóm tác giả	Tiêu chí đánh giá	Chỉ số đánh giá	Mô hình đánh giá
		- Có thể so sánh được - Đáng tin cậy	- Cung cấp dữ liệu so sánh giữa các giai đoạn - Được kiểm toán	

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Trương tự, Slacik và Greiling (2020) đánh giá chất lượng của báo cáo phát triển bền vững bằng cách định lượng độ bao phủ các chỉ số được công khai trong 186 báo cáo của các doanh nghiệp điện lực thuộc 45 quốc gia khác nhau trong giai đoạn 2013-2017 so với Khuôn mẫu GRI-G4 (222 chỉ số được xem xét). Kết quả phân tích chỉ ra rằng chưa tới 78% báo cáo phát hành công bố các chỉ số đặc thù của ngành năng lượng điện và mức độ bao phủ chỉ đạt trung bình khoảng 42,6% (dưới mức trung bình). Quốc gia có số lượng báo cáo phát triển bền vững được công bố nhiều nhất lần lượt là Mỹ, Brazil, Đức, Tây Ban Nha và Nga (chiếm 38,7 % mẫu nghiên cứu). So với các quốc gia thuộc Châu Á, như Hàn Quốc (7 báo cáo), Ấn Độ và Trung Quốc (6 báo cáo), Thái Lan và Nhật Bản (5 báo cáo), Philipines và Indonesia (3 báo cáo), Việt Nam chỉ có 01 báo cáo phát triển bền vững được lựa chọn để đánh giá. Xét cả ba khía cạnh của phát triển bền vững (kinh tế, xã hội và môi trường), hơn 50,5% báo cáo trình bày dưới 50% các chỉ số được yêu cầu, thậm chí mức độ bao phủ của một vài báo cáo chỉ đạt 15%. Mức độ bao phủ cao nhất thuộc về khía cạnh môi trường, tiếp theo sau đó lần lượt là khía cạnh kinh tế và xã hội, trong đó không có khía cạnh nào mà mức độ bao phủ vượt quá 48,7%.

Mặt khác, để đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững được phát hành bởi các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Indonesia, Sebrina và cộng sự (2023) sử dụng dữ liệu thứ cấp thu thập và tổng hợp từ cổng thông tin chính thức của doanh nghiệp và các nguyên tắc của báo cáo phát triển bền vững theo chuẩn mực GRI làm căn cứ đánh giá. Bên cạnh phân tích nội dung công bố (số lượng chỉ số liên quan đến các khía cạnh của phát triển bền vững), rõ ràng và chính xác, kịp thời và sự tham gia của các bên liên quan, có thể so sánh và đáng tin cậy là những tiêu chí được áp dụng để đánh giá chất lượng của báo cáo theo các mức khác nhau (từ mức 1 đến mức 5). Nhóm nghiên cứu xác nhận chỉ có khoảng 9,8% doanh nghiệp được nghiên cứu phát

hành báo cáo phát triển bền vững. Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính có tỷ lệ công bố báo cáo cao nhất, nhưng cũng chỉ đạt 17,6%. Chỉ số công bố thông tin về xã hội đạt 0,24, về kinh tế đạt 0,25 và về môi trường đạt 0,31. Đồng thời, mức độ rõ ràng và chính xác của báo cáo phát triển bền vững đạt 2,88, mức độ kịp thời và sự tham gia của các bên liên quan – 3,37, mức độ có thể so sánh được – 3,7, mức độ tin cậy – 2,54.

Áp dụng đầy đủ 06 nguyên tắc đề xuất bởi Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) khi đo lường chất lượng báo cáo phát triển bền vững, Chang và cộng sự (2019) đánh giá chất lượng báo cáo được công bố năm 2016 của 100 doanh nghiệp trên khắp thế giới thông qua tính đầy đủ, chính xác, rõ ràng, kịp thời, đáng tin cậy và có thể so sánh được. Điểm trung bình quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững đạt 3.23 theo thang điểm quy đổi là 5 (minimum = 2.17 và maximum = 4.17).

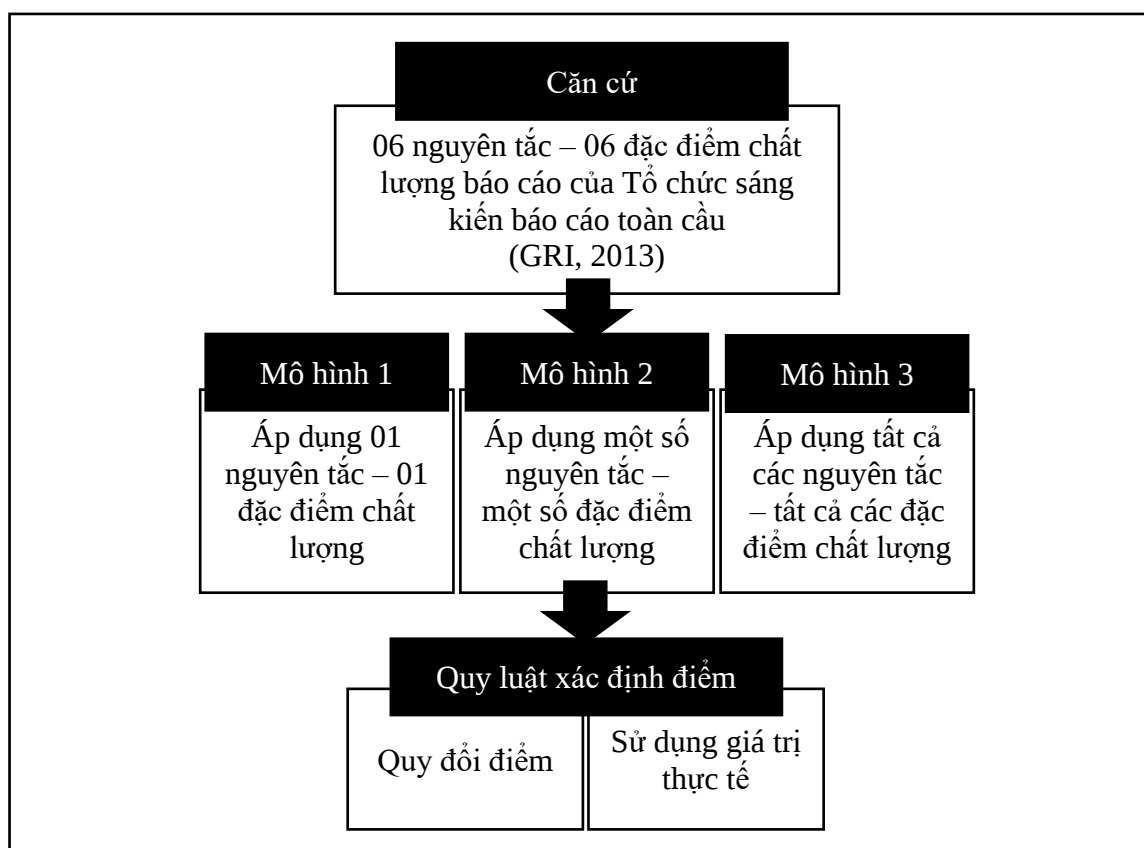
Tại Việt Nam, Báo cáo phát triển bền vững trong những năm gần đây luôn nhận được sự quan tâm rất lớn từ các bên liên quan. Với sự ra đời của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng và ban hành phần nào làm tăng nhận thức của doanh nghiệp về sự cần thiết của báo cáo phát triển bền vững. Nhóm tác giả Trịnh Hữu Lực, Tăng Thành Phước (2019) nhận định việc công bố báo cáo phát triển bền vững sẽ giúp doanh nghiệp đạt được sự thừa nhận từ bên ngoài, chiếm được niềm tin của công chúng và nhà đầu tư về sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đối với nội bộ doanh nghiệp, công bố báo cáo phát triển bền vững giúp doanh nghiệp kiểm soát và tiết kiệm chi phí, thiết lập mối quan hệ giữa hoạt động tài chính và hoạt động phi tài chính giúp doanh nghiệp xây dựng chiến lược nâng cao giá trị thương hiệu. Đối với bên ngoài doanh nghiệp, công bố báo cáo phát triển bền vững giúp doanh nghiệp xây dựng được niềm tin, tiếp cận người tiêu dùng, góp phần quảng bá thương hiệu của mình. Bên cạnh đó, báo cáo phát triển bền vững còn là công cụ giúp doanh nghiệp truyền tải các thông tin hữu ích đến các cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác. Đây là cơ sở để các nhà quản lý doanh nghiệp có thêm động lực trong việc công bố báo cáo phát triển bền vững và là nguồn thông tin để các cơ quan Nhà nước có chính sách phù hợp trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp công bố báo cáo phát triển bền vững. Tuy vậy, tác giả Trịnh Hữu Lực, Tăng Thành Phước (2019) nhận định rằng số lượng và chất lượng thông tin công bố chưa thật sự như kỳ vọng.

Nghiên cứu vai trò của báo cáo phát triển bền vững đối với doanh nghiệp Việt

Nam trong bối cảnh hội nhập, tác giả Phạm Thị Minh Hồng (2016) khái quát về xu thế áp dụng Báo cáo bền vững trên thế giới và thực trạng tại Việt Nam, từ đó đưa ra kiến nghị để báo cáo phát triển bền vững được phổ biến và phát huy tác dụng tích cực trong thời gian tới. Số liệu tác giả tổng hợp được cho thấy trong năm 2014 đã có trên 600 doanh nghiệp từ 65 quốc gia tham gia lập báo cáo phát triển bền vững. Trong đó, các nước có số doanh nghiệp tham gia lập Báo cáo bền vững nhiều nhất là Australia, Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Phi và Mỹ. Có trên 30 quốc gia đưa ra quy định pháp lý về báo cáo phát triển bền vững, trong đó 65% là quy định mang tính bắt buộc. Nghiên cứu của tác giả về tình hình lập báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp thuộc rổ VN30 cũng cho thấy: Đầu tháng 6/2016 chỉ có 15/30 doanh nghiệp (chiếm 50%) công bố báo cáo phát triển bền vững của năm 2015. Trong đó, chỉ có 5 doanh nghiệp đã lập báo cáo phát triển bền vững theo hướng dẫn của chuẩn mực GRI. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp lập báo cáo phát triển bền vững còn sơ sài. Số doanh nghiệp không lập báo cáo phát triển bền vững hoặc chưa công bố Báo cáo bền vững chiếm một nửa số doanh nghiệp thuộc rổ VN30.

Tác giả Nguyễn Hồng Nga (2022) xem xét chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo bằng cách sử dụng Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) làm khuôn khổ. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp là các báo cáo phát triển bền vững được công bố bởi 120 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2020. Kết quả cho thấy, nhìn chung các công ty có được lợi ích từ sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo, từ đó phát triển hệ thống báo cáo nội bộ hiệu quả và tăng độ tin cậy cho dữ liệu công bố. Hay nói một cách khác, sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo là một tiêu chí có thể sử dụng để đo lường độ tin cậy hay chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Tuy nhiên, theo thống kê của tác giả, chỉ có 31,67% báo cáo phát triển bền vững được đảm bảo bởi các công ty kiểm toán.

Có thể nhận thấy, tùy quan điểm, góc nhìn, phạm vi và điều kiện thực hiện nghiên cứu mà các nhà khoa học sẽ lựa chọn một mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững phù hợp nhất. Tuy nhiên, có thể thấy tồn tại ba hướng tiếp cận chính mà cộng đồng nhà khoa học xác định để xây dựng mô hình trên cơ sở áp dụng 06 nguyên tắc được xem như 06 đặc điểm chất lượng của báo cáo phát triển bền vững do Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu đề xuất (GRI, 2013).



Hình 1.1: Định hướng xây dựng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của các nhà khoa học trên thế giới

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Một số nhóm nhà nghiên cứu tập trung vào việc đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua việc đo lường mức độ đảm bảo về một đặc điểm chất lượng cụ thể. Đặc điểm chất lượng phổ biến và có tần suất lựa chọn nhiều nhất là tính đáng tin cậy (Al-Shaer, 2020; Jadoon và cộng sự, 2020; Nguyễn Hồng Nga, 2022) và tính đầy đủ (Slacik và Greiling, 2020; Ningsih và cộng sự, 2023; Hardi và cộng sự, 2023). Trong khi đó, một số học giả lại mở rộng mô hình đánh giá bằng cách kết hợp một số đặc điểm chất lượng cùng một lúc để đo lường chất lượng của báo cáo phát triển bền vững (Al-Shaer và Zaman, 2016; Sebrina và cộng sự, 2023). Hiện tại, các nhà khoa học đang thử nghiệm áp dụng tất cả các nguyên tắc hay đặc điểm chất lượng để đo lường chất lượng báo cáo với mục đích bao quát tất cả các khía cạnh cần thiết của một báo cáo được xem là đảm bảo chất lượng (Chang và cộng sự, 2019). Và đây cũng chính là một trong số các hướng tiếp cận khi thực hiện xây dựng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, việc lựa chọn quy luật xác định điểm chất lượng cũng là một điểm

tạo nên sự khác biệt trong việc thực hiện đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của các nhà khoa học. Thông thường, đối với các chỉ số định lượng, nhà nghiên cứu thường sử dụng giá trị thực tế để đo lường. Ngược lại, việc quy đổi điểm theo các thang điểm khác nhau sẽ được áp dụng nếu chỉ số đánh giá là định tính.

Tóm lại, việc chưa đồng nhất trong việc xây dựng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững nói chung và trong việc lựa chọn tiêu chí, chỉ số hay quy luật quy đổi điểm nói riêng sẽ dẫn đến kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong bối cảnh khác nhau không thể đối sánh. Do đó, Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp và các bên liên quan cần hợp tác với nhau để thống nhất một mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

1.2.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo phát triển bền vững không còn là chủ đề mới mẻ đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, cũng như trên thế giới. Đặc biệt, sau khi Bộ tài chính yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán công bố thông tin về phát triển bền vững. Tuy nhiên, việc lập và công bố báo cáo phát triển bền vững là một chuyện, còn thông tin trình bày trên báo cáo thực sự đáng tin cậy và có thể đối sánh được hay không lại là một vấn đề khác. Do đó, chất lượng báo cáo phát triển bền vững luôn là chủ đề nhận được sự quan tâm của các bên liên quan (Hahn và Kühnen, 2013). Nhất là khi, ngày càng có nhiều nghiên cứu thực hiện nhằm xác định các nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo, cũng như phát triển các biện pháp thực tiễn để nâng cao chất lượng thông tin phi tài chính được công bố.

Tập trung làm rõ tác động của cơ cấu bộ máy quản trị công ty và chiến lược về trách nhiệm xã hội đối với chất lượng báo cáo phát triển bền vững, Amran và cộng sự (2013) đã nghiên cứu các biến quan sát liên quan đến đặc trưng của Hội đồng quản trị, như quy mô, mức độ độc lập, đa dạng về giới tính hay cơ cấu tổ chức, cũng như các đặc điểm về tầm nhìn, sứ mệnh hay sự hợp tác với bên liên quan nhằm thực hiện các hoạt động vì cộng đồng. Kết quả phân tích tương quan và hồi quy tuyến tính dữ liệu báo cáo của 113 doanh nghiệp hoạt động tại Châu Á – Thái Bình Dương khẳng định việc hiện hữu Ủy ban phát triển bền vững, tầm nhìn và sứ mệnh của doanh nghiệp có sự gắn kết với các mục tiêu phát triển bền vững và sự hợp tác với các tổ chức phi lợi nhuận nhằm thực hiện các hoạt động vì môi trường, xã hội sẽ góp phần đáng kể trong việc cải thiện

chất lượng báo cáo phát triển bền vững, trong khi đó những biến quan sát về đặc trưng của Hội đồng quản trị, cụ thể quy mô đo lường bởi số lượng thành viên, tính độc lập – tỷ lệ thành viên độc lập, sự đa dạng giới tính – tỷ lệ thành viên nữ giới lại không có ý nghĩa thống kê.

Al-Shaer và Zaman (2016) cho rằng sự đa dạng trong cơ cấu nhân sự của Hội đồng quản trị sẽ giúp doanh nghiệp cân bằng được các góc nhìn khác nhau và tập trung vào giải quyết các vấn đề về trách nhiệm xã hội. Do đó, tác giả đã kiểm tra sự tác động của mức độ đa dạng về giới tính đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị là nữ giới và tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị là nữ giới. Căn cứ kết quả nghiên cứu dữ liệu báo cáo năm 2012 của 333 doanh nghiệp có niêm yết trên thị trường chứng khoán Anh, tác giả kết luận sự đa dạng về giới tính trong bộ máy quản trị công ty góp phần cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững, trong đó thành viên độc lập Hội đồng quản trị là nữ giới có tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững nhiều hơn so với thành viên Hội đồng quản trị là nữ giới, nhưng không độc lập.

Bảng 1.2: Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững theo kết quả nghiên cứu của cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới

TT	Nhóm tác giả	Nhân tố ảnh hưởng	Chỉ số đánh giá	Phương pháp nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
1	Amran và cộng sự (2013)	- Quy mô Hội đồng quản trị (HĐQT); - Tính độc lập của HĐQT; - Đa dạng giới tính trong HĐQT; - Cơ cấu tổ chức của	- Số lượng thành viên HĐQT; - Tỷ lệ thành viên độc lập HĐQT; - Tỷ lệ thành viên HĐQT là nữ giới; - Tồn tại Ủy ban Phát triển bền vững	Nghiên cứu định lượng	“Các yếu tố môi trường và xã hội, bên cạnh lợi nhuận được tích hợp cùng tầm nhìn và sứ mệnh”, “Tồn tại Ủy ban Phát triển bền vững” và

TT	Nhóm tác giả	Nhân tố ảnh hưởng	Chỉ số đánh giá	Phương pháp nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
		HDQT; - Tầm nhìn và sứ mệnh; - Sự hợp tác với các bên liên quan;	(biến nhị phân); - Các yếu tố môi trường và xã hội, bên cạnh lợi nhuận được tích hợp cùng tầm nhìn và sứ mệnh (biến nhị phân); - Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ (biến nhị phân);		“Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ” có tương quan thuận và ảnh hưởng tích cực (hệ số tương quan: $P_4 = 0,346^{**}$; $P_5 = 0,361^{**}$; $P_6 = 0,212^*$; hệ số hồi quy: $\beta_4 = 0,271^{**}$; $\beta_5 = 0,2878^{**}$; $\beta_6 = 0,182^{**}$)
2	Al-Shaer và Zaman (2016)	Đa dạng giới tính trong HDQT	Tỷ lệ thành viên HDQT là nữ giới; Tỷ lệ thành viên độc lập HDQT là nữ giới	Nghiên cứu định lượng	Tương quan thuận và ảnh hưởng tích cực (hệ số tương quan: $P_1 = 0,17$; $P_2 = 0,188$; hệ số hồi quy: $\beta_1 = 0,137^*$; $\beta_1 = 0,154^*$)
3	Kılıç và Kuzey (2017)	- Bộ máy nhân sự quản trị; - Cơ cấu tổ	- Năng lực quản trị; - Tồn tại Ủy ban	Nghiên cứu định lượng	Tác động gián tiếp thông qua quyết định hình

TT	Nhóm tác giả	Nhân tố ảnh hưởng	Chỉ số đánh giá	Phương pháp nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
		chức quản trị công ty; - Ngành nghề kinh doanh; - Quy mô doanh nghiệp;	phát triển bền vững (biến nhị phân); - Ngành nghề kinh doanh; - Tổng tài sản		thức phát hành báo cáo
4	Rudyanto và Veronica Siregar (2018)	- Áp lực từ môi trường; - Áp lực từ các bên liên quan; - Đặc trưng quản trị công ty; - Đặc trưng về cấu trúc vốn;	- Hoạt động trong ngành nhạy cảm với môi trường (biến nhị phân); - Ngành định hướng vì người tiêu dùng, người lao động (biến nhị phân); - Hiệu quả công việc của Ban cố vấn; - Tỷ lệ sở hữu gia đình;	Nghiên cứu định lượng	Ảnh hưởng tích cực, ngoại trừ biến quan sát “Đặc trưng về cấu trúc vốn chủ sở hữu” (hệ số hồi quy: $\beta_1 = 0,023^*$; $\beta_2 = 0,038^*$; $\beta_3 = 0,006^*$)
6	Hidayah và cộng sự (2021)	- Áp lực từ môi trường; - Áp lực từ các bên liên quan;	- Hoạt động trong ngành nhạy cảm với môi trường (biến nhị phân); - Ngành định hướng vì người tiêu dùng, người lao động (biến nhị	Nghiên cứu định lượng	Chỉ có áp lực từ môi trường và các bên liên quan ảnh hưởng (hệ số hồi quy: $\beta_1 = 0,123^*$; $\beta_2 = -0,406^{**}$)

TT	Nhóm tác giả	Nhân tố ảnh hưởng	Chỉ số đánh giá	Phương pháp nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
		- Đặc trưng quản trị công ty;	- phân); - Hiệu quả công việc của Ban cố vấn;		
8	Al-Shaer và cộng sự (2022)	- Sự tự nguyện thực hiện kiểm toán; - Sự lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán; - Đặc trưng về vốn chủ sở hữu; - Đặc trưng về cơ cấu tổ chức quản trị công ty; - Đặc trưng bộ máy quản trị công ty;	- Báo cáo được kiểm toán (biến nhị phân); - Kiểm toán Big4 (biến nhị phân); - Tỷ lệ vốn Nhà nước; - Ủy ban Phát triển bền vững; - Năng lực quản trị;	Nghiên cứu định lượng	Ảnh hưởng tích cực
9	Zhang và cộng sự (2022)	- Đặc trưng về nhân sự quản trị công ty; - Đặc trưng về vốn chủ sở hữu;	- Trẻ tuổi, có nền tảng kiến thức về tài chính và được đào tạo ở nước ngoài (biến nhị phân); - Tỷ lệ vốn Nhà nước;		

TT	Nhóm tác giả	Nhân tố ảnh hưởng	Chỉ số đánh giá	Phương pháp nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu
10	Chairina và Tjahjadi (2023)	- Đặc trưng hội đồng quản trị; - Đặc trưng về tổ chức quản trị công ty; - Lĩnh vực hoạt động; - Đặc trưng về chính sách;	- Tỷ lệ thành viên độc lập; - Tỷ lệ thành viên nữ giới; - Số lượng thành viên; - Tồn tại Ủy ban kiểm toán; - Lĩnh vực hoạt động; - Cam kết thực hiện các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững;	Nghiên cứu định lượng	Chỉ có đặc trưng hội đồng quản trị (thành viên độc lập, thành viên nữ giới) ảnh hưởng tích cực (hệ số hồi quy: $\beta_1 = 0,085^*$; $\beta_2 = 0,174^{**}$)

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Theo quan điểm của Kılıç và Kuzey (2017), hình thức công bố thông tin phi tài chính về phát triển bền vững cũng là một tiêu chí có thể sử dụng để đánh giá chất lượng của thông tin và nhóm tác giả cho rằng việc doanh nghiệp phát hành báo cáo phát triển bền vững riêng lẻ, thay vì kết hợp với báo cáo thường niên hay báo cáo tác động đến môi trường, xã hội là xu hướng được chấp nhận rộng rãi bởi cộng đồng doanh nghiệp tại Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ). Mặt khác, năng lực quản trị công ty, tồn tại Ủy ban về phát triển bền vững, ngành nghề kinh doanh, quy mô doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động tác động đến quyết định lựa chọn hình thức công bố thông tin phi tài chính, từ đó gián tiếp ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp phi tài chính giai đoạn 2004-2015.

Căn cứ kết quả nghiên cứu hội quy đa biến dữ liệu 123 báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp có niêm yết trên thị trường chứng khoán Indonesia giai đoạn

2010-2014, Rudyanto và Veronica Siregar (2018) kết luận áp lực từ môi trường và các bên liên quan, cụ thể người tiêu dùng và người lao động, tỷ lệ sở hữu gia đình có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng báo cáo. Đồng thời, đặc trưng về quản trị công ty thể hiện bởi hiệu quả công việc của Ban cố vấn góp phần cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững được công bố bởi các doanh nghiệp ở Indonesia. Cũng thực hiện nghiên cứu trong bối cảnh các doanh nghiệp Indonesia, Hidayah và cộng sự (2021) lại nhận định chỉ có áp lực từ môi trường và nhà đầu tư mới tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, trong khi đó người lao động và Ủy ban cố vấn có ý nghĩa thống kê.

Thực hiện đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp tại Anh giai đoạn 2014-2018 thông qua nội dung báo cáo, Al-Shaer và cộng sự (2022) phát hiện sự tự nguyện thực hiện kiểm toán báo cáo phát triển bền vững, lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo, sự tham gia của các bên liên quan và mức độ tập trung vốn chủ sở hữu – các yếu tố quản trị bên ngoài; năng lực của ban quản trị và sự hiện hữu của Ủy ban Phát triển bền vững – các yếu tố quản trị bên ngoài; phát hành báo cáo phát triển bền vững theo chuẩn mực GRI và chất lượng báo cáo tài chính – hành vi lập và công bố báo cáo là những nhân tố chính quyết định nội dung của báo cáo phát triển bền vững. Tương tự, Zhang và cộng sự (2022) xác nhận những doanh nghiệp được lãnh đạo bởi đội ngũ nhân sự trẻ tuổi, có nền tảng kiến thức về tài chính và được đào tạo ở nước ngoài sẽ phát hành báo cáo phát triển bền vững có chất lượng tốt hơn những doanh nghiệp còn lại ở Trung Quốc. Không những thế, sự khác biệt này còn được thể hiện rõ nét khi xem xét đối tượng doanh nghiệp không thuộc sở hữu Nhà nước.

Nghiên cứu các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán ASEAN có phát hành báo cáo phát triển bền vững giai đoạn 2015-2019, Chairina và Tjahjadi (2023) chứng minh sự độc lập và đa dạng của Hội đồng quản trị, đặc trưng về quy mô doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động, cũng như những cam kết liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với chất lượng báo cáo. Dưới sự tác động của những cam kết về phát triển bền vững, thành viên Hội đồng quản trị là nữ giới cũng có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

Ở Việt Nam, báo cáo phát triển bền vững đã nhận được sự quan tâm đông đảo của doanh nghiệp cũng như cộng đồng các nhà khoa học. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu chỉ chú trọng đến việc công bố thông tin, mà chưa tập trung vào yếu tố chất lượng thông tin. Cụ thể, nhóm tác giả Trịnh Hữu Lực và Tăng Thành Phước (2019) thực hiện

nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố báo cáo phát triển bền vững của 143 doanh nghiệp thuộc nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) theo xếp hạng của Vietnam Report và có niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017. Tương tự, tác giả Nguyễn Thúy Anh và Thăng Thùy Linh (2023) xác định các yếu tố tác động đến việc công bố thông tin phát triển bền vững của mẫu gồm 100 doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX. Hầu hết các nhà khoa học hướng đến mục tiêu đánh giá thực trạng công bố thông tin và các nhân tố có thể ảnh hưởng đến mức độ công bố báo cáo phát triển bền vững, mặc dù nghiên cứu được thực hiện trên các đối tượng khác nhau, bao gồm 289 doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán HOSE (Đặng Ngọc Hùng và cộng sự, 2018); doanh nghiệp thuộc Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (Lê Anh Tuấn và Nguyễn Xuân Hưng, 2019; Lê Anh Tuấn và cộng sự, 2019); doanh nghiệp sản xuất khu vực Đông Nam Bộ (Phạm Ngọc Toàn và Nguyễn Thành Long, 2019); 253 doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (Hoàng Thị Hồng Vân và cộng sự, 2024) hay doanh nghiệp Việt Nam (Le Tuan Anh và cộng sự, 2020).

Như vậy, việc nghiên cứu các nhân tố nhằm xây dựng cơ sở đề xuất các biện pháp thực tiễn nhằm cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững là một hướng nghiên cứu được lựa chọn bởi đông đảo cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới. Mặc dù, có rất nhiều nhân tố khác nhau được nghiên cứu và đánh giá khả năng tác động đến chất lượng báo cáo, những đặc trưng về bộ máy quản trị công ty, cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự, cơ cấu vốn chủ sở hữu hay những đặc thù về loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực kinh doanh, quy mô doanh nghiệp được xem là biến quan sát nhận được nhiều sự quan tâm nhất từ các nhà nghiên cứu, cũng như có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

2.1 Mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam

Để thực hiện mục tiêu đánh giá thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp, xây dựng mô hình đánh giá, bao gồm việc xác định các tiêu chí sử dụng và quy luật quy đổi điểm, được xem là nhiệm vụ tiên quyết. Bởi, điểm quy đổi thu được từ việc áp dụng mô hình đánh giá trên cơ sở dữ liệu thực tế thu thập được từ công thông tin của doanh nghiệp sẽ phản ánh hiện trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Căn cứ kết quả nghiên cứu các định hướng nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới về việc xây dựng mô hình đánh giá chất lượng thông tin, chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam sẽ được đánh giá thông qua kết hợp 4 trong tổng số 6 tiêu chí tương ứng với những đặc điểm chất lượng của thông tin hữu ích do GRI đề xuất (mô hình 2), bao gồm tin cậy hay trình bày trung thực (đặc điểm chất lượng cơ bản), đầy đủ, có thể so sánh được và kịp thời (đặc điểm chất lượng bổ sung).

Bảng 2.1: Tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp và quy luật quy đổi điểm

Tiêu chí đánh giá		Cách thức mã hóa	Quy luật quy đổi điểm	Cơ sở lựa chọn tiêu chí
Đầy đủ (max. 55 điểm)	Cách thức công bố thông tin	DayduCachthucBC	0 điểm – Không phát hành báo cáo; 10 điểm – Phát hành Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội; 15 điểm – Phát hành Báo cáo thường niên có mục “Phát triển bền vững”; 20 điểm – Báo cáo phát triển bền vững	Chang và cộng sự (2019); Slacik và Greiling (2020); Ningsih và cộng sự (2023); Hardi và cộng sự

Tiêu chí đánh giá		Cách thức mã hóa	Quy luật quy đổi điểm	Cơ sở lựa chọn tiêu chí
	Số trang báo cáo	DayduSotrangBC	0 điểm – 0 trang; 15 điểm – Dưới 100 trang; 20 điểm – Từ 100 đến 200 trang; 25 điểm – Lớn hơn 200 trang	(2023)
	Tích hợp 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc	DayduTichhop17MTPTBV	0 điểm – Báo cáo không có mục “Đóng góp thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc”; 10 điểm – Báo cáo có mục “Đóng góp thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc”	
Có thể so sánh được (max. 25 điểm)	Căn cứ sử dụng khi lập báo cáo	CothesosanhApdungGRI	0 điểm – Không áp dụng chuẩn mực GRI; 15 điểm – Áp dụng chuẩn mực GRI	Chang và cộng sự (2019); Sebrina và cộng sự (2023)
	Công bố Bảng danh mục GRI	CothesosanhDanhmucGRI	0 điểm – Không công bố Bảng danh mục GRI; 10 điểm – Công bố Bảng danh mục GRI	
Tin cậy hay Trình bày trung thực		Tincay	0 điểm – Báo cáo không được kiểm	Amran và cộng sự

Tiêu chí đánh giá	Cách thức mã hóa	Quy luật quy đổi điểm	Cơ sở lựa chọn tiêu chí
(max. 10 điểm)		toán bởi kiểm toán viên độc lập; 10 điểm – Báo cáo được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập	(2013); Al-Shaer và Zaman (2016); Al-Shaer (2020); Chang và cộng sự (2019); Jadoon và cộng sự (2020); Nguyễn Hồng Nga (2022); Sebrina và cộng sự (2023)
Kịp thời (max. 10 điểm)	Kipthoi	0 điểm – Chưa phát hành báo cáo năm 2020; 10 điểm – Đã phát hành báo cáo năm 2022	Chang và cộng sự (2019); Sebrina và cộng sự (2023)

Nguồn: Đề xuất bởi nhóm tác giả

Các chỉ tiêu được sử dụng trong quá trình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững, được mô tả cụ thể như sau:

➤ **Tiêu chí thứ nhất “Đầy đủ”:**

Cách thức công bố thông tin (Công thức mã hóa: DayduCachthucBC): Đánh giá

cách thức mà doanh nghiệp công bố thông tin về phát triển bền vững. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu không có báo cáo được phát hành; 10 điểm nếu có Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội; 15 điểm nếu có Báo cáo thường niên với mục “Phát triển bền vững”; 20 điểm nếu có báo cáo Phát triển bền vững (điểm tối đa mà doanh nghiệp có thể đạt được).

Số trang báo cáo (Công thức mã hóa: DayduSotrangBC): Đánh giá độ phong phú và chi tiết của báo cáo. Một báo cáo có nhiều trang hơn và cung cấp thông tin chi tiết hơn sẽ nhận được điểm cao hơn. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu báo cáo không có trang nào; 15 điểm nếu báo cáo dưới 100 trang; 20 điểm nếu báo cáo có từ 100 đến 200 trang; 25 điểm nếu báo cáo lớn hơn 200 trang (điểm tối đa mà doanh nghiệp có thể đạt được).

Tích hợp 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (Công thức mã hóa: DayduTichhop17MTPTBV): Đánh giá mức độ tích hợp và đề cập đến 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Nếu báo cáo liên kết và đề cập đến đóng góp của doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững một cách rõ ràng và cụ thể, điểm số sẽ cao hơn. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu báo cáo không có mục “Đóng góp thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc”; 10 điểm nếu báo cáo có mục “Đóng góp thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc” (điểm tối đa mà doanh nghiệp có thể đạt được).

➤ **Tiêu chí thứ hai “Có thể so sánh được”:**

Căn cứ sử dụng khi lập báo cáo (Công thức mã hóa: CothesosanhApdungGRI): Đánh giá việc sử dụng các căn cứ và tiêu chuẩn quốc tế khi lập báo cáo phát triển bền vững. Nếu doanh nghiệp sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế hoặc tiêu chuẩn được công nhận rộng rãi, điểm số sẽ cao hơn. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu không áp dụng chuẩn mực GRI; 15 điểm nếu áp dụng chuẩn mực GRI (điểm tối đa mà doanh nghiệp có thể đạt được).

Công bố Bảng danh mục GRI (Công thức mã hóa: CothesosanhDanhmucGRI): Đánh giá việc công bố Bảng danh mục theo chuẩn mực GRI, một thông tin quan trọng trong báo cáo phát triển bền vững giúp người sử dụng thông tin có thể thực hiện so sánh và đối chiếu số liệu để đưa ra quyết định. Nếu doanh nghiệp công bố bảng danh mục GRI, điểm số sẽ cao hơn. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu không công bố

Bảng danh mục GRI; 10 điểm nếu công bố Bảng danh mục GRI (điểm tối đa mà doanh nghiệp có thể đạt được).

➤ **Tiêu chí thứ ba “Tin cậy”** (Công thức mã hóa: Tincay): Đánh giá mức độ tin cậy và trình bày trung thực của báo cáo. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu báo cáo không được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập; 10 điểm nếu báo cáo được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

➤ **Tiêu chí thứ tư “Kịp thời”** (Công thức mã hóa: Kipthoi): Đánh giá việc phát hành báo cáo trong thời gian hợp lệ. Điểm số được ghi nhận như sau: 0 điểm nếu chưa phát hành báo cáo năm 2020; 10 điểm nếu đã phát hành báo cáo năm 2022.

Các tiêu chí trên được sử dụng để đánh giá chất lượng và tính toàn diện của báo cáo phát triển bền vững. Từ điểm số thu được trong mỗi tiêu chí, có thể xác định được mức độ đáp ứng và tuân thủ của doanh nghiệp đối với các yêu cầu chất lượng của báo cáo phát triển bền vững.

Để phản ánh rõ nét thực trạng chất lượng của BCPTBV, một mẫu nghiên cứu gồm 100 doanh nghiệp đầu tiên trong top 500 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) đã được lựa chọn. Những doanh nghiệp này được cho là có lợi thế về nguồn lực con người và tài chính, thể hiện qua hiệu quả hoạt động kinh doanh. Dữ liệu được thu thập và tổng hợp trực tiếp từ báo cáo phát triển bền vững giai đoạn 2020-2022 công khai trên trang công thông tin chính thức của từng doanh nghiệp. Để xử lý dữ liệu, ứng dụng bảng tính Excel đã được sử dụng.

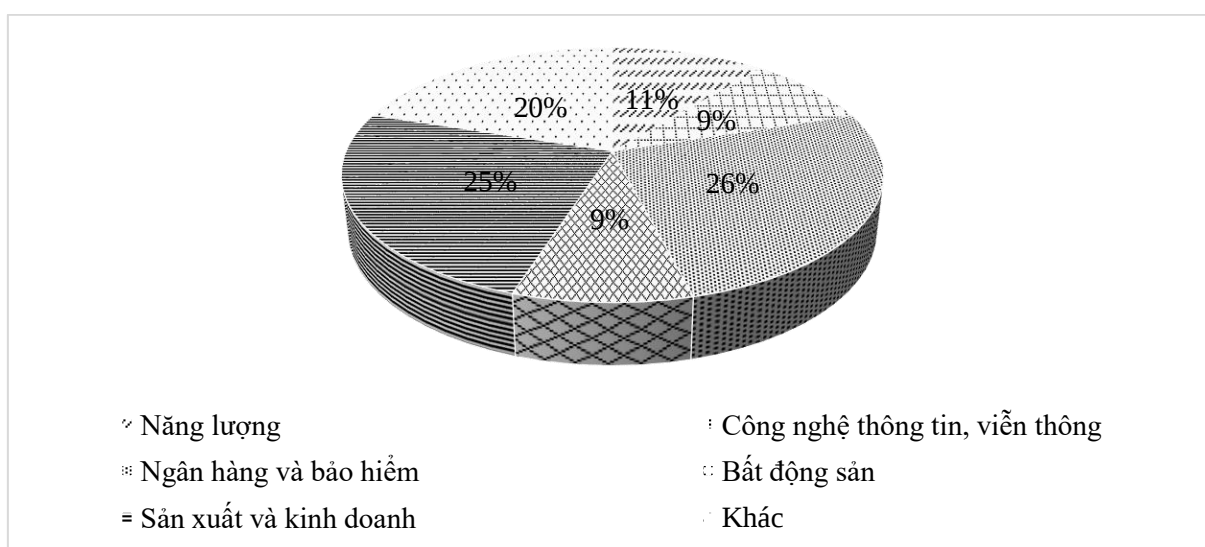
Tổng điểm quy đổi tối đa mà một doanh nghiệp có thể đạt được về chất lượng báo cáo phát triển bền vững là 100 điểm. Trong đó, tiêu chí “Tính đầy đủ” có mức điểm tối đa là 55 điểm, gồm các chỉ tiêu “Cách thức công bố thông tin”, “Số trang báo cáo” và “Tích hợp 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc”. Tiêu chí “Tính có thể so sánh được” có mức điểm tối đa là 25 điểm, bao gồm các chỉ tiêu “Căn cứ sử dụng khi lập báo cáo” và “Công bố Bảng danh mục GRI”.

Mặt khác, để phản ánh rõ nét thực trạng chất lượng của báo cáo phát triển bền vững, mức độ công bố các chỉ số kinh tế, môi trường và xã hội theo đề xuất của chuẩn mực GRI được đánh giá thông qua tỷ lệ giữa số lượng chỉ số thực tế được trình bày và công khai bởi doanh nghiệp và số lượng chỉ số theo chuẩn mực GRI (chỉ số kinh tế – 17; chỉ số môi trường – 32; chỉ số xã hội – 39; tổng cộng 88 chỉ số).

Qua việc áp dụng quy trình đánh giá này, chúng ta có thể đánh giá chất lượng của báo cáo phát triển bền vững một cách khách quan và xác thực. Điều này đảm bảo rằng báo cáo phát triển bền vững được chuẩn bị và công bố một cách toàn diện, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp nâng cao mức độ bền vững trong các hoạt động kinh doanh của họ. Qua việc đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững, chúng ta có thể đảm bảo rằng các doanh nghiệp và tổ chức đang tiến tới mục tiêu phát triển bền vững và công bố thông tin liên quan về phát triển bền vững, nhằm góp phần vào việc xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người và hành tinh của chúng ta

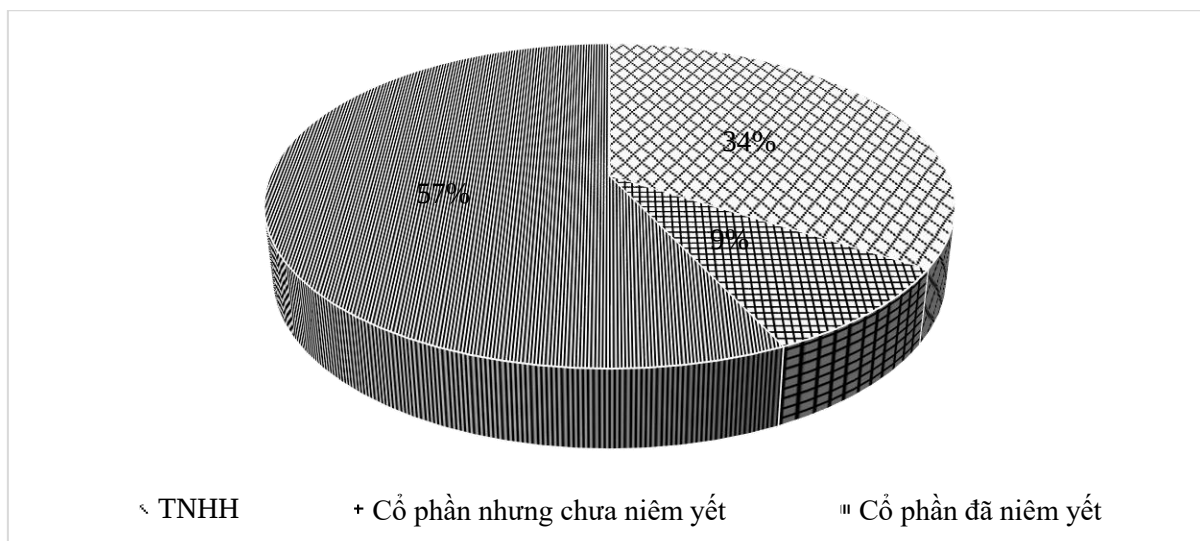
2.2 Thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam

Top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo bảng xếp hạng của Vietnam Report rất đa dạng về ngành nghề và lĩnh vực hoạt động. Trong đó, chiếm hơn 1/4 hay 26 trên tổng số top 100 công ty là các tổ chức tín dụng chuyên cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ tài chính khác. Các công ty sản xuất và kinh doanh các mặt hàng khác nhau, từ lương thực, thực phẩm, mỹ phẩm, thiết bị máy móc đến các sản phẩm phục vụ nông nghiệp như thuốc trừ sâu cũng là những doanh nghiệp có kết quả hoạt động hiệu quả (25% hay 25 công ty). Chiếm 9% (hay 9 công ty) trong bảng xếp hạng top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 là các tập đoàn năng lượng, bao gồm dầu khí, than và điện năng.



Hình 2.1: Thống kê top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report theo lĩnh vực hoạt động

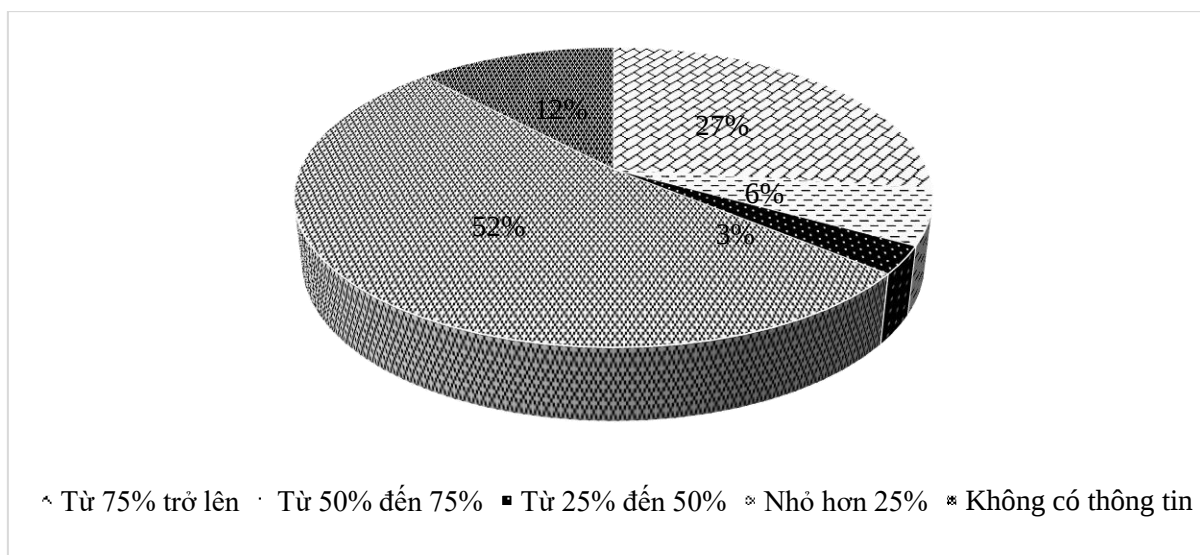
Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả



Hình 2.2: Thống kê top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report theo loại hình doanh nghiệp

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Bên cạnh đó, các công ty có lợi nhuận lớn nhất Việt Nam đăng ký hoạt động dưới nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau. Chiếm đa số trong đó là doanh nghiệp cổ phần đã niêm yết (57% hay 57 trong tổng số 100 công ty), tiếp đến là công ty TNHH – 34% hay 34 công ty.

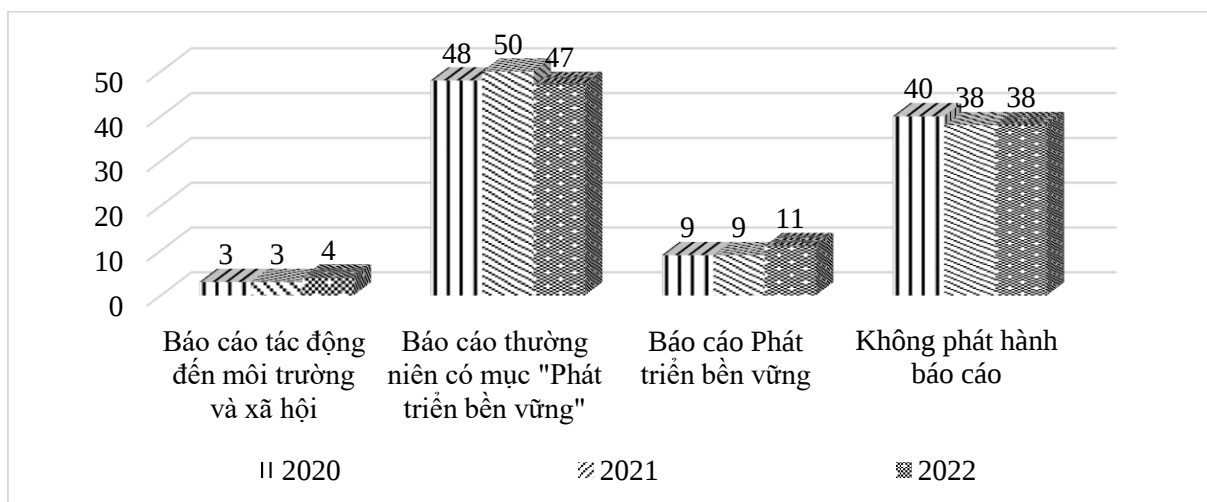


Hình 2.3: Thống kê top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report theo tỷ lệ vốn sở hữu Nhà nước

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Đáng chú ý, trong cơ cấu vốn hoạt động của tất cả các công ty thuộc top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam đều có sự tham gia của Nhà nước (ngoại trừ

12 công ty không thể xác nhận thông tin). Hơn 40% (hay 36 trong tổng số 88 công ty) công ty do Nhà nước nắm quyền kiểm soát, còn lại hơn 59% – Nhà nước có ảnh hưởng đáng kể. Cụ thể, các tập đoàn kinh tế do Nhà nước nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu, như Tập đoàn Dầu khí chiếm vị trí thứ nhất, Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội – vị trí thứ ba, Tổng Công ty thăm dò khai thác dầu khí – Công ty TNHH Nhà nước MTV – vị trí thứ 6 trong bảng xếp hạng top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) của Vietnam Report. Điều này thể hiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, cũng như vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp Nhà nước trong việc định hướng, thúc đẩy và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn của quốc gia.



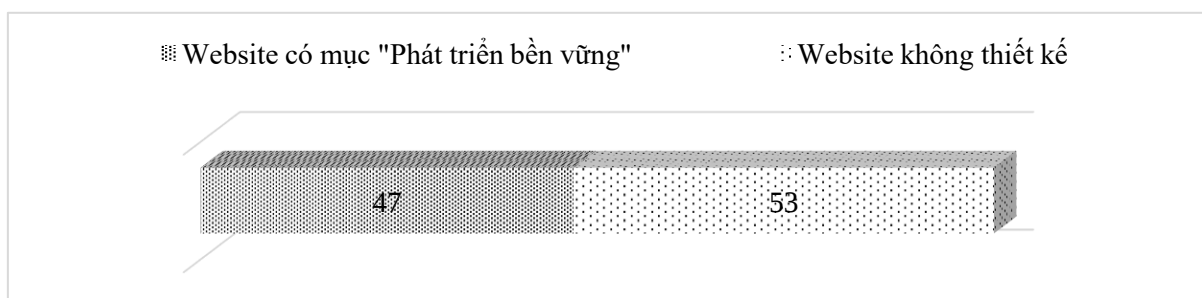
Hình 2.4: Mức độ và cách thức công bố thông tin về phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report giai đoạn 2020-2022, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Mặc dù, top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam được kỳ vọng sẽ là những công ty quan tâm và đầu tư vào công tác lập, trình bày và công bố thông tin liên quan đến sự đóng góp của mình vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường hay phát triển bền vững, bởi lợi thế về nguồn nhân lực và vật lực, chỉ có hơn ½ hay 60 trên tổng số 100 công ty công khai thông liên quan đến phát triển bền vững năm 2020. Tỷ lệ này có xu hướng cải thiện, nhưng không đáng kể (tăng 2% tương ứng với 2 công ty) và đạt 62% giai đoạn 2021-2022. Tuy nhiên, chỉ có 11% hay 11 trên tổng số 100 công ty phát hành báo cáo phát triển bền vững năm 2022 (9% – giai đoạn 2020-2021). Phần lớn doanh nghiệp (47% tương ứng với 47 công ty) lựa chọn việc phát hành Báo cáo thường niên kết hợp với Mục “Phát triển bền vững” như một cách thức công khai thông tin phi

tài chính. Một số ít doanh nghiệp còn lại (3% hay 3 công ty) phát hành Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội hay Báo cáo HSE, như Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty thuốc lá Việt Nam hay Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.

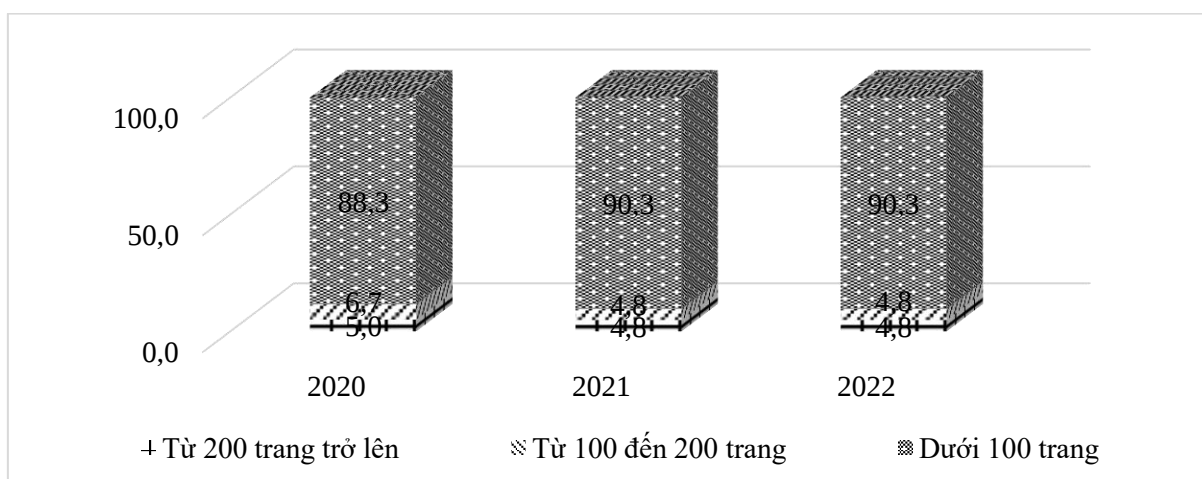
Thêm vào đó, website của hơn ½ hay 53 trên tổng số 100 công ty được nghiên cứu không thiết kế mục “Phát triển bền vững” để công khai các hình ảnh hay thông tin cần thiết liên quan đến trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường hay các hoạt động vì cộng đồng.



Hình 2.5: Mức độ công khai thông tin phát triển bền vững thông qua website của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

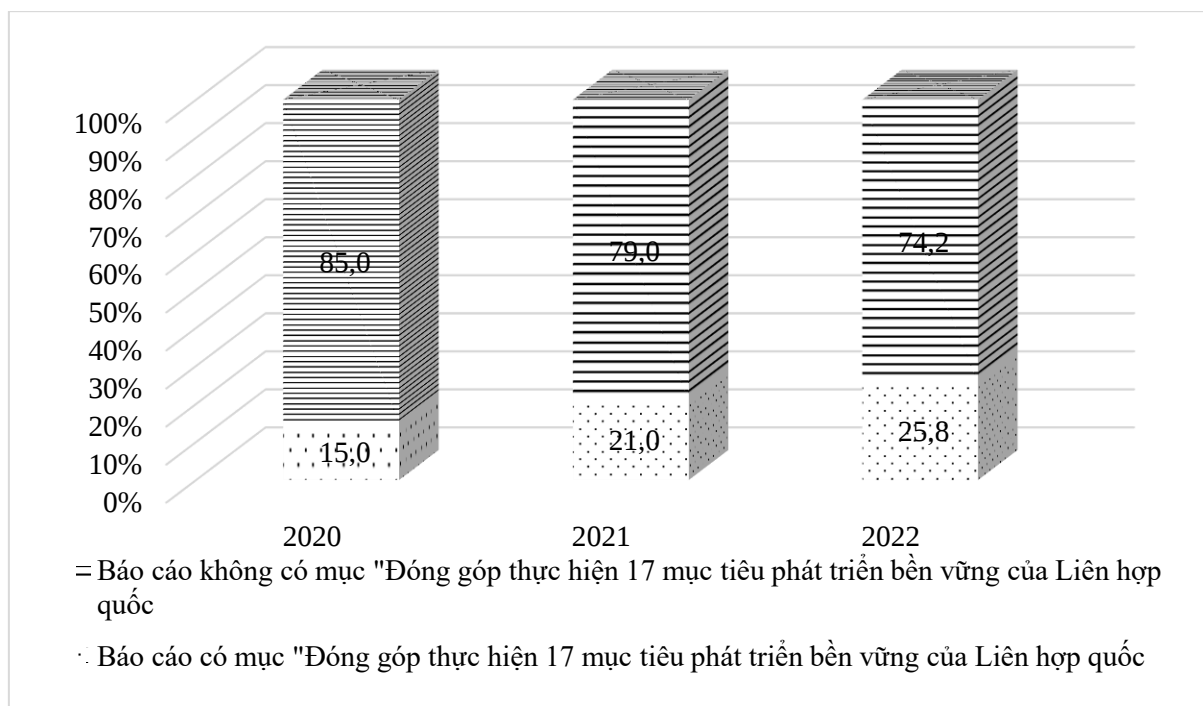
Để đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững được công bố bởi top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, thông tin liên quan đến các tiêu chí về tính đầy đủ, tính có thể so sánh được, tính tin cậy và tính kịp thời được thu thập và phân tích chuyên sâu.



Hình 2.6: Thống kê số lượng trang báo cáo phát triển bền vững được công bố của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Chưa xét đến nội dung, số lượng trang của báo cáo là một chỉ tiêu hợp lý để đánh giá tính đầy đủ, bên cạnh chỉ tiêu báo cáo phát triển bền vững có mục “Đóng góp thực hiện 17 mục tiêu phát triển của Liên hợp quốc”. Thực tế cho thấy, số lượng trang có xu hướng giảm trong giai đoạn 2020-2022, tuy nhiên sự biến đổi không đáng kể. Hầu hết báo cáo phi tài chính đều dưới 100 trang (90,3% năm 2022) và chỉ có rất ít báo cáo có số lượng trang từ 100 trở lên (9,6% hay 6 trên tổng số 62 công ty).

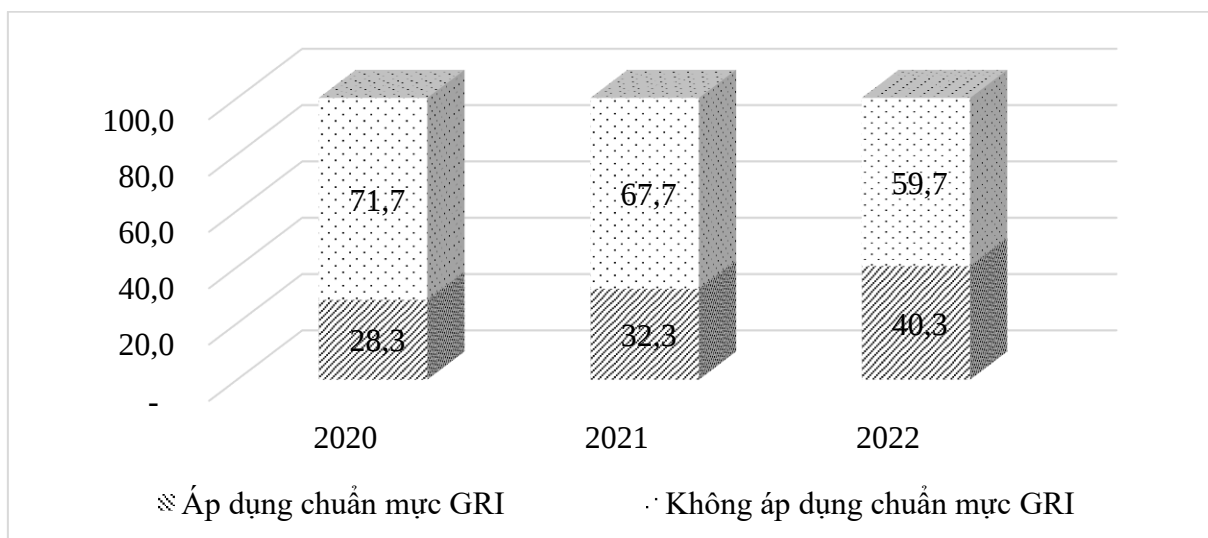


Hình 2.7: Mức độ tích hợp 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc vào báo cáo của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

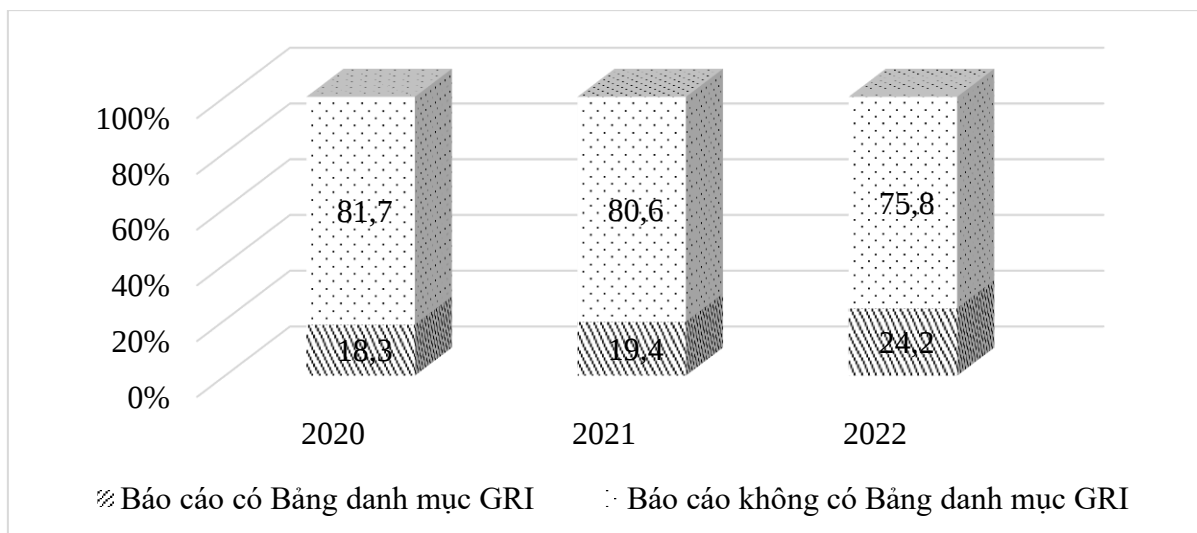
Nếu như 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã được cộng đồng doanh nghiệp quốc tế tích cực chuyển đổi thành các mục tiêu chiến lược dài hạn của mình, đối với cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam các mục tiêu này chưa thực sự phổ biến và được chú tâm đúng mức. Bởi, chỉ có hơn ¼ doanh nghiệp thực hiện tích hợp các mục tiêu này vào hoạt động kinh doanh và công bố kết quả đạt được trong báo cáo phát triển bền vững. Tuy nhiên, tỷ lệ báo cáo phát triển bền vững có mục “Đóng góp thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc” có xu hướng cải thiện trong giai đoạn 2020-2022 (tăng gần 5% so với năm 2021 và 10,8% so với năm 2020). Dấu hiệu này cho thấy cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã ý thức được vai trò quan trọng

của bản thân trong việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững, cũng như thể hiện cam kết của mình thông qua các hoạt động thực tiễn, bao gồm công bố thông tin phi tài chính.



Hình 2.8: Mức độ áp dụng chuẩn mực GRI khi lập báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

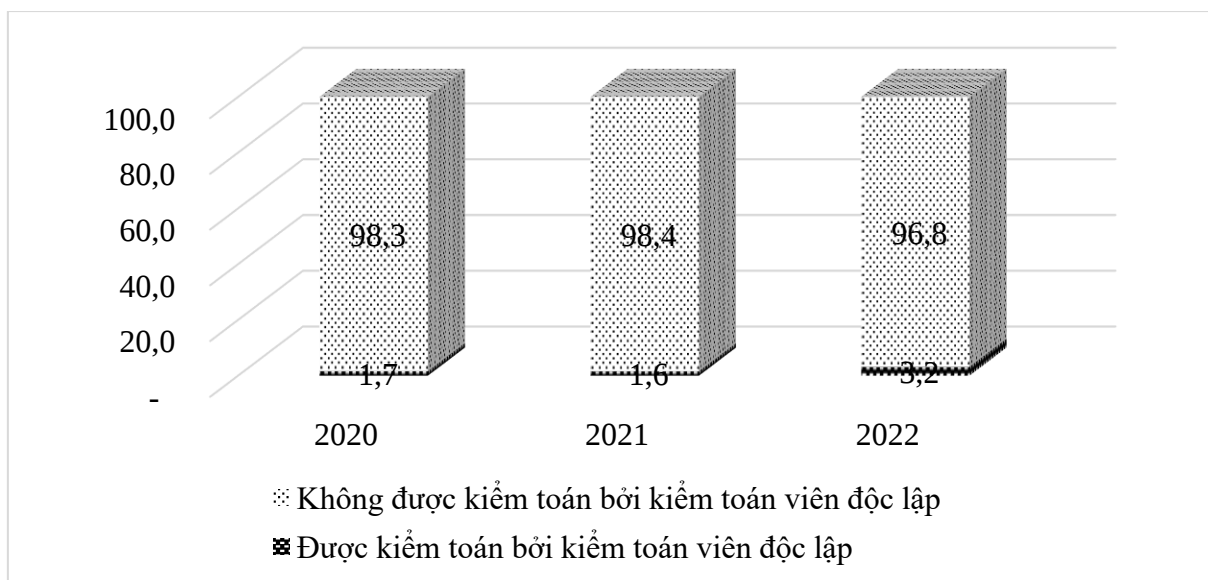


Hình 2.9: Mức độ công bố Danh mục GRI trong báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Có thể thấy, chưa tới ½ top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report áp dụng chuẩn mực GRI khi lập và trình bày báo cáo phát triển bền vững. Không những thế, tỷ lệ doanh nghiệp lập và công khai báo cáo

phát triển bền vững, bao gồm Bảng danh mục GRI, chưa tới ¼ hay 24,2%. Kết quả này chỉ ra rằng, hiện tại tính có thể so sánh được của thông tin về phát triển bền vững được công bố chưa đáp ứng được nhu cầu đối sánh của các bên liên quan, bởi chưa có tính nhất quán và đồng bộ trong công tác chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững. Việc này ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cũng như tính hữu ích của thông tin phi tài chính được doanh nghiệp công khai định kỳ. Tuy nhiên, có thể nhận thấy, chuẩn mực GRI ngày càng được thừa nhận và phổ biến trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Bởi vì, mức độ áp dụng chuẩn mực GRI, cũng như công bố Bảng danh mục GRI khi lập báo cáo về phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report được cải thiện trong giai đoạn 2020-2022 (mức độ áp dụng chuẩn mực GRI – tăng 12% năm 2022 so với năm 2020; mức độ công bố Danh mục GRI – tăng 5,9% năm 2022 so với năm 2020).



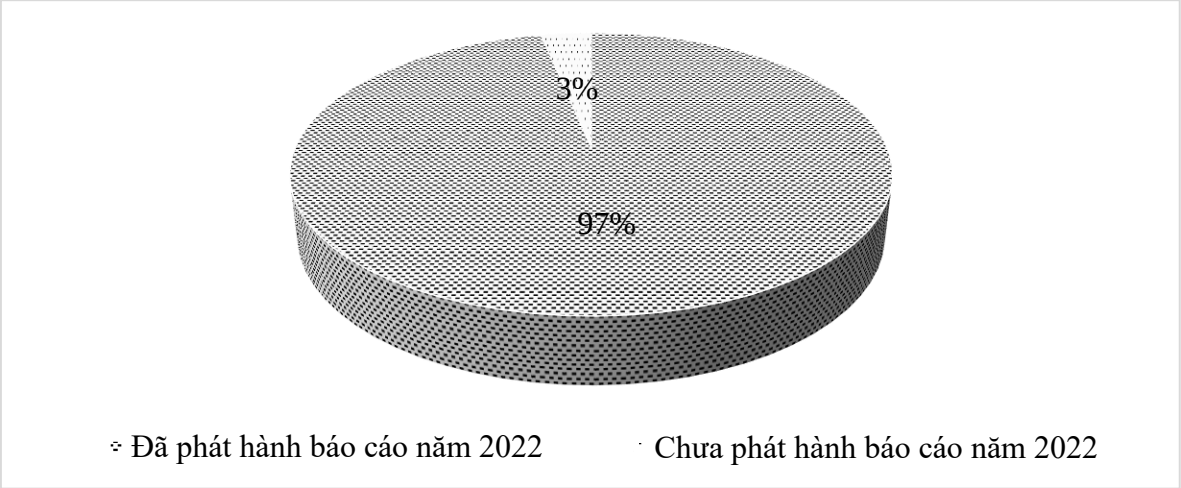
Hình 2.10: Mức độ tin cậy của báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Gần như toàn bộ báo cáo Phát triển bền vững được công bố bởi top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report chưa được xác nhận bởi một bên độc lập thứ ba (96,8% năm 2022). Do đó, tính tin cậy của thông tin phi tài chính liên quan đến phát triển bền vững vẫn đang là câu hỏi hiện chưa có câu trả lời thỏa đáng.

Việc thu thập dữ liệu phục vụ nghiên cứu được tiến hành vào những tháng thuộc

Quý IV năm 2023. Do đó, chỉ tiêu “Phát hành báo cáo năm 2022” được sử dụng để đánh giá tính kịp thời của thông tin phi tài chính về phát triển bền vững công bố bởi doanh nghiệp. Vì thời điểm thực hiện nghiên cứu đã gần cuối năm 2023, vậy nên hầu hết các doanh nghiệp đã công bố báo cáo phát triển bền vững năm 2022 (97%). Việc công bố báo cáo kịp thời sẽ làm tăng tính hữu ích của thông tin, cũng như thỏa mãn nhu cầu ra quyết định của đối tượng sử dụng.



Hình 2.11: Mức độ công bố kịp thời báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Sau khi ứng dụng mô hình đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững, kết quả thống kê mô tả các tiêu chí được sử dụng để đánh giá chất lượng của báo cáo phát triển bền vững thể hiện, thông tin phi tài chính được công bố bởi top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng về tính có thể so sánh được và độ tin cậy, bởi giá trị median và mode của ba chỉ tiêu này đều bằng 0.

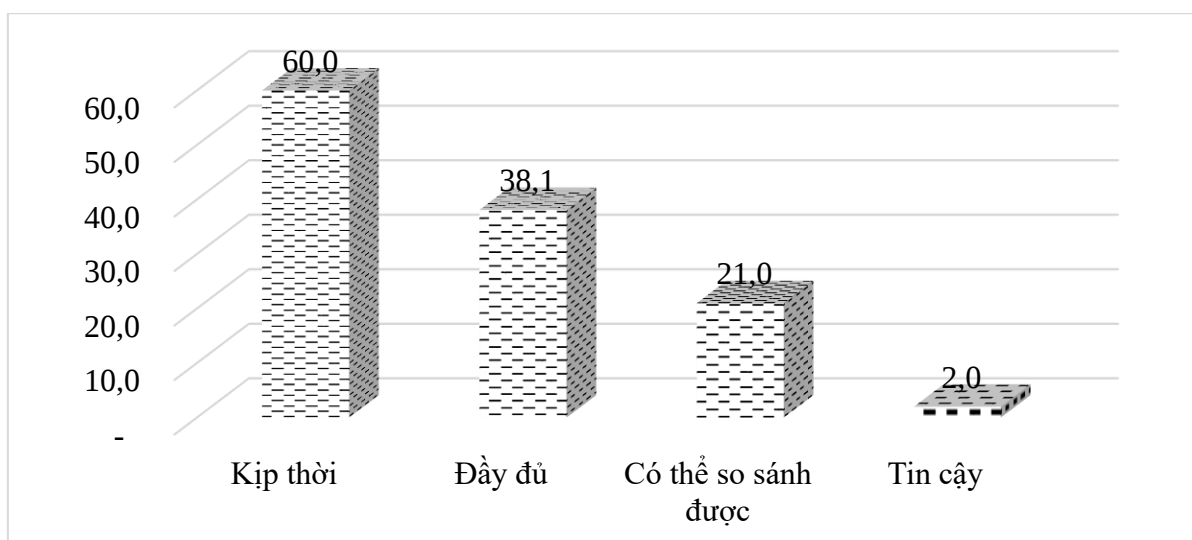
Bảng 2.2: Thống kê mô tả các tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report

Tiêu chí đánh giá	Mean	Median	Mode	Maximum	Minimum
DayduCachthucBC	9,65	15	15	20	0
DayduSotrangBC	9,80	15	15	25	0
DayduTichhop17MTPTBV	1,50	0	0	10	0

Tiêu chí đánh giá	Mean	Median	Mode	Maximum	Minimum
CothesosanhApdungGRI	3,75	0	0	15	0
CothesosanhDanhmucGRI	1,50	0	0	10	0
Tincay	0,20	0	0	10	0
Kipthoi	6,00	10	10	10	0

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Xét về mức độ đạt được các tiêu chí đánh giá chất lượng thông qua tỷ số phần trăm điểm trung bình của các chỉ tiêu trên tổng điểm tối đa có thể đạt được, tính kịp thời của báo cáo phát triển bền vững có tỷ lệ đảm bảo cao nhất, nhưng không cao (khoảng 60%), tiếp đến là tính đầy đủ – 38,1%, tính có thể so sánh được – 21% và tính tin cậy là tiêu chí có tỷ lệ đảm bảo thấp nhất (2%).



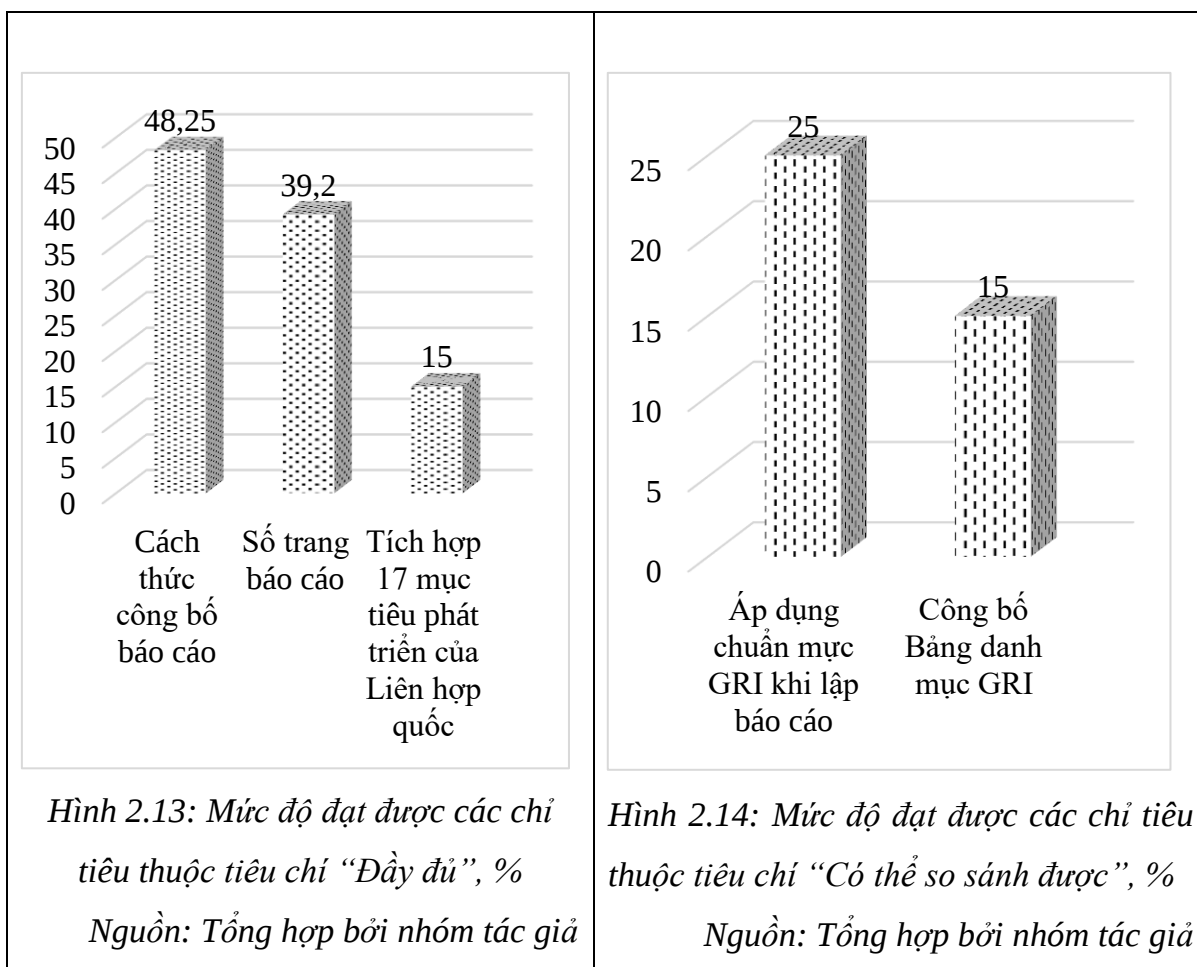
Hình 2.12: Mức độ đạt được các tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Đối với tiêu chí “Đầy đủ”, việc tích hợp 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc là chỉ tiêu có mức độ thực hiện thấp nhất (15%), đối với tiêu chí “Có thể so sánh được” việc trình bày và công bố Bảng danh mục GRI cùng với báo cáo phát triển bền vững có mức độ đạt được thấp nhất (15%).

Căn cứ kết quả phân tích mức độ đạt được các tiêu chí đánh giá chất lượng cũng có thể dễ dàng dự đoán được điểm số quy đổi của chỉ tiêu “Chất lượng báo cáo phát triển bền vững 2022” của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam

(PROFIT500) theo Vietnam Report sẽ không cao như kỳ vọng ban đầu. Điều này được phản ánh rõ nét thông qua giá trị Mean – chỉ đạt 32,40 hay Median – 40 (điểm số tối thiểu để được đánh giá là “Đạt yêu cầu”) và giá trị Mode đạt 0.



Gần ½ hay 43 trên tổng số 100 công ty có điểm số quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 không đạt yêu cầu (nhỏ hơn 40 điểm), hơn 1/3 báo cáo phát triển bền vững được phát hành có chất lượng chỉ đạt mức “Trung bình”.

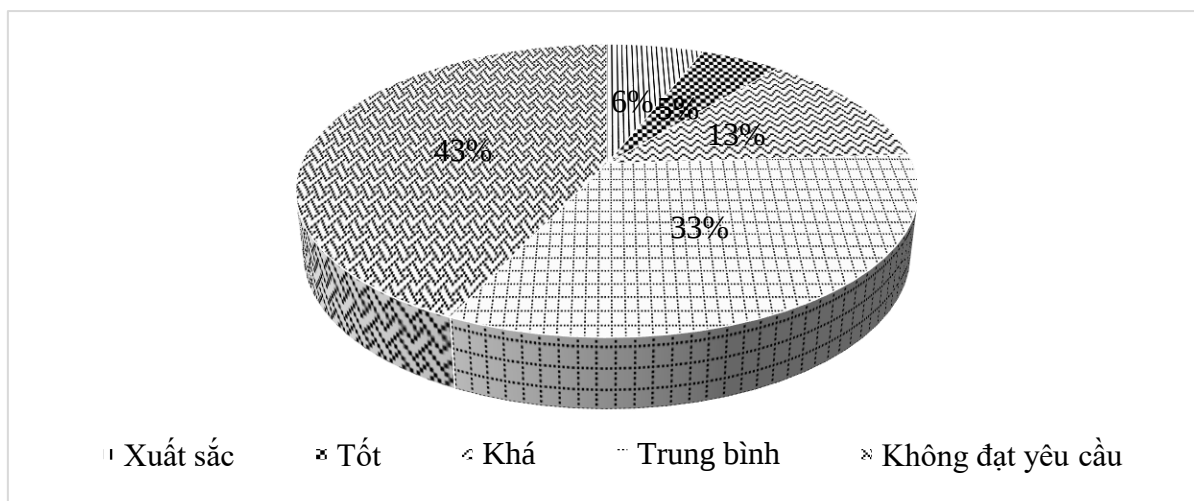
Bảng 2.3: Thống kê mô tả chỉ tiêu “Chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022” của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report

Chỉ tiêu	Mean	Median	Mode	Maximum	Minimum
ChatluongBCPTBV2022	32,40	40	0	100	0

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Nếu chỉ xét những công ty có phát hành báo cáo phát triển bền vững (62 trên tổng số 100 công ty), hơn ½ báo cáo phát triển bền vững có điểm quy đổi chỉ đạt mức từ 40 đến 55 – tương ứng với xếp loại “Trung bình”. Hơn 8% báo cáo phát triển bền vững

được công bố có chất lượng “Không đạt yêu cầu”.



Hình 2.15: Xếp loại chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report, %

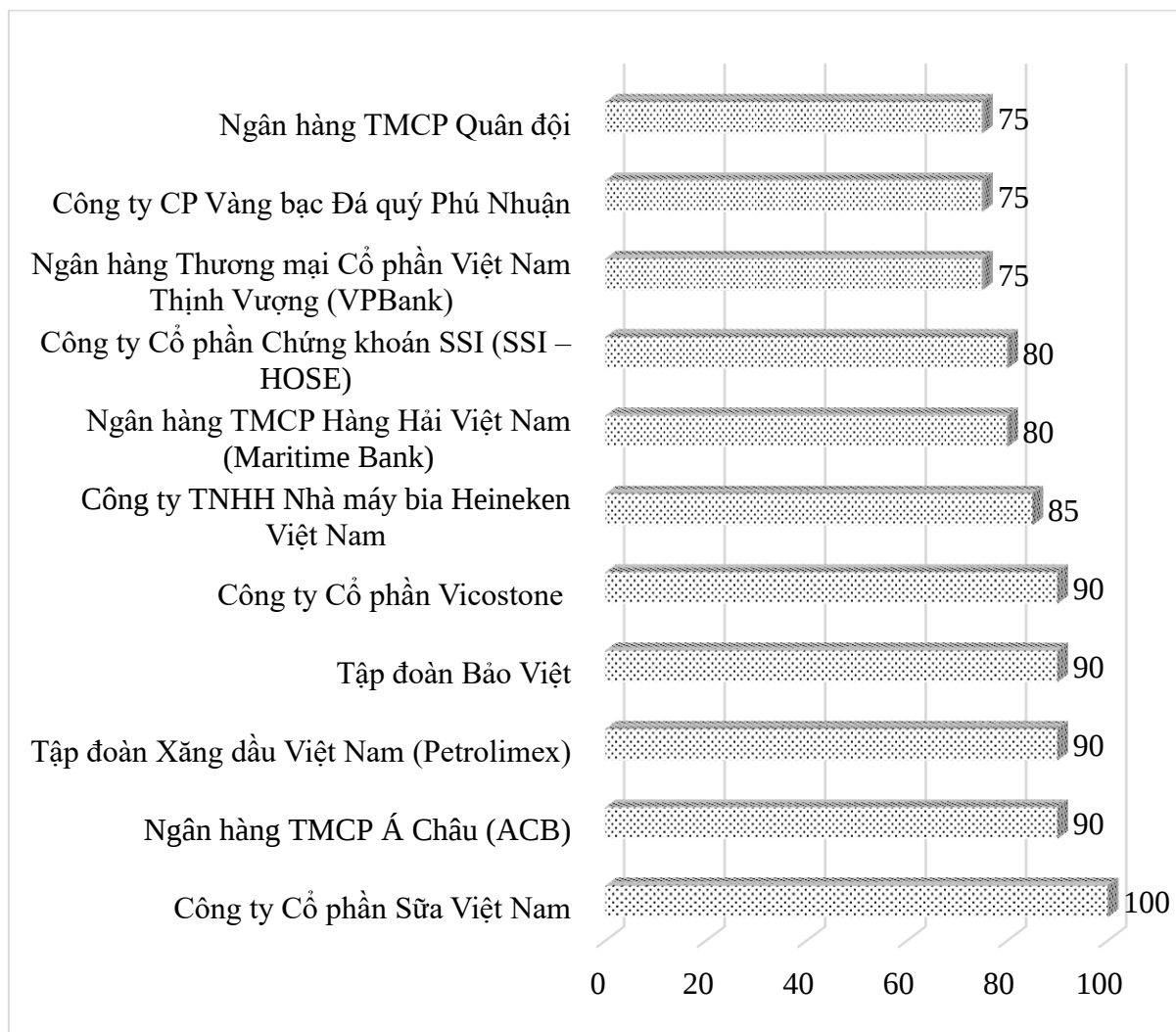
Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đạt điểm quy đổi tối đa (100 điểm) theo tiêu các tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững và xếp vị trí thứ nhất trong danh sách top 11 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report có điểm quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 cao nhất. Chiếm đa số doanh nghiệp, cũng như thứ hạng cao trong bảng xếp hạng (45,5% hay 5 công ty), là các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ngân hàng hay bảo hiểm, cụ thể Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) và Tập đoàn Bảo Việt (vị trí thứ 2).

Hơn 1/3 công ty có chất lượng báo cáo phát triển bền vững tốt nhất là những doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong đó có Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Nhà nước ảnh hưởng đáng kể – vị trí thứ nhất) hay Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) và Tập đoàn Bảo Việt (Nhà nước nắm quyền kiểm soát – vị trí thứ hai). Bên cạnh đó, nằm trong top 11 doanh nghiệp có chất lượng báo cáo phát triển bền vững tốt nhất bao gồm cả những doanh nghiệp tư nhân (Công ty Cổ phần Vicostone – vị trí thứ hai) hay doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài nắm quyền kiểm soát (Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam – vị trí thứ ba).

Đáng chú ý, trong tổng số top 5 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report có điểm quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 thấp nhất có đến 5 công ty do Nhà nước nắm quyền kiểm soát hay là những doanh nghiệp Nhà nước (chiếm 80%). Đồng thời, có một khoảng cách điểm

khá lớn giữa báo cáo phát triển bền vững có chất lượng tốt nhất và chất lượng thấp nhất – 75 điểm. Điều này chỉ ra rằng, chưa có sự đồng nhất về chất lượng báo cáo phát triển bền vững được công bố bởi top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report.

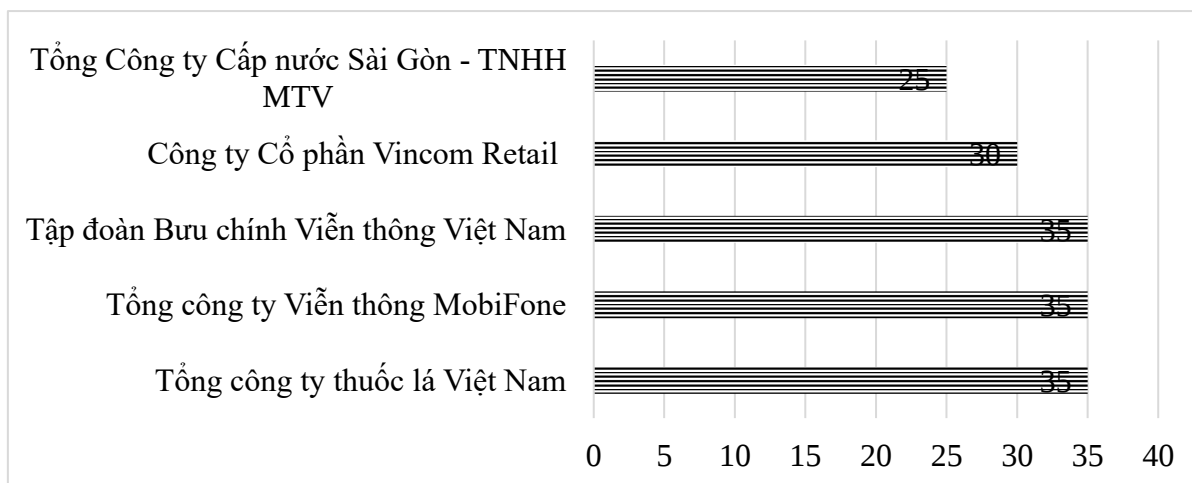


Hình 2.16: Top 11 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report có điểm quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 cao nhất

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

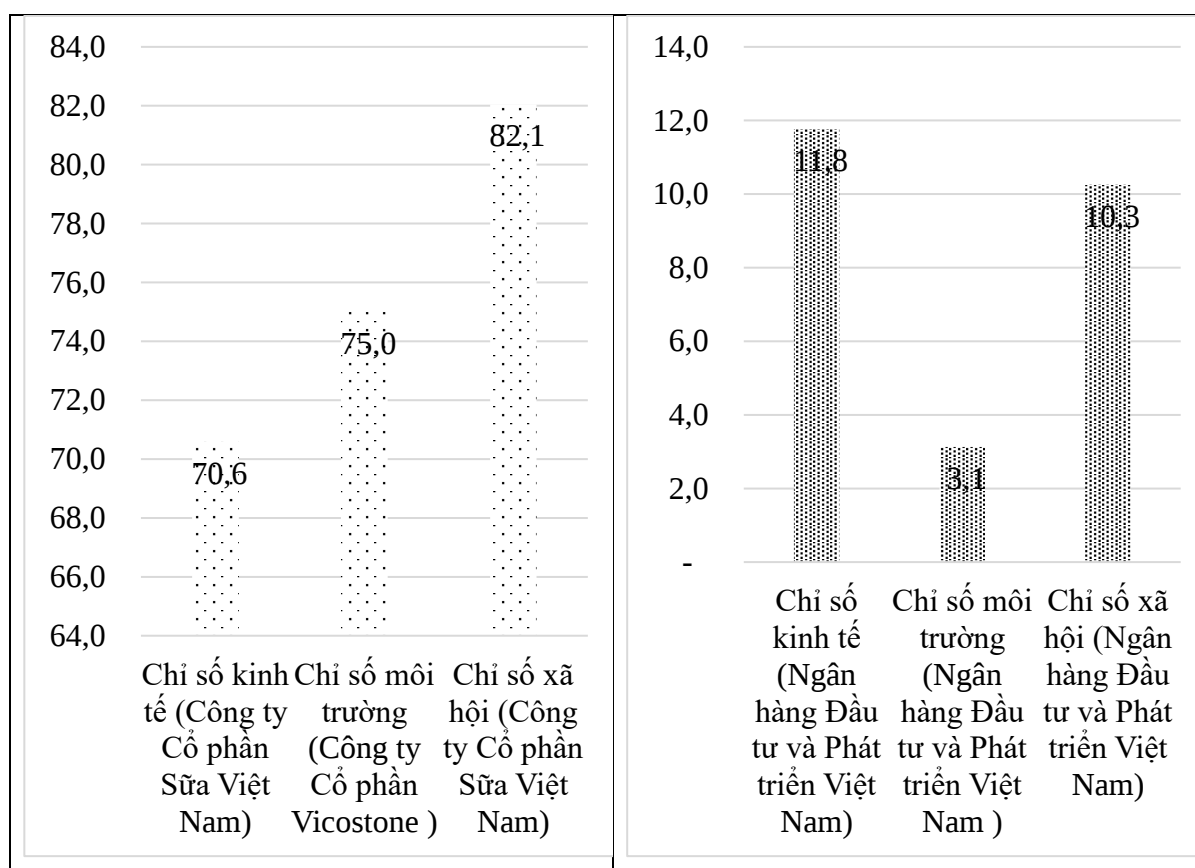
Vì việc áp dụng chuẩn mực GRI và công bố Bảng danh mục GRI bởi top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report không đồng nhất, nên chỉ tiêu “Số lượng các chỉ số của Chuẩn mực GRI được công bố” không được sử dụng để đánh giá tính đầy đủ của báo cáo phát triển bền vững. Tuy nhiên, để đánh giá chất lượng thông tin phi tài chính của 15 trên tổng số 100 doanh nghiệp đã lập và công khai Bảng danh mục GRI, số lượng các chỉ số được trình bày trong báo cáo phát

triển bền vững được thu thập và thống kê.



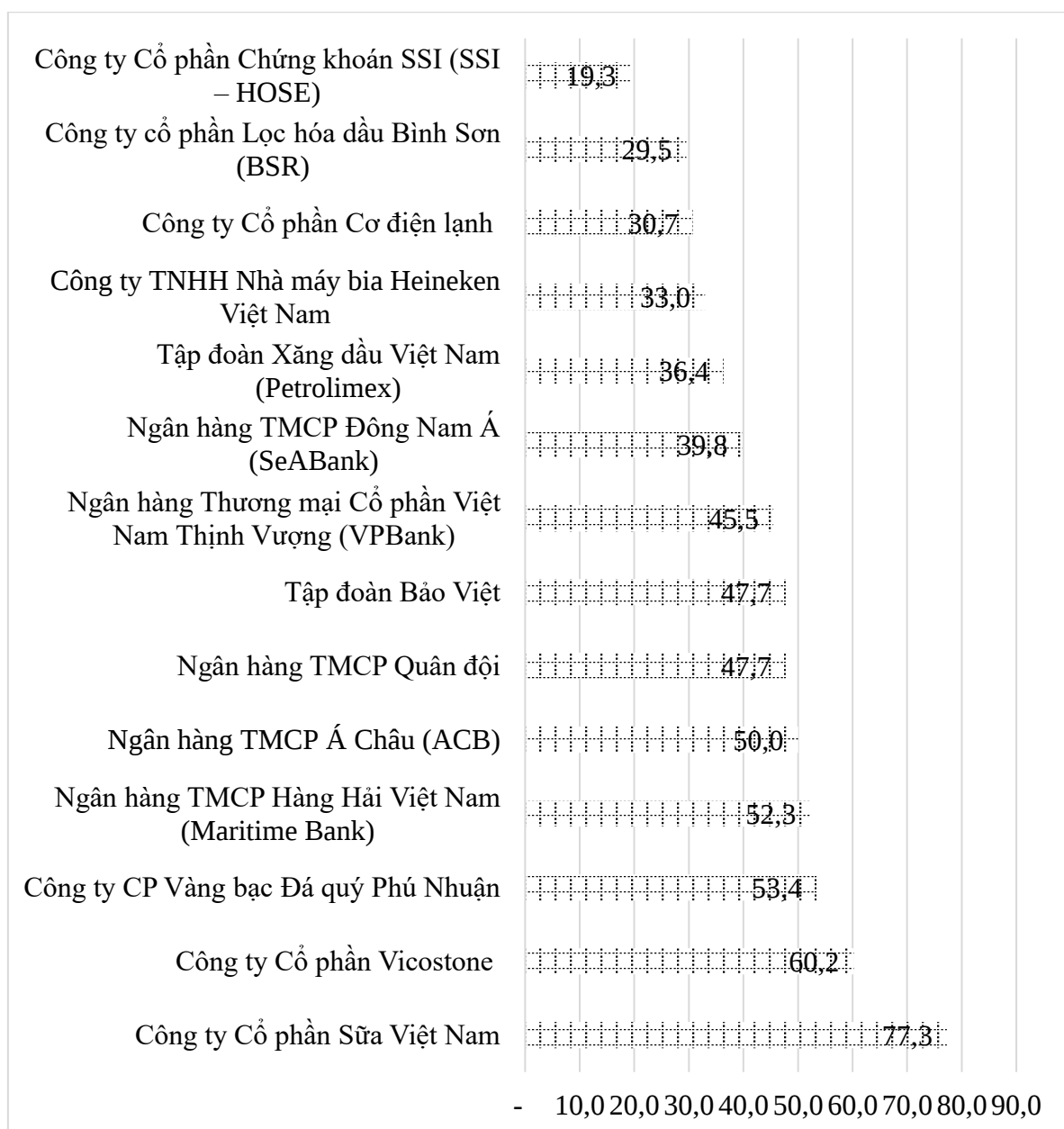
Hình 2.17: Top 5 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report có điểm quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững năm 2022 thấp nhất

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả



Hình 2.18: Mức độ công bố chỉ số kinh tế, môi trường và xã hội theo chuẩn mực GRI của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) xếp hạng bởi Vietnam Report, %

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả



Hình 2.19: Mức độ công bố chỉ số theo chuẩn mực GRI của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) xếp hạng bởi Vietnam Report

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Là chủ đề có số lượng chỉ số được đề xuất công bố bởi GRI nhiều nhất (39 trên tổng số 88 chỉ số), các chỉ số xã hội cũng được doanh nghiệp quan tâm và đạt mức độ công bố cao nhất: 82,1% (32/39 chỉ số) – Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, kế đến là các chỉ số môi trường: 75,0% (25/32 chỉ số) – Công ty Cổ phần Vicostone, cuối cùng là các chỉ số kinh tế: 70,6% (12/17 chỉ số) – Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Tuy nhiên, tồn tại sự không đồng đều về mức độ lựa chọn và công bố các chỉ số liên quan đến phát triển bền vững giữa các doanh nghiệp. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

(BIDV) có mức công bố tất cả các chỉ số ở mức thấp nhất, nhất là chỉ số môi trường – chỉ đạt 3,1% (1/32 chỉ số).

Xét về tổng thể mức độ công bố các chỉ số về Phát triển bền vững theo hướng dẫn của GRI, hơn 2/3 doanh nghiệp công khai chưa tới 50% các chỉ số được đề xuất. Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đạt mức cao nhất, nhưng mức độ các chỉ số được công bố chỉ đạt 77,3%. Như vậy, các doanh nghiệp thuộc top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) xếp hạng bởi Vietnam Report cần tăng cường công tác thu thập dữ liệu, tính toán và công khai đầy đủ các chỉ số quan trọng về Phát triển bền vững theo chuẩn mực GRI.

Tóm lại, bên cạnh mức độ công khai thông tin phi tài chính còn khá khiêm tốn, chất lượng báo cáo phát triển bền vững của top 100 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam (PROFIT500) theo Vietnam Report cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng quan tâm và có nhu cầu sử dụng thông tin. Bởi vì, phần lớn các đặc điểm chất lượng của thông tin hữu ích, đồng thời cũng là các tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin có mức điểm quy đổi khá thấp hay mức độ đạt được các tiêu chí đánh giá không thỏa mãn được kỳ vọng ban đầu. Hệ quả, phần lớn doanh nghiệp có chất lượng báo cáo phát triển bền vững chỉ đạt mức “Trung bình” và thậm chí “Không đạt yêu cầu”. Thêm vào đó, tồn tại sự không đồng đều và chênh lệch khoảng cách điểm khá lớn giữa những doanh nghiệp có chất lượng báo cáo phát triển bền vững tốt nhất và không đạt yêu cầu.

Nghiên cứu chỉ được thực hiện trên mẫu 100 công ty thuộc top 500 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo bảng xếp hạng của Vietnam Report, do đó, việc mở rộng cỡ mẫu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu sẽ giúp cải thiện độ tin cậy của những kết luận thu được. Kết quả nghiên cứu là cơ sở dữ liệu hữu ích phục vụ phân tích nhân tố khám phá, nhằm xác định những nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo và từ đó đề xuất giải pháp hữu ích góp phần cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững.

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

3.1 Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam

Như đã đề cập trước đó, việc xác định các nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững sẽ là cơ sở để đề xuất các biện pháp thực tiễn nhằm cải thiện chất lượng thông tin được công bố. Do đó, sau khi đã phân tích được thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững, cũng như việc nâng cao chất lượng báo cáo là cần thiết, thì bước tiếp theo của nghiên cứu là đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố tiềm năng tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Vậy nên, để xác định các nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam, 07 biến quan sát liên quan đến các đặc trưng khác nhau của doanh nghiệp, bao gồm đặc trưng về hoạt động kinh doanh, cơ cấu nhân sự của bộ máy quản trị công ty, tổ chức của bộ máy quản trị công ty, cơ cấu vốn chủ sở hữu được xem xét và đánh giá căn cứ kết quả nghiên cứu tổng quan tài liệu về nhân tố ảnh hưởng của cộng đồng các nhà khoa học trên thế giới.

Bảng 3.1: Biến quan sát phục vụ nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng chất lượng báo cáo phát triển bền vững

Đặc trưng của doanh nghiệp	Biến quan sát		Mã hóa	Cơ sở lựa chọn biến quan sát
Hoạt động kinh doanh	❶	Lĩnh vực kinh doanh	Linhvuckinhdoanh	Kılıç và Kuzey (2017); Chairina và Tjahjadi (2023)
	❷	Loại hình doanh nghiệp	Loaihinhdoanhnghiep	Rudyanto và Veronica Siregar (2018);
Cơ cấu nhân sự của bộ máy	❸	Tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị	TylethanhviendoclapHDQT	Amran và cộng sự (2013); Al-Shaer và Zaman

quản trị công ty				(2016); Chairina và Tjahjadi (2023)
	④	Tỷ lệ nữ giới trong Hội đồng quản trị	TylenugioitrongHDQT	Amran và cộng sự (2013); Al-Shaer và Zaman (2016); Chairina và Tjahjadi (2023)
	⑤	Tỷ lệ nữ giới trong Ban điều hành	TylenugioitrongBDH	
Tổ chức của bộ máy quản trị công ty	⑥	Ủy ban về Phát triển bền vững	Uybanvephattrienbenvung	Amran và cộng sự (2013); Kılıç và Kuzey (2017); Rudyanto và Veronica Siregar (2018); Al-Shaer và cộng sự (2022);
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	⑦	Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài	Tylevonnuocngoai	Rudyanto và Veronica Siregar (2018); Al-Shaer và cộng sự (2022); Zhang và cộng sự (2022)
Biến phụ thuộc Chất lượng báo cáo phát triển bền vững – ChatluongbaocaoPTBV				

Nguồn: Đề xuất bởi nhóm tác giả

Lĩnh vực kinh doanh được lựa chọn như một biến quan sát có thể tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, bởi những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề nhạy cảm với môi trường thì việc doanh nghiệp quan tâm đến việc hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường hơn so với những doanh nghiệp còn lại. Từ

đó, việc cung cấp thông tin có chất lượng về các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững là một yêu cầu cần thiết đối với các bên liên quan. Biến quan sát “Lĩnh vực kinh doanh” được mã hóa cụ thể như sau: 1 – Ngành năng lượng; 2 – Ngành công nghệ thông tin và viễn thông; 3 – Ngành ngân hàng và bảo hiểm; 4 – Ngành bất động sản; 5 – Ngành sản xuất và kinh doanh; 6 – Ngành khác.

Loại hình doanh nghiệp là một biến quan sát được lựa chọn dựa trên cơ sở về nhân tố “Áp lực từ môi trường” (Hidayah và cộng sự, 2021). Các công ty niêm yết có thể đối mặt với áp lực và yêu cầu công bố thông tin hơn so với các công ty tư nhân hay TNHH, do đó phần nào sẽ tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Trong nghiên cứu, “1” tương ứng với công ty TNHH, “2” tương ứng với công ty cổ phần chưa niêm yết và “3” tương ứng với công ty cổ phần có niêm yết.

“Tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị”, “Tỷ lệ nữ giới trong Hội đồng quản trị” và “Tỷ lệ nữ giới trong Ban điều hành” lần lượt là những biến quan sát liên quan đến đặc trưng về cơ cấu nhân sự của bộ máy quản trị công ty và giá trị thực tế được sử dụng (biến định lượng). Theo quan điểm của nhiều nhà khoa học đúc kết từ kết quả nghiên cứu tổng quan tài liệu, sự đa dạng về thành phần cũng như giới tính sẽ giúp bộ máy quản trị công ty có nhiều góc nhìn khách quan về các vấn đề, nhất là phát triển bền vững. Do đó, sự tham gia của các thành viên độc lập và thành viên nữ giới vào công tác quản lý sẽ góp phần cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Tương tự, “Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài” là biến định lượng liên quan đến đặc trưng về cấu trúc vốn chủ sở hữu. Vì, các nhà đầu tư nước ngoài thường đặt ra những tiêu chuẩn nhất định về chất lượng thông tin được công bố, nên phần nào sẽ tác động đến doanh nghiệp nếu doanh nghiệp có mong muốn thu hút nhà đầu tư nước ngoài.

Liên quan đến đặc trưng về cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị, việc tồn tại một Ủy ban Phát triển bền vững trực thuộc Hội đồng quản trị hay một Ban cố vấn về các vấn đề liên quan đến sự bền vững sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Đây là biến nhị phân với hai giá trị: 1 – Tồn tại Ủy ban Phát triển bền vững và 2 – Không tồn tại Ủy ban Phát triển bền vững.

Ban đầu, để đơn giản hóa quá trình nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng, phân tích tương quan được thực hiện đối với 07 biến quan sát. Tuy nhiên, kết quả cho thấy giữa các biến quan sát độc lập lại có mối tương quan với nhau. Đồng thời, kết quả phân tích

hồi quy tuyến tính đa biến lại xác nhận không biến nào có ý nghĩa thống kê và xuất hiện hiện tượng đa cộng tuyến. Do đó, để hạn chế số lượng biến quan sát và khám phá những nhân tố tiềm năng có thể được hình thành từ việc kết hợp các biến quan sát với nhau, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA) được áp dụng với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS 20.

Chất lượng báo cáo phát triển được đo lường thông qua mô hình đánh giá với 04 tiêu chí đầy đủ, tin cậy, có thể so sánh được và kịp thời. Điểm quy đổi tối đa về chất lượng báo cáo phát triển mà một doanh nghiệp có thể đạt là 100. Phương pháp phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng để kiểm tra mối quan hệ giữa các biến độc lập – nhân tố được tạo thành từ kết quả phân tích nhân tố khám phá và biến phụ thuộc “Chất lượng báo cáo phát triển bền vững” – ChatluongbaocaoPTBV.

Vì có lợi thế về tiềm lực kinh tế và nhân sự, các công ty có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 theo xếp hạng của Vietnam Report được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu với kỳ vọng những doanh nghiệp này có mức độ công khai và chất lượng báo cáo phát triển bền vững tốt hơn những doanh nghiệp khác. Dữ liệu của 100 công ty đầu tiên thuộc top 500 công ty có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report được thu thập trực tiếp từ hệ thống Báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững công khai trên website chính thức của doanh nghiệp.

Thông tin được phân loại và tổng hợp nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu thông qua ứng dụng bảng tính Excel.

Dữ liệu của 07 biến quan sát độc lập được thực hiện phân tích nhân tố khám phá với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS 20.

Bảng 3.2: KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,742
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	78,778
	df	21
	Sig.	0,000

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

Hệ số KMO ở lần chạy nhân tố khám phá lần đầu tiên đạt 0,742 ($0,5 < KMO < 0,8$) cho thấy dữ liệu nghiên cứu là phù hợp. Đồng thời, các biến quan sát có sự tương quan với nhau, vì kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (giá trị Sig. Bartlett's Test of

Sphericity: $0,000 < 0,05$). Mặc dù, có nhiều ý kiến cho rằng việc chạy nhân tố khám phá trong trường hợp này chỉ làm phức tạp hóa thêm vấn đề và thực sự không cần thiết. Tuy nhiên, căn cứ kết quả phân tích ban đầu và các hệ số thống kê KMO hay kiểm định Bartlett có thể khẳng định việc thực hiện phân tích nhân tố khám phá là hoàn toàn phù hợp.

Bảng 3.3: Total Variance Explained

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	2,61	37,32	37,32	2,61	37,32	37,32	2,08	29,73	29,73
2	1,14	16,32	53,63	1,14	16,32	53,63	1,67	23,90	53,63
3	0,91	13,08	66,71						
4	0,75	10,71	77,43						
5	0,64	9,07	86,50						
6	0,56	8,05	84,55						
7	0,38	5,45	100,00						

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

Bảng 3.4: Rotated Component Matrix^a – Lần thứ nhất

	Component	
	1	2
Tylevonnuocngoai	0,810	
Uybanvephattrienbenvung	0,786	
TylethanhvienoclapHDQT	0,661	0,339
Loaihinhdoanhnghiep	0,556	0,325
TylenugioitrongBDH		0,780
TylenugioitrongHDQT		0,718
Linhvuckinhdoanh		0,475

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

a. Rotation converged in 3 iterations.

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

Kết quả trích xuất thu được 02 nhân tố có hệ số eigenvalues lớn hơn 1 với tổng phương sai tích lũy đạt 53,63% (> 50% – mức tối thiểu cho phép). Dữ liệu được trình bày trong bảng ma trận xoay cho thấy, biến quan sát “Linhvuckinhdoanh” có hệ số tải ở mức 0,475 (nhỏ hơn 0,5), nên được loại khỏi mô hình nhân tố. Mặc dù, hai biến quan sát “TylethanhviedoclaphDQT” và “Loaihinhdoanhnghiep” tải lên ở cả hai nhân tố “Component 1” và “Component 2”, chênh lệch hệ số tải vẫn đảm bảo lớn hơn 0,2 (0,661 – 0,339 = 0,322 và 0,556 – 0,325 = 0,231). Vấn đề khi một biến quan sát tải lên nhiều nhóm thì mức chênh lệch hệ số tải giữa các nhóm là bao nhiêu để xác định nên xếp biến quan sát đó vào nhóm có hệ số tải cao hay loại biến quan sát hiện vẫn còn nhiều tranh cãi giữa nhiều nhà nghiên cứu, chưa có một tiêu chuẩn thống nhất chung nào để quyết định loại hay giữ biến quan sát tải lên nhiều nhân tố. Rất nhiều nhà nghiên cứu cho rằng giá trị này là 0,2, nhưng cũng có nhóm nhà nghiên cứu khác đề xuất 0,3¹. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng 0,2 làm chuẩn thước đo để loại biến quan sát. Do đó, hai biến này tạm thời vẫn được giữ lại ở lần chạy nhân tố khám phá thứ hai.

Bảng 3.5: Rotated Component Matrix^b – Lần thứ hai (lần cuối cùng)

	Component		Factor name
	1	2	
Tylevonnuocngoai	0,826		Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp
Uybanvephattrienbenvung	0,768		
TylethanhviedoclaphHDQT	0,675	0,321	
Loaihinhdoanhnghiep	0,573	0,309	
TylenugioitrongBDH		0,815	Mức độ bình đẳng giới trong
TylenugioitrongHDQT		0,768	bộ máy quản trị công ty
Hệ số KMO: 0,740 > 0,5			
Sig. Bartlett's Test of Sphericity: 0,000 < 0,05			
Rotation Sums of Squared Loadings – Cumulative %: 60,45% > 50%			

Extraction Method: Principal Component Analysis.

Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization.

b. Rotation converged in 3 iterations.

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

¹ <https://xulydinhluong.com>

Ở lần chạy nhân tố khám phá lần thứ hai, đồng thời cũng là lần cuối cùng, 06 biến quan sát hội tụ với nhau và tạo thành hai nhân tố mới với tên gọi lần lượt là “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” được kết hợp bởi 04 biến quan sát “Tylevonnuocngoai”, “Uybanvephattrienbenvung”, “TylethanhviedoclaphHDQT”, “Loaihinhdoanhnghiep” và nhân tố “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” – 02 biến quan sát “TylenugioitrongBDH” và “TylenugioitrongHDQT”.

Vì minh bạch kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như quan tâm đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát là cách thức hiệu quả để doanh nghiệp thu hút nhà đầu tư nước ngoài, nên “Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài” và “Tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị” thể hiện mức độ chủ động minh bạch của doanh nghiệp. Đồng thời, hình thức đăng ký kinh doanh hay “Loại hình doanh nghiệp” cũng thể hiện sự ràng buộc pháp lý liên quan đến việc bắt buộc công bố thông tin định kỳ, tùy thuộc vào hình thức công ty TNHH, công ty cổ phần chưa niêm yết hay công ty cổ phần đã niêm yết. Mặt khác, việc thành lập Ủy ban về Phát triển bền vững trực thuộc Hội đồng quản trị hay Ban điều hành thể hiện tính chủ động và quan tâm của doanh nghiệp đến các vấn đề môi trường và xã hội, bên cạnh yếu tố kinh tế. Vậy nên, “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” được sử dụng để mô tả nhân tố đầu tiên được hình thành từ kết quả khám phá nhân tố. Nhân tố thứ hai “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” thể hiện sự tham gia của nữ giới trong Ban điều hành và Hội đồng quản trị của doanh nghiệp.

Bảng 3.6: Correlations

		Chatluong baocaoPTBV	Mucdochudong minhbachPTBV	Mucdo binhdanggioi
ChatluongbaocaoPTBV	Pearson Correlation	1	0,127	0,129
	Sig. (2- tailed)		0,209	0,281
	N	100	100	72
Mucdochudong minhbachPTBV	Pearson Correlation	0,127	1	0,340**

		Chatluong baocaoPTBV	Mucdochudong minhbachPTBV	Mucdo binhdanggioi
	Sig. (2-tailed)	0,209		0,003
	N	100	100	72
Mucdobinhdanggioi	Pearson Correlation	0,129	0,340**	1
	Sig. (2-tailed)	0,281	0,003	
	N	72	72	72

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

Trước khi thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính, mối tương quan giữa 02 biến độc lập, tương ứng với 02 nhân tố “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” – “MucdochudongminhbachPTBV” và “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” – “Mucdobinhdanggioi” với 01 biến độc lập “Chất lượng báo cáo phát triển bền vững” – “ChatluongbaocaoPTBV” được kiểm tra thông qua hệ số Person.

Bảng 3.7: ANOVA^c

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	3.432,484	2	1.716,242	5,379	0,007 ^d
	Residual	22.014,391	69	319,049		
	Total	25.446,875	71			

c. Dependent Variable: ChatluongbaocaoPTBV

d. Predictors: (Constant), Mucdobinhdanggioi, MucdochudongminhbachPTBV

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

Khác với kỳ vọng, không tồn tại mối tương quan giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc hay khả năng tác động của hai nhân tố được nghiên cứu đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững có thể không cao. Trong khi đó, giữa 02 biến độc lập lại có mối

tương quan thuận (Sig. (2-tailed) = 0,003 < 0,01). Tuy nhiên, hệ số tương quan Pearson chỉ đạt 0,340 (nhỏ hơn 0,5), điều này đồng nghĩa với việc khó có thể xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến giữa hai biến độc lập.

Bảng 3.8: Model Summary^e

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	0,367 ^f	0,135	0,110	17,86195	2,102

f. Predictors: (Constant), Mucdobinh danggioi, MucdochudongminhbachPTBV

e. Dependent Variable: ChatluongbaocaoPTBV

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả

Mặt khác, giá trị Sig. của kiểm định F bằng 0,007 (< 0,05), nên mô hình hồi quy tuyến tính đa biến dự kiến là phù hợp. Hệ số R^2 hiệu chỉnh đạt 0,110 thể hiện các biến độc lập có thể giải thích được 11% sự biến đổi của biến phụ thuộc. Giá trị Durbin-Watson ở mức 2,102 (nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5) nên hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất không bị vi phạm.

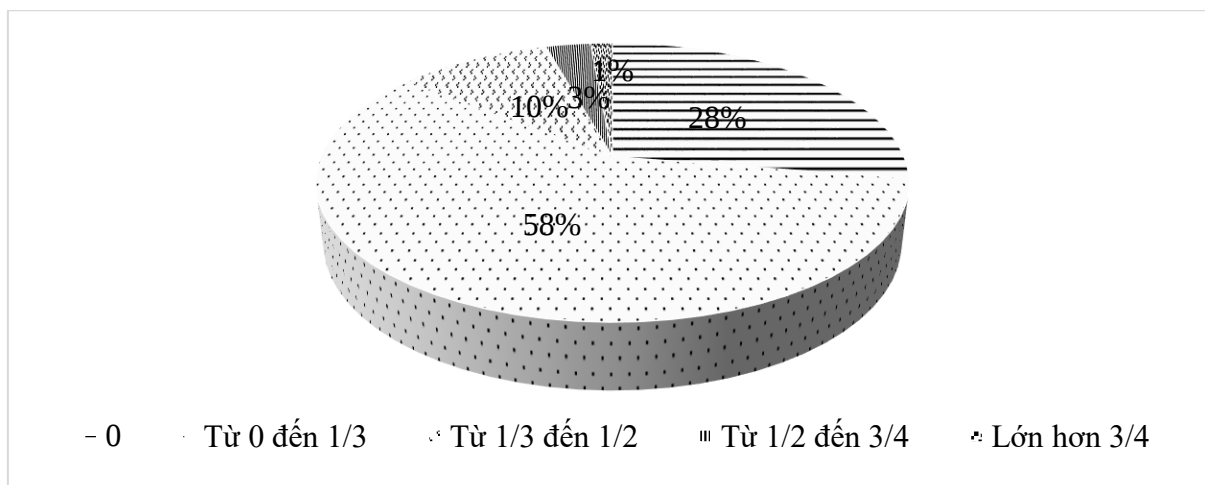
Hệ số phóng đại phương sai VIF nhỏ hơn 2 (VIF = 1,131) khẳng định hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập không xảy ra.

Bảng 3.9: Coefficients^g

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	27,749	3,601		7,705	0,000		
	MucdochudongminhbachPTBV	0,236	0,077	0,366	3,072	0,003	0,884	1,131
	Mucdobinh danggioi	0,002	0,069	0,004	0,034	0,973	0,884	1,131

g. Dependent Variable: ChatluongbaocaoPTBV

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm SPSS bởi nhóm tác giả



Hình 3.1: Tỷ lệ nữ giới tham gia bộ máy quản trị công ty của Top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report

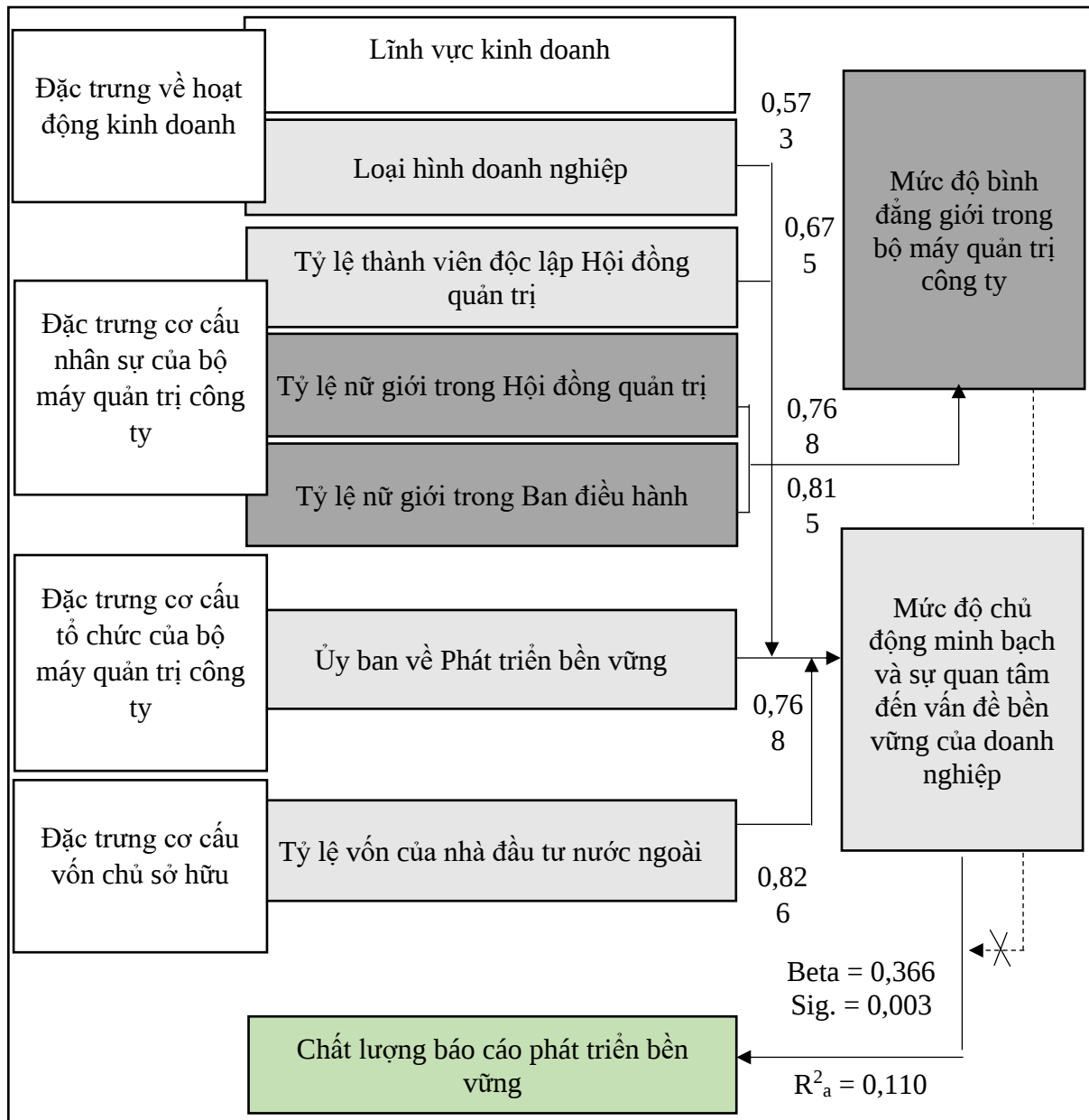
Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Tương tự kết quả phân tích tương quan Pearson, nhân tố “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” không có ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report (giá trị Sig. kiểm định t bằng 0,973 > 0,05). Điều này cũng hợp lý, bởi theo thông tin về số lượng nữ giới tham gia vào bộ máy quản trị công ty thu thập được từ Báo cáo thường niên, hơn 1/3 doanh nghiệp (26 trên tổng số 70 công ty công bố thông tin) có tỷ lệ nữ giới trong Ban điều hành là 0% và gần 1/2 doanh nghiệp (33 trên tổng số 71 công ty công bố thông tin) có tỷ lệ nữ giới trong Hội đồng quản trị là 0%.

Bên cạnh đó, hơn 3/4 doanh nghiệp (47 trên tổng số 69 công ty công bố thông tin) có tỷ lệ nữ giới tham gia bộ máy quản trị công ty dưới 1/3 tổng số thành viên Ban điều hành và Hội đồng quản trị công ty. Vậy nên, thực tế đội ngũ nhân sự quản lý là nữ giới tại top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report chưa đủ khả năng ảnh hưởng hay thể hiện được vai trò và tiếng nói của mình trong những quyết định quan trọng của doanh nghiệp.

Đáng chú ý, nhân tố “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” có ý nghĩa thống kê với giá trị Sig. đạt 0,003 < 0,01. Do đó, có thể kết luận rằng, mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng

của Vietnam Report.



Hình 3.2: Nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report

Nguồn: Đề xuất bởi nhóm tác giả

Phương trình hồi quy chưa chuẩn hóa (1) và chuẩn hóa (2) về nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững có thể được viết lần lượt như sau:

$$\text{ChatluongbaocaoPTBV} = 27,749 + 0,236 * \text{MucdochudongminhbachPTBV} + \varepsilon$$

(1)

$$\text{ChatluongbaocaoPTBV} = 0,366 * \text{MucdochudongminhbachPTBV} + \varepsilon \quad (2)$$

Bảng 3.10: Mối quan hệ giữa đặc trưng của doanh nghiệp và chất lượng báo cáo phát triển bền vững

Tên công ty	Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài, %	Tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị, %	Ủy ban về Phát triển bền vững	Loại hình doanh nghiệp	Vị trí xếp hạng
Top 4 doanh nghiệp có điểm quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững cao nhất					
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	55,6	30	Có	Công ty cổ phần có niêm yết	1
Ngân hàng TMCP Á Châu	30	25			2
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	17,26	11,11			
Tập đoàn Bảo Việt	27,3	0			
Top 4 doanh nghiệp có điểm quy đổi về chất lượng báo cáo phát triển bền vững thấp nhất					
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	0	0	Không	Công ty TNHH	1
Công ty Cổ phần Vincom Retail	32	33,33		cổ phần có niêm yết	2
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	0	0		Công ty TNHH	3
Tổng công ty Viễn thông MobiFone	0	0			3

Nguồn: Tổng hợp bởi nhóm tác giả

Như đã đề cập trước đó, nhân tố được xem xét là sự kết hợp của nhiều thành tố khác nhau thuộc đặc trưng về hoạt động kinh doanh, đặc trưng cơ cấu nhận sự và cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị công ty, cũng như đặc trưng về cơ cấu vốn chủ sở hữu. Điều này cho thấy những khó khăn và thách thức của cơ quan Nhà nước, tổ chức nghề nghiệp

và bản thân doanh nghiệp trong việc cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Bởi vì, để cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững cần phải thực hiện cải cách đồng bộ, không chỉ bộ máy quản trị, mà còn tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp. Điều đó thể hiện tính chủ động của doanh nghiệp trong việc niêm yết trên thị trường chứng khoán, thu hút vốn của nhà đầu tư nước ngoài, bổ nhiệm thành viên độc lập Hội đồng quản trị – đại diện cho lợi ích của thiểu số và thành lập một bộ phận chuyên trách các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững hay mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp.

3.2 Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam

Hai nhân tố hình thành từ kết quả phân tích nhân tố khám phá 07 biến quan sát liên quan đến các đặc trưng cơ bản của doanh nghiệp được tiến hành phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính đa biến. Vì tỷ lệ nữ giới tham gia vào công tác quản lý của Ban điều hành và Hội đồng quản trị tại top 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report còn hạn chế, nên sự đóng góp của đội ngũ quản lý nữ giới trong việc giải quyết các vấn đề về phát triển bền vững, cũng như công bố thông tin liên quan chưa thực sự tương xứng với kỳ vọng cũng như năng lực vốn có của họ. Bởi vậy, nhân tố “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” không thể hiện sự ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp. Khác với nhân tố thứ nhất, “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” có tác động tích cực đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Kết quả thu được là căn cứ quan trọng giúp bản thân doanh nghiệp, cũng như các nhà lập pháp và tổ chức nghề nghiệp đề xuất và triển khai các giải pháp hữu ích nhằm nâng cao chất lượng thông tin phi tài chính.

Có thể nhận thấy, quan điểm và ý thức hệ của nhà quản trị về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, bao gồm chất lượng của thông tin về phát triển bền vững, quyết định đến cách thức điều hành và tiến trình vận hành các hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. Nếu nhà quản trị cho rằng thực hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội là mục tiêu quan trọng, điều này cũng đồng nghĩa với việc tồn tại một bộ phận như Ủy ban về phát triển bền vững trong cơ cấu bộ máy tổ chức là cần thiết. Đồng thời, chủ động công khai, minh bạch kết quả hoạt động kinh doanh và đóng góp của doanh nghiệp trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững để thu hút không chỉ vốn

đầu tư, mà còn nguồn nhân lực nước ngoài là một giải pháp hiệu quả giúp cải thiện chất lượng thông tin về phát triển bền vững một cách trực tiếp và có chủ đích. Đó đó, mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững là hợp lý.

Doanh nghiệp cần chủ động minh bạch thông tin thể hiện ở việc lựa chọn loại hình để hoạt động. Bởi, công ty cổ phần có niêm yết trên thị trường chứng khoán thường chịu áp lực lớn từ cổ đông, nhà đầu tư, đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về việc công bố thông tin của Nhà nước. Do đó, để thỏa mãn kỳ vọng của các bên liên quan về chất lượng thông tin, doanh nghiệp sẽ có xu hướng chú trọng đến những vấn đề về trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng và cung cấp những thông tin phi tài chính này nhằm truyền tải thông điệp tích cực đến đối tượng sử dụng thông tin. Và một trong những đối tượng quan trọng đó là nhà đầu tư nước ngoài, bởi chủ thể này có thể đánh giá doanh nghiệp thông qua các tiêu chí về phát triển bền vững và yêu cầu tính trung thực và hợp lý của thông tin. Không những thế, với kiến thức và kinh nghiệm của mình nhà đầu tư nước ngoài có thể góp phần vào việc nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp. Vậy nên, việc chủ động mở rộng tỷ lệ hạn mức và thu hút vốn đầu tư nước ngoài được xem là một định hướng phát triển đúng đắn trong việc theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững, cũng như cải thiện chất lượng thông tin.

Mặt khác, các thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị có khả năng đưa ra quan điểm đa dạng và không bị ảnh hưởng bởi quyền lợi cá nhân hay nhóm nhỏ. Điều này giúp đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong báo cáo phát triển bền vững. Thành viên độc lập có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Họ có thể đảm bảo rằng các hoạt động được thực hiện theo các tiêu chuẩn và quy định liên quan đến phát triển bền vững, đồng thời giám sát việc báo cáo đảm bảo trung thực và đầy đủ. Thành viên độc lập có thể mang đến kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển bền vững. Họ có thể cung cấp những đánh giá và gợi ý để nâng cao chất lượng báo cáo, đảm bảo rằng các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển bền vững được định rõ và đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Do đó, bên cạnh việc chủ động bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của doanh nghiệp, Nhà nước cũng cần có cơ chế và chính sách phù hợp nhằm đảm bảo duy trì một tỷ lệ phần trăm tối thiểu đối với thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị của doanh nghiệp.

Cuối cùng, bên cạnh việc tham mưu và giải quyết các vấn đề về môi trường và

xã hội của doanh nghiệp, Ủy ban về phát triển bền vững có thể đóng vai trò quy định và hướng dẫn về các tiêu chuẩn và quy trình báo cáo phát triển bền vững. Bằng cách cung cấp các nguyên tắc và hướng dẫn rõ ràng, Ủy ban có thể tạo ra một khung pháp lý và chuẩn mực chung để đảm bảo chất lượng báo cáo. Đồng thời, Ủy ban có thể thực hiện chức năng giám sát và đánh giá chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Bằng cách thực hiện kiểm tra, đánh giá và xác minh thông tin, Ủy ban có thể đảm bảo tính hợp lý và tin cậy của báo cáo. Các thành viên của Ủy ban, từ các bộ phận khác nhau trong tổ chức, có thể mang lại sự đa dạng và hiểu biết chuyên môn sâu rộng để đánh giá và theo dõi các tiến độ và thành tựu. Việc đặt ra các tiêu chuẩn và hướng dẫn rõ ràng về việc làm thế nào để tổ chức lập báo cáo phát triển bền vững sẽ giúp đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy của thông tin được cung cấp. Ủy ban có thể phối hợp với các phòng ban chuyên trách để đào tạo và nâng cao năng lực cho các nhân viên liên quan đến việc chuẩn bị và phát triển báo cáo. Vậy nên, doanh nghiệp cần thành lập một Ủy ban về phát triển bền vững trong cơ cấu tổ chức nội bộ nhằm giúp doanh nghiệp gia tăng sự đóng góp của mình trong việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc và cải thiện chất lượng thông tin.

Mặt khác, để nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam, về phía doanh nghiệp, nhà quản trị cần định rõ tầm nhìn, cam kết và mục tiêu về phát triển bền vững là một phần quan trọng trong báo cáo phát triển bền vững. Các yếu tố này thể hiện cam kết của tổ chức đối với việc tạo ra tác động tích cực đến môi trường, xã hội và kinh tế. Chúng cũng phản ánh tầm nhìn của tổ chức về một tương lai bền vững và mục tiêu cụ thể để đạt được nó.

Để thể hiện tầm nhìn, cam kết và mục tiêu về phát triển bền vững trong báo cáo, tổ chức có thể sử dụng các phương pháp sau: Báo cáo nên bắt đầu bằng việc mô tả tầm nhìn chi tiết về một tương lai bền vững mà tổ chức mong muốn đạt được. Tầm nhìn này có thể bao gồm mô tả về môi trường tự nhiên lành mạnh, xã hội công bằng và thị trường kinh tế bền vững. Báo cáo nên thể hiện cam kết của tổ chức đối với phát triển bền vững. Điều này có thể được thể hiện thông qua việc công bố các cam kết rõ ràng và cụ thể, chẳng hạn như cam kết giảm lượng khí thải, sử dụng nguồn tài nguyên tái tạo, đảm bảo quyền lợi của lao động và cộng đồng, hoặc thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới xanh. Báo cáo nên trình bày các mục tiêu cụ thể mà tổ chức đã đặt ra để đạt được phát triển bền vững. Các mục tiêu này nên được đo lường bằng các chỉ số và tiêu chí đánh giá rõ ràng.

Ví dụ, mục tiêu có thể liên quan đến giảm lượng khí thải, tiết kiệm năng lượng, tăng cường việc sử dụng nguồn tài nguyên tái tạo, đảm bảo an toàn lao động và tạo ra giá trị xã hội.

Bên cạnh việc thể hiện tầm nhìn, cam kết và mục tiêu, tổ chức cần thực hiện các biện pháp để đảm bảo chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Điều này có thể bao gồm: Tuyển dụng các thành viên độc lập có chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển bền vững để đảm bảo tính chính xác và chất lượng của báo cáo. Xây dựng một hệ thống quản lý nội bộ chặt chẽ để đảm bảo tính minh bạch và chất lượng của báo cáo phát triển bền vững. Xây dựng một quy trình báo cáo phát triển bền vững chặt chẽ và tuân thủ các tiêu chuẩn và khung pháp lý liên quan. Đầu tư vào việc đào tạo và nâng cao nhận thức củanhan viên về phát triển bền vững và báo cáo liên quan. Điều này giúp đảm bảo rằng nhân viên hiểu rõ về quy trình, tiêu chuẩn và mục tiêu của tổ chức và có khả năng thực hiện công việc một cách chính xác và hiệu quả. Thiết lập các cơ chế giao tiếp và tham gia cộng đồng: Tổ chức cần thiết lập các cơ chế giao tiếp và tham gia cộng đồng để liên kết với các bên liên quan và thu thập thông tin phản hồi. Điều này có thể bao gồm việc tổ chức các buổi hội thảo, diễn đàn hoặc cuộc họp để trao đổi ý kiến với khách hàng, cộng đồng địa phương, các nhà đầu tư và các bên liên quan khác. Thông qua việc lắng nghe ý kiến và phản hồi từ các bên liên quan, tổ chức có thể cải thiện quá trình phát triển bền vững và báo cáo của mình.

Tóm lại, để thể hiện tầm nhìn, cam kết và mục tiêu về phát triển bền vững trong báo cáo, tổ chức cần mô tả chi tiết tầm nhìn, công bố cam kết và đặt ra mục tiêu cụ thể. Đồng thời, tổ chức cần xây dựng các cơ chế quản lý nội bộ, tuân thủ tiêu chuẩn và khung pháp lý, đào tạo nhân viên và thiết lập cơ chế giao tiếp và tham gia cộng đồng để đảm bảo tính minh bạch, chất lượng và sự liên kết với các bên liên quan trong quá trình phát triển bền vững.

Về phía nhà nước, việc đưa ra các quy định và tiêu chuẩn rõ ràng về báo cáo phát triển bền vững, cùng việc yêu cầu sự tham gia chủ động của các thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị đang được nhấn mạnh. Điều này nhằm đảm bảo tính minh bạch và đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức. Đồng thời, việc tăng cường giám sát và kiểm tra để đảm bảo tuân thủ các quy định về báo cáo phát triển bền vững cũng được coi là một yếu tố then chốt trong quản lý và giám sát hoạt động của các doanh nghiệp. Điều này sẽ giúp củng cố hệ thống pháp lý và thúc đẩy sự phát triển bền vững

của nền kinh tế địa phương. Để nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững cho mọi loại hình doanh nghiệp thì chính phủ cần cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổ chức các chương trình đào tạo và nâng cao nhận thức về phát triển bền vững và xây dựng các quy định linh hoạt nhưng rõ ràng để khuyến khích tất cả các doanh nghiệp công bố báo cáo phát triển bền vững. Các chính sách khuyến khích như ưu đãi thuế hoặc công nhận công khai cũng có thể giúp thúc đẩy sự tham gia và cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững trong các doanh nghiệp thuộc mọi quy mô và loại hình.

Để gia tăng tính phổ biến và thông dụng của báo cáo phát triển bền vững tại Việt Nam, Nhà nước cần xây dựng và áp dụng các quy định pháp lý rõ ràng và bắt buộc về báo cáo phát triển bền vững, đảm bảo sự tuân thủ của doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chính phủ cần cập nhật thường xuyên các quy định này để phù hợp với xu hướng toàn cầu và tình hình thực tế. Đồng thời, Nhà nước hỗ trợ đào tạo và nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp thông qua việc tổ chức các khóa đào tạo, hội thảo và cung cấp tài liệu hướng dẫn về tầm quan trọng và cách thức thực hiện báo cáo phát triển bền vững. Chính phủ có thể phối hợp với các tổ chức quốc tế và chuyên gia trong lĩnh vực này để cung cấp những chương trình đào tạo chất lượng. Để thúc đẩy tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, Nhà nước có thể yêu cầu doanh nghiệp công khai các báo cáo phát triển bền vững trên các nền tảng trực tuyến, tạo điều kiện cho công chúng và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và đánh giá. Đồng thời, xây dựng một cơ sở dữ liệu quốc gia về báo cáo phát triển bền vững để theo dõi, đánh giá và so sánh hiệu quả của các doanh nghiệp. Nhà nước nên khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan bằng cách tạo ra các diễn đàn đối thoại và hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp, nhà đầu tư và các tổ chức xã hội. Các diễn đàn này sẽ là nơi chia sẻ kinh nghiệm, thảo luận và đề xuất các giải pháp cải thiện báo cáo phát triển bền vững. Cuối cùng, cung cấp các biện pháp khuyến khích như tài chính, thuế hoặc công nhận cho những doanh nghiệp thực hiện tốt việc báo cáo phát triển bền vững. Điều này không chỉ tạo động lực cho doanh nghiệp tuân thủ các quy định mà còn góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh minh bạch và bền vững.

Về phía các tổ chức nghề nghiệp, việc cung cấp hướng dẫn và đào tạo cho doanh nghiệp về phát triển bền vững và các báo cáo liên quan cần được đặc biệt quan tâm. Các tổ chức nghề nghiệp cần phải cam kết thúc đẩy việc áp dụng các tiêu chuẩn và khung

pháp lý quốc tế về báo cáo phát triển bền vững, nhằm giúp doanh nghiệp nắm bắt và tuân thủ các quy định này một cách hiệu quả. Chủ trương cung cấp hướng dẫn, đào tạo và hỗ trợ thường xuyên cho doanh nghiệp về việc xây dựng và cải thiện báo cáo phát triển bền vững nhằm đảm bảo rằng các báo cáo được lập ra đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và chuẩn mực cần thiết. Ngoài ra, việc tổ chức các hoạt động giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ đối tác trong việc nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững sẽ giúp tăng cường sự hiểu biết và khả năng thực thi các tiêu chuẩn quan trọng này trong cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của kinh tế và xã hội. Để nâng cao chất lượng báo cáo phát triển bền vững, đặc biệt trong trường hợp đầu tư trực tiếp nước ngoài, các cơ quan chuyên môn cần thực hiện các biện pháp cụ thể sau: Đảm bảo có cơ sở dữ liệu và hệ thống rõ ràng để thu thập thông tin về các lĩnh vực môi trường, xã hội và tài chính. Điều này liên quan đến việc sử dụng các tiêu chuẩn và công cụ đánh giá để đo lường tính bền vững, nhưng các yếu tố địa phương và văn hóa cũng cần được tính đến.

Tóm lại, việc tăng cường chất lượng báo cáo phát triển bền vững đòi hỏi sự hợp tác và đóng góp từ phía bản thân doanh nghiệp, Nhà nước, các tổ chức nghề nghiệp và tất cả các bên liên quan trong việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc thực hiện các mục tiêu bền vững và ý nghĩa của thông tin về sự phát triển bền vững được công bố bởi cộng đồng doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Việc công bố báo cáo phát triển bền vững được doanh nghiệp lựa chọn như một cách thức truyền tải thông điệp tích cực đến các bên liên quan. Tuy nhiên, chất lượng báo cáo phát triển bền vững luôn là vấn đề gây tranh cãi và nhận được sự quan tâm của cộng đồng nhà khoa học. Do đó, bài viết tập trung đánh giá thực trạng chất lượng báo cáo phát triển bền vững được phát hành bởi doanh nghiệp Việt Nam, nhằm giúp các cơ quan quản lý Nhà nước và tổ chức nghề nghiệp có cái nhìn đúng đắn về chất lượng thông tin phi tài chính và xây dựng những biện pháp hữu ích để cải thiện chất lượng thông tin. Chất lượng báo cáo phát triển bền vững được đo lường thông qua 4 tiêu chí: đầy đủ, tin cậy, có thể so sánh được và kịp thời. Dữ liệu được thu thập và tổng hợp từ công thông tin chính thức của mẫu nghiên cứu, gồm 100 doanh nghiệp đầu tiên thuộc top 500 doanh nghiệp lợi nhuận lớn nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo bảng xếp hạng của Vietnam Report. Kết quả nghiên cứu cho thấy, không chỉ có mức độ công bố báo cáo phát triển bền vững thấp, mà chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam chưa đáp ứng được các yêu cầu chất lượng. Nhà nước và các cơ quan chức năng cần có cơ chế và chính sách phù hợp nhằm cải thiện tính đáng tin cậy và tính có thể so sánh được của thông tin phi tài chính được công bố bởi cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam.

Bên cạnh việc công bố báo cáo phát triển bền vững, chất lượng báo cáo phát triển bền vững là chủ đề nhận được sự quan tâm đông đảo của không chỉ cộng đồng các nhà khoa học, mà còn các nhà xây dựng chính sách. Do đó, bài viết tập trung nghiên cứu các nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững được phát hành bởi doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời, một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng thông tin phi tài chính cũng được đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu thu được. Để xác định các nhân tố tiềm năng có thể tác động đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, bảy biến quan sát liên quan đến các đặc trưng về hoạt động kinh doanh, cơ cấu nhân sự của bộ máy quản trị công ty, tổ chức của bộ máy quản trị công ty, cơ cấu vốn chủ sở hữu được thực hiện phân tích nhân tố khám phá. Phân tích tương quan Pearson và hồi quy tuyến tính được áp dụng để kiểm tra mối quan hệ giữa biến độc lập – nhân tố ảnh hưởng và biến phụ thuộc – chất lượng báo cáo phát triển bền vững. Dữ liệu của 100 doanh nghiệp đầu tiên thuộc top 500 công ty có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report được thu thập từ hệ thống báo

cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững, đồng thời được xử lý với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê SPSS 20. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân tố “Mức độ chủ động minh bạch và sự quan tâm đến vấn đề bền vững của doanh nghiệp” – được tạo thành từ 04 biến quan sát “Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài”, “Ủy ban về Phát triển bền vững”, “Tỷ lệ thành viên độc lập Hội đồng quản trị” và “Loại hình doanh nghiệp” ảnh hưởng tích cực đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững, trong khi đó nhân tố “Mức độ bình đẳng giới trong bộ máy quản trị công ty” – được tạo thành từ 02 biến quan sát “Tỷ lệ nữ giới trong Ban điều hành” và “Tỷ lệ nữ giới trong Hội đồng quản trị” lại không có ý nghĩa thống kê. Để cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững doanh nghiệp cần phải thực hiện cải cách đồng bộ, không chỉ bộ máy quản trị, mà còn tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp, trong đó quan điểm của đội ngũ quản trị về các vấn đề môi trường và xã hội đóng vai trò chủ chốt.

Đối với doanh nghiệp niêm yết, những thuyết minh về thông tin tài chính phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, những ý kiến nhận định, đánh giá phải đúng mức, có chiều sâu và có tính thuyết phục. Cuối cùng, để báo cáo phát triển bền vững có chất lượng, cần có sự đầu tư của các nhà quản lý, trong đó có những người có trách nhiệm của công ty. Các thông tin đưa vào báo cáo, các đánh giá, nhận định hay phân tích cần được thảo luận tập thể.

Cần thống nhất về nhận thức và có nhận thức đúng về báo cáo thường niên, về báo cáo tài chính hợp nhất, về báo cáo phát triển bền vững, về năng lực quản trị của công ty. Đây không chỉ là yêu cầu pháp lý trong một nền kinh tế thị trường mở, không chỉ là yêu cầu chính đáng của các nhà đầu tư, mà còn là lợi ích quốc gia, lợi ích của chính các nhà doanh nghiệp, các chủ sở hữu về các thông tin tin cậy cho việc nhìn nhận thực trạng kinh tế, thực trạng kinh doanh, thực trạng tài chính của doanh nghiệp và là cơ sở quan trọng cho các quyết định quản lý, quyết định kinh doanh.

Báo cáo phát triển bền vững nên cung cấp thông tin một cách rõ ràng, trung thực và không thiên vị. Các thông tin phải được trình bày một cách minh bạch và chính xác, đảm bảo tính chân thực trong việc đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh và các thành tựu đạt được. Bên cạnh đó, báo cáo phát triển bền vững cần có một cái nhìn toàn diện và đánh giá đúng mức về các khía cạnh của hoạt động kinh doanh. Điều này đảm bảo rằng báo cáo không chỉ tập trung vào các thành tựu và kết quả tích cực mà còn phản ánh cả các khó khăn, thách thức và những mặt yếu kém.

Mặt khác, báo cáo phát triển bền vững nên cung cấp thông tin hữu ích và có giá trị cho người đọc. Thông tin nên được trình bày một cách dễ hiểu, tránh sử dụng ngôn ngữ phức tạp và thuật ngữ chuyên ngành quá nhiều. Điều này giúp người đọc dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ hơn về hoạt động và kết quả của công ty. Báo cáo phát triển bền vững nên cung cấp thông tin chi tiết và toàn diện về tình hình kinh doanh, tài chính, tài sản, nguồn vốn và khả năng thanh toán của công ty. Thông tin nên được phân loại và tổ chức một cách có hệ thống, giúp người đọc có cái nhìn tổng quan và đầy đủ về các khía cạnh quan trọng của hoạt động kinh doanh. Cuối cùng, báo cáo phát triển bền vững nên cung cấp thông tin về tác động và hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững đã được thực hiện. Điều này giúp người đọc có cái nhìn rõ ràng về đóng góp của công ty đối với xã hội và môi trường, cũng như đánh giá hiệu quả của các chính sách và biện pháp phát triển bền vững.

Mặt dù, cỡ mẫu nghiên cứu là 100 công ty lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2023 (PROFIT500) theo xếp hạng của Vietnam Report, rất nhiều doanh nghiệp không công bố thông tin phi tài chính về phát triển bền vững. Điều này gây khó khăn trong việc xử lý dữ liệu, cũng như giảm độ tin cậy của kết quả nghiên cứu. Theo mô hình hồi quy đề xuất, biến độc lập chỉ giải thích được khoảng 11% sự biến thiên của biến phụ thuộc. Do đó, trong tương lai việc thực hiện nghiên cứu các nhân tố có thể ảnh hưởng đến chất lượng báo cáo phát triển bền vững là một định hướng đúng đắn, nhằm góp phần cải thiện chất lượng báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

[1] Đặng Ngọc Hùng, Phạm Thị Hồng Diệp, Trần Thị Dung, & Đặng Việt Chung (2018), *Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trách nhiệm xã hội, phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc gia Nghiên cứu và đào tạo Kế toán, Kiểm toán – Đại học Công nghiệp Hà Nội, 137-151.

[2] Hoàng Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Trà Mi, Trần Kim Chi, Lâm Tuệ Minh, & Nguyễn Thúy Hương (2024), *Các nhân tố ảnh hưởng đến công bố báo cáo bền vững của các doanh nghiệp phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, 260+261, 85-95.

[3] Lê Anh Tuấn, & Nguyễn Xuân Hưng (2019), *Thực hiện công bố báo cáo phát triển bền vững tại các doanh nghiệp thuộc Petrolimex*, Kế toán – Kiểm toán, 96-99.

[4] Nguyễn Hồng Nga (2022), *Chất lượng báo cáo phát triển bền vững thông qua sự đảm bảo của nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo: bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, 243, 72-82.

[5] Nguyễn Thúy Anh & Thăng Thùy Linh (2023), *Đa dạng hóa địa lý và công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp: Nghiên cứu trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, Journal of Economics and Business, 3(3), 10-19.

[6] Phạm Ngọc Toàn, & Nguyễn Thành Long (2019), *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc lập và trình bày báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp sản xuất khu vực Đông Nam Bộ*, Tạp chí Công Thương, 6, 120-125.

[7] Phạm Thị Minh Hồng (2016), *Vai trò của báo cáo phát triển bền vững đối với doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập*, Tạp chí Tài chính, 84-86.

[8] Trịnh Hữu Lực, & Tăng Thành Phước (2019), *Các yếu tố ảnh hưởng đến việc công bố báo cáo phát triển bền vững – Trường hợp các doanh nghiệp tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 14(2), 87-99.

Tiếng Anh

[9] Al-Shaer, H. (2020), *Sustainability reporting quality and post-audit financial reporting quality: Empirical evidence from the UK*, Business Strategy and the Environment, 29, 2355-2373.

- [10] Al-Shaer, H., Albitar, K., & Hussainey, K. (2022), *Creating sustainability reports that matter: an investigation of factors behind the narratives*, Journal of Applied Accounting Research, 23(2), 738-763.
- [11] Al-Shaer, H., & Zaman, M. (2016), *Board gender diversity and sustainability reporting quality*, Journal of Contemporary Accounting and Economics, 12(3), 210-222.
- [12] Amran, A., Lee, S. P., & Devi, S. S. (2013), *The Influence of Governance Structure and Strategic Corporate Social Responsibility Toward Sustainability Reporting Quality*, Business Strategy and the Environment, 23(4), 217-235.
- [13] Chairina, C., Tjahjadi, B. (2023). *Green governance and sustainability report quality: The moderating role of sustainability commitment in ASEAN countries*, Economies, 11(27), 1-17.
- [14] Beretta, S., & Bozzolan, S. (2004), *A framework for the analysis of firm risk communication*, The International Journal of Accounting, 39(3), 265-288.
- [15] Chang, W. F., Amran, A., Iranmanesh, M., & Foroughi, B. (2019), *Drivers of sustainability reporting quality: financial institution perspective*, International Journal of Ethics and Systems, 35(4), 632-650.
- [16] Efimova, O., & Batyrova, N. (2013), *Sustainable Development Reporting: International and Russian Experience*, Review of Business and Economics Studies, 1(1), 1-12.
- [17] Figge, F., Hahn, T., Schaltegger, S., & Wagner, M. (2002), *The sustainability balanced scorecard – linking sustainability management to business strategy*, Business Strategy and the Environment, 11, 269-284.
- [18] Global Reporting Initiative (2013), GRI standards. URL: <https://www.globalreporting.org/standards/download-the-standards/>
- [19] Hahn, R., & Kühnen, M. (2013), *Determinants of sustainability reporting: A review of results, trends, theory, and opportunities in an expanding field of research*, Journal of Cleaner Production, 59, 5-21.
- [20] Hardi, I., Idroes, G. M., Hardia, N. A. K., Fajri, I., Furqan, N., Noviandy, T. R., & Utami, R. T. (2023), *Assessing the linkage between sustainability reporting and Indonesia's firm value: The role of firm size and leverage*, Indatu Journal of

Management and Accounting, 1, 21-28.

[21] Hidayah, N., Nugroho, L., & Prihanto, H. (2021), *The determinant factors of sustainability report quality and corporate performance: An empirical study*, International Journal of Finance, Insurance and Risk Management, 11(1), 24-37.

[22] Jadoon, I. A., Ali, A., Ayub, U., Tahir, M., & Mumtaz, R. (2020), *The impact of sustainability reporting quality on the value relevance of corporate sustainability performance*, Sustainable Development, 1-21.

[23] Keijzers, G. (2002). The transition to the sustainable enterprise, Journal of Cleaner Production, 10(4), 349-359.

[24] Lambrechts, W., Son-Turan, S., Reis, L., & Semeijn, J. (2019), *Lean, green and clean? Sustainability reporting in the logistics sector*, Logistics, 3(1), 1-23.

[25] Le Tuan Anh, Pham Ngoc Toan, & Nguyen Xuan Hung, (2020), *Study the factors affecting the presentation and disclosure of sustainable development information of Vietnamese enterprises*, Academy of Accounting and Financial Studies Journal, 24(1), 1-15.

[26] Le Anh Tuan, Phan Thanh Hai, Nguyen Xuan Hung, & Vo Van Nhi (2019), *Research on factors affecting the disclosure of sustainable development report: Experimental at Vietnam national Petroleum Group*, Asian Economic and Financial Review, 9(2), 232-242.

[27] Lucy, L. W, & Taylor, M. E. (2018), *A study of the relationships among environmental performance, environmental disclosure, and financial performance*, Asian Review of Accounting, 26(1), 107-130.

[28] Kılıç, M., & Kuzey, C. (2017), *Factors influencing sustainability reporting: Evidence from Turkey*, SSRN Electronic Journal, 1-28.

[29] Mahoney, L. S., Thorne, L., Cecil, L., & LaGore, W. (2013), *A research note on standalone corporate social responsibility reports: signaling or greenwashing?*, Critical Perspectives on Accounting, 24(4-5), 350-359.

[30] Michelon, G., Pilonato, S. and Ricceri, F. (2015), *CSR reporting practices and the quality of disclosure: an empirical analysis*, Critical Perspectives on Accounting, 33, 59-78.

[31] Ningsih, S., Prasetyo, K. Puspitasari, N., & Cahyono, S. (2023), *Earnings*

management and sustainability reporting disclosure: Some insights from Indonesia, Risks, 11(7), 137-156.

[32] Rojek-Nowosielska, M. (2015), *Social responsibility of organizations: Directions and changes*, Wrocław, Poland: Publishing House of Wrocław University of Economics, 158-170.

[33] Rudyanto, A., & Veronica Siregar, S. (2018), *The effect of stakeholder pressure and corporate governance on the sustainability report quality*, International Journal of Ethics and Systems, 34(2), 233-249.

[34] Sebrina, N., Taqwa, S., Afriyenti, M., & Septiari, D. (2023), *Analysis of sustainability reporting quality and corporate social responsibility on companies listed on the Indonesia stock exchange*, Cogent Business and Management, 10(1), 1-28.

[35] Slacik, J., & Greiling, D. (2020), *Coverage of G4-indicators in GRI-sustainability reports by electric utilities*, Journal of Public Budgeting, Accounting and Financial Management, 32(3), 359-378.

[36] Srivastava, R. P., Rao, S. S., & Mock, T. J. (2013), *Planning and evaluation of assurance services for sustainability reporting: An evidential reasoning approach*. Journal of Information Systems, 27(2), 107-126.

[37] Uyar, A., Karaman, A. S., & Kilic, M. (2020), *Is corporate social responsibility reporting a tool of signaling or greenwashing? Evidence from the worldwide Logistics sector*, Journal of Cleaner Production, 253, 1-13.

[38] World Business Council for Sustainable Development (2003), *Sustainable Development Reporting: Striking the balance*. URL: [https://www.wbcsd.org/Programs/Redefining-Value/Reporting matters/Resources/Sustainable-Development-Reporting-Striking-the-balance](https://www.wbcsd.org/Programs/Redefining-Value/Reporting_matters/Resources/Sustainable-Development-Reporting-Striking-the-balance).

[39] Zhang, Z., Xu, B., & Li, P. (2022), *What affects the quality of sustainability report texts? Evidence from China*, Corporate Social Responsibility Environmental China, 30(3), 1440-1456.

[40] World Commission on Environment and Development (1987), *Our common future*. URL: <https://www.are.admin.ch/are/en/home/media/publications/sustainable-development/brundtland-report.html>.